



MƯA
TRÊN
SÔNG
ĐẮKBLA

ĐOÀN VIỆT HÙNG

NHỚ...

Phong sương mây độ qua đường phố
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê
SƠN NAM

Chiều nào ông Năm cũng chọt gậy ra ngồi nơi quán nước nghèo sát bờ sông. Quán nghèo thiệt: mái lợp lá, giàn rường cột chống đỡ bằng những cây bần, cây so đũa phêu phạo. Trên nền đất gập ghềnh là những chiếc bàn gỗ cũ kỹ, có vẻ như khép nép, ngượng nghịu trước những chiếc đầu nhựa bao quanh. Trên cao, chỗ đặt những ly tách, chai nước ngọt, trái chanh, hũ đường... được bện bằng những cây sồng lá, gá đỡ lỏng chỏng như chực rụng xuống lúc nào không báo trước.

Có cả chục ngôi quán như thế trên khúc sông nhỏ gần nhà, nhưng ông thích nó hơn cả. Không có nhạc xập xình, nằm thoi loi ra khúc ẽnh cong nên có thể ngó xuôi ngược dọc hai bờ, phủ kín màu xanh lá dứa nước, che khuất những căn nhà tầng nghễnh nghệu. Những người khách lui tới quán hầu hết là dân lao động trong khu phố. Họ từ tốn, không ồn ào, nhón nhác. Món nước giải khát được nhiều người ưa thích là trà đá. Ông Năm cũng vậy, ông tới đây lúc nào cũng kêu ly trà đá và ngồi đó ngó mong ra khúc sông quanh, xuôi về hướng Bắc trước khi đổ vào con sông lớn Sài Gòn. Ông thần thờ bên ly nước, xa xăm, mắt dán chặt vào chót ngọn lá dứa nước chúc trong dòng chảy, rung nhẹ đều đặn. Hình như ông có tâm sự, một nỗi nhớ lung linh, lòe sáng gợn lặn tẩn trên lưng con sóng nhỏ. Là người ta đoán vậy, chứ thật ra chỉ có ông mới hiểu rõ ngọn ngành tự đáy lòng mình.

Mùa gió chướng nổi lên lâu rồi, nhưng hiu hiu. Bữa nay thì rộ hung. Cái loại gió giao mùa bắt người ta nao nao hoài nhớ. Nhớ nhà, nhớ quê, nhớ mỗi tình đầu chẳng hạn. Ai cũng có mỗi tình đầu và luôn đẹp. Ông cũng vậy, cũng có mỗi tình đầu, nhưng thỉnh thoảng mới bay qua, chỉ đủ gợn rung dây đàn chùng rồi thôi. Ở cái tuổi tám mươi chuyện tình ái thời trai trẻ như vết sướt trên da, không còn mặn mòi, chẳng bâng khuâng nhưng nhớ chi nữa. Duy nhất ông có một nỗi nhớ khôn nguôi: nhớ quê, nhất là khi ngọn gió chướng khi hiu hiu, lúc mãnh liệt như bàn tay vô hình bóp thắt tim ông từng cơn. Mười ngày trước ông nhận ra ngay thứ gió dờn dợn nổi cồn cào này trên bàn ăn, bắt ông phải buông đũa. Đứa cháu nội hỏi sao vậy ông? Nước mắt ông dân dân như con nít. Thằng con trai hiểu có sự nói ba già rồi, làm sao ngồi xe đến gần sáu trăm cây số, ba cũng không thể đi máy bay được. Giọng nói chăm sóc của nó sao giống lưỡi dao bén cắt rột những bó cải xanh mướt làm vậy? Nước mắt chảy thành giọt, ông vội vã bỏ lên gác, nhìn tấm ảnh thờ của vợ mỉm cười sau khung kính như thầm nhắc: già thiệt rồi, không đi nổi đâu!

Thiệt cơ khổ, ông than thầm, đến một chút xíu nhớ cũng không được nhớ trước mặt con cháu vốn sinh ra ở vùng quê nghèo, mà phải trốn ra đây, ra ngồi nơi góc quán nghèo để hoài nhớ về quê hương nghèo của mình cho có đôi có bạn sao? Mà nghèo sao được chớ? Giàu hung. Ông ứa nước mắt. Giàu nắng, giàu gió, giàu bão, giàu lũ lụt quanh năm. Mùa nào thức ấy. Suốt cả thời trai trẻ cho tới khi “bị bắt cóc” vào đây, ông đã sống với nó, lặn lội cùng nó, hít thở với nó, chạy nhảy cùng với những thú trời ban tặng cho xứ sở ông. Vậy mà giờ này phải đành đoạn chia tay với ngàn ấy thứ chỉ vì con vì cháu...

Giờ thì ông chỉ có mỗi một ước ao duy nhất, được về lại chốn quê, nhìn ngắm lần cuối cùng cho đã con khát nhớ, rồi buông tay, nằm xuống ở đâu cũng được. Một nắm xương tàn nơi đất khách quê người đâu còn ý nghĩa gì đối với thân người đã nằm sâu dưới lòng mộ địa? Nằm nơi chôn nhau cắt rốn hay xứ lạ quê người vẫn là những tầng đất kín bung? Nhưng tim ông vẫn còn đập, mắt ông vẫn còn nhìn thấy rõ ràng mọi vật trước mặt, thì ông nhất định phải hít, phải nếm, rờ đụng những thứ ông đã từng đắm mình gần cả cuộc đời. Đầu tiên là soi cát ở làng ông. Soi cát vàng óng như màu mật ong. Mùa gió Nam non hắt tung những bông mướp vàng lay bay chấp chới, đến Nam cò, cát cuộn gió bốc tận trời cao. Cát bay mịn mờ suốt dải sông trong vắt. Ngọn gió hung bạo thổi tóc mái tranh, lật chổng những ổ chim đồng độc đu đưa trên đọt tre cao, khiến chúng thích thú há miệng hót dài đưa con gió xuống tận cửa biển, mát hút. Những ổ chim bọ trẻ thời ông khèo xuống làm hia đóng vai Triệu Tử Long, Trương Phi... chơi trò nhà chòi, đẹp tựa bức tranh mực tàu...

Nhưng mà làm sao với được một gang tay nổi nhớ, khi đứa con nói ba không thể ngồi xe, đi máy bay? Cơ khổ. Rõ ràng tuổi già làm ông bị cụt đường. Mỗi dây liên lạc duy nhất là những trang báo viết vài dòng ngắn ngủn, toàn là chuyện sập bờ kè, ông này lập quỹ ma, công ty nọ phá sản... Chẳng lẽ quê ông chỉ có những chuyện đó đáng lên mặt nhựt trình? Ông hậm hực đau khổ mà không biết bày tỏ cùng ai. Nổi khổ tâm đeo bám y hệt con đĩa bám vào chân ông khi vác cuốc xuống ruộng mùa tháng mười nước nổi trắng đồng.

Trước mặt ông, đọt lá dừa vẫn chúc xuống dòng nước trôi lặng lờ một cách cần mẫn miệt mài, có lúc ve vẩy như cái ve vẩy tay của người thôn nữ quảy đôi thúng gạo trên vai. Ngoài quê không có loại dừa nước, nhưng có những thứ khác ven sông: cây càm, hàng tre hát ru kẽo kẹt với gió nồm nam mát rười rượi, không cần tốn kém những máy quạt, điều hòa... Trưa, ra bờ sông nằm gối đầu lên đụn cát nhỏ đánh một giấc dài theo tiếng sòng khua mái chèo lụp bụp, cái tiếng nghe như tiếng gõ tang trống lúc Điêu Thuyền ngược cao chiếc cổ trắng, ca khúc huê tình, lúng liếng mắt làm Lữ Bố bủn rủn chân tay đánh rơi đại đao xuống đất.

Chiếc sông neo róc rách nước bên lườn mát hút dậm đường dài, để mỗi khi buồn, ông xuống bếp phụ đám cháu lật những cọng rau xanh dòn như một cái có làm vui nổi nhớ. Nhưng chẳng vui được mà lại vun đầy, cũng chỉ tại mấy cọng mồng toi, rau dền nấu nòi canh tập tàng. Thiếu. Đâu chỉ có vậy? Còn bò ngót, bình bát, bông mướp lúp búp và những con tép giã lập đập. Lửa đỏ đít nồi, nhồi những con tép lá rau nhào lộn trong lớp khói nghi ngút cứ y như bày cò trắng tít cao trong bầu trời chiều xanh thăm thẳm. Những thứ tầm thường ấy mà sao đến giờ này ông mới kịp thấy nó cao sang quá đỗi. Mà cũng phải, chính những thứ ấy đã theo chân cha ông thời mở cõi, đã nuôi dưỡng biết bao thế hệ lớn khôn, đã hóa con cái ông và bao người khác vịn được tay vào những ước mơ muôn đời của kiếp người.

Cũng may, mấy tháng trước ông bốn Thơ vào Saint Paul gấp mảy lúa ghim vô võng mạc. Ông mừng như đào khoai hầm hũ vàng, vội vã kêu xe ôm tới thăm. Băng kín bên mắt phải, chiếc miêng móm mém, bốn Thơ mở to con mắt trái ra cười với ông. Cười đến chảy nước mắt. Vì bất ngờ, vì cảm động... Bốn Thơ bật dậy, hai người ôm nhau khóc. Đôi bạn già gần đất xa trời cứ ôm riết khiến cả phòng ngơ ngác. Đôi bạn cùng ê a Tam

Tự Kinh, cùng chận trâu, cùng lén vào ruộng mía xiết những lóng dài ngọt lừ... Bữa nay gặp nhau nơi xứ người bảo sao không chảy nước mắt được?

Ông Năm chạy ra quây điện thoại công cộng gọi về nhà, nói ở lại với bốn Thơ. Thằng con trai trả lời rột rẹt trong máy: ô kê, được ba! Chút xíu con vô. Nó vô thiệt, ôm theo gói to những sữa, những bánh, nước yến... ấn vào tay bốn Thơ, nói chú cũng như ba con mà. Lần này ông thấy nó ngoái nhìn lại cái cũ kỹ trong tình bạn già nua của ông với cả tấm lòng thành khiến ông vui. Lần đầu tiên ông hể hả với thằng con ra mặt.

Đêm ông ở lại, nằm ghé bên bốn Thơ ngửi cái mùi chua chua của phèn đất, nồng nồng của rơm rạ thấy tâm thần phần chấn lạ thường, thấy như từng hai người đang nằm trên chõng tre trước chái hiên kể chuyện đi dân công Tây Nguyên. Bao nhiêu năm ông mới được ngửi lại cái mùi đặc trưng ấy của quê nhà nên coi bộ rất hả hê, ở riet với bạn trong bệnh viện, suốt ngày lẫn đêm nghe bốn Thơ kể chuyện ngoài đó. Hai ông già thì nhau nói, chen nhau kể chuyện xưa chuyện nay về mảnh đất quê mùa, chơn chất, lắm tai ương, địch họa. Mọi người cứ như cây xương rồng, bàn chải trên dải cát cháy, cứ từng ngồng lớn lên, bắt chấp nắng lửa, mưa dầu... để trở hoa. Hết lớp này tới lớp khác cứ tiếp tục vịn tay vào cái khôn khó mà lớn lên, mà thành người...

“Khu còn mả Cây Keo đỏ, đâu còn nữa, anh. Những lùm bàn chải với mai rừng hóa kiếp thành nhà cao nhà thấp rồi. Khu trại lính sát mép biển cũng vậy, nhà cửa, phố xá kéo dài ra tận ngoài quốc lộ. Đường lớn, đường nhỏ, nhà máy... cứ như trong phim ảnh. Tụi nhỏ bây giờ giỏi hơn lớp già tụi mình. Anh mà về không chừng đi lạc...”. Bốn Thơ miên man kể, ông say sưa nghe như say sưa nghe bà nội ông thuở nhỏ kể chuyện cổ tích thần tiên. Giọng bốn Thơ phều phào như chiếc xe đạp thò gạo cũ kỹ, cọc cách chờ ông ngồi phía sau đi dạo hết phố này qua khu khác. Ông ngơ ngác ngó những bảng hiệu to đùng, ông vịn tay trên thành xi măng cầu Bà Chét, gát chân lên ghé đá công viên coi mấy đứa trẻ thả diều, bãi biển đầy người tắm. Hai người rướn sức đạp lên cầu Đà Nẵng để hoài nhớ câu vọng cổ của người gác cầu dùng tay gõ nhịp lên lan can sắt: *“Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyên đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị đầy ải đơm côi trong ngục thất... tâm hồn...”* Giọng phều phào ấy hứng khởi chờ ông đi cùng khắp... cho tới lúc thiếp đi trong giấc ngủ nhẹ tênh, cho tới khi bốn Thơ nắm tay ông, nước mắt trào bên khóe, bước lên xe. Ông Năm như từ trời cao mây trắng rớt cái đùng xuống đáy vực. Giấc mơ ông là lớp khói xịt sau đít xe, là cái vẫy tay của bốn Thơ không lòi ra khỏi khung cửa kính kín bung. Ông đứng ngó trên trên bóng chiếc xe hút nhỏ sau khúc quanh, trên đường phố đông nghìn nghịt. Còn lại quanh ông là vũng nắng trắng lóa. Bốn Thơ mang theo mẹ con bà hai Mun, ông năm Cảnh, sáu Đờn Cò cùng đám bạn răng rụng, đôi tai nghễnh ngãng, mắt kèm nhèm... bay vụt ra khỏi thành phố. Đám bạn ấy và cả bốn Thơ khác chi những cánh chim trốn tuyết, bay trở về phương Bắc?

-Mua vé Tây Ninh, ông. Hôm qua *nẫu* trúng nhiều lắm – thằng bé đen đúa ốm tong teo chìa xấp vé số trước mặt, khiến ông giật nảy người thiếu chút nữa là rơi tồm xuống sông. Giấc mơ chệnh chùng gây gập, nát ngừu thành bọt sóng. Ông ngơ ngác ngó thằng bé xa lạ mà như đang nắm một thứ gì đó thiệt gần gũi, quý báu lỡ bỏ quên lâu ngày trong hóc bép ám bờ hóng, đang thay thế chiếc bóng bốn Thơ xa hun hút. Ông ngó trên trên vào mặt thằng nhỏ, nuốt nghẹn vừa chỉ tay vào chiếc ghé trước mặt:

- Me chạy, cháu gốc... Cơ khổ, sao cháu lặn lội tận trong này?

-Dạ, nhà đông anh em, nghèo nghỉ hè cháu tranh thủ vào đây, phụ tiền sách vở cho mấy đứa em.

-Chớ nhà cháu ở chỗ nào?

-Xóm Lắm.

-Nhiều xóm Lắm lắm, làm sao ông nhớ hết?

-Xóm Lắm, Tây Phú...

-Ồ há... Tây Phú – Nói và ông nhắm mắt mơ màng, bỏ mặc thằng bé lóng ngóng, loay hoay trên ghế với tập vé số dày cộp. Chất giọng đặc sền sệt ruộng đồng và biển sâu khiến ông hồi hộp, run run như lần đầu tiên nắm tay cô ba Thắm, không thốt lên được lời nào. Chẳng biết cô còn hay mất. Cũng nhờ thằng nhỏ này mà ông mới nhớ lại cái cảm tay đó, chớ lâu rồi ông đã quên?

Ông hỏi thăm gia sự, hỏi thăm xóm làng... Ông hỏi nhiều, dồn dập đến nỗi thằng nhỏ hệt hơi trả lời, chỗ nhớ, chỗ không, biết và không biết chòng chéo lên nhau, đan dệt tựa tấm lụa đào thơm tơ thơm tằm. Thằng nhỏ như thiên sứ kết nối sợi dây đàn lữ đứt của bốn Thơ, mang đến cho ông nụ hoa dú dẻ thơm nức trong đáy mắt. Ông há hê nuốt từng lời sền sệt từ chiếc miệng tròn phát ra những âm lịch nghiêng.

Ông Năm chồm người cắt ngang:

-Hè, chớ cháu biết bến phà cũ chỗ cây da ở Đông Phước không?

Thằng nhỏ nhìn xấp vé số, miệng méo xệch:

-Dạ chỗ cầu Chùa.

-Không phải, ở cầu Chùa góc chéo lên cỡ bốn năm trăm thước. Chạy u một hơi là tới liền đó mà.

-Dạ – thằng nhỏ trả lời vừa ngó ra con đường bắt đầu đông nghịt xe cộ.

-Còn nữa, ở Tây Phú chắc nghe tiếng giáo Hai ở đồng Bầu Sáu, ông giáo hỏi đánh Tây đó mà, nghe nói ông viết sách thuốc, trị bệnh, lập gia phả...

-Dạ, mà cháu đâu biết đồng Bầu Sáu, có nghe nói ông giáo Hai.

-Đúng. Bầu Sáu là Phú Ân. Ông đó, nay ra sao cháu?

Thằng nhỏ gãi đầu, ấp úng không biết trả lời sao:

-Nghe nói mạnh khỏe – Nó đáp bừa, chớ thật bụng đâu biết ông giáo Hai là ai.

Ông xịch ghé lại gần, nắm tay thằng nhỏ, vuốt ve bàn tay gầy tong gầy teo của nó, miệng lầm nhảm “cơ khổ ở ngoài chưa hết nghèo thiệt sao?”. Thằng nhỏ nghiêng đầu về phía ông nhưng nghe không rõ ràng.

-Dạ, nhà con nghèo thiệt mà. Nghèo nên mới theo anh em vô tận đây bán vé số. Nhưng khai trường là con về liền, còn đi học.

Ông già chồm tới định nói câu gì đó nhưng cuối cùng thì ông thả rơi vào tư thế cũ. Ngoài đường xe cộ mỗi lúc một đông thêm. Quán có thêm mấy người công nhân tan ca bước vô kêu ly xây chừng, trà đá... Thằng nhỏ lúng túng với tập vé số còn dày trong lòng tay gầy guộc. Nó ngoái nhìn những người mới đến. Mắt ông già chạm ngay vào cái ngoái nhìn đầy lo lắng rê theo chút hy vọng mỏng tang của thằng nhỏ đồng hương. Ông thả vội tay nó ra, lặn vào túi áo, lôi những tờ giấy bạc cong queo ấn hết vào tay thằng nhỏ, nói phều phào:

-Ông còn chừng đó, chẳng biết bao nhiêu, con giữ lấy hay chọn những tấm vé con thích, biết đâu chừng gặp hên. Ông già rồi. Vé với số mà làm gì. Chừng nào sắp về, con

ghé lại quán này nhẩn ông, có chút quà cho cháu mang về quê – miệng nói, bụng nghĩ ngay đến món tiền cất trong chiếc tráp gỗ chưa tiêu đến. Chẳng nhiều nhận gì, nhưng sẽ phụ thêm tấm áo, cuốn vở, cây bút chì cho tụi em nó. Tội. Biết đâu ông bà, thần hoàng bốn địa phù hộ cho chúng thành tiến sĩ, kỹ sư...

Ông đẩy tay cầm tiền của thằng bé về phía bụng nó, dặn:

-Cứ vài ba bữa cháu tạt qua đây, nói chuyện với ông chút xíu cho vui.

Thằng nhỏ cầm những đồng bạc cong queo, miệng há hốc ngạc nhiên, nói lí nhí: “cảm ơn” trước khi bước qua các bàn khác rồi hòa vào giòng người ngược xuôi như giòng nước xoay vòng. Ông Năm thần thờ đứng lên ngó theo bóng nó hút xa với nỗi vui khắp khối, hy vọng thế nào nó cũng sẽ quay lại nói chuyện với mình.



Con mưa cuối mùa thiệt dữ dội. Mưa âm âm như cầm chính mà trút. Mưa xán xuống mặt đường vẽ thành những vòng tròn nối nhau trôi xuống các hố ga. Nước chảy ào ào. Chẳng mấy chốc, con đường trước mặt như mương nước. Xe cộ chạy ngang qua tạt nước lên tận hàng hiên. Gành bật cười, nghĩ thầm: mưa xứ này thiệt kỳ, ào ào như lũ. Đến mưa cũng hồi hả hưởng chi con người. Tính cách của mưa, của nắng và của người ở đây sao giống nhau quá chừng chừng. Gành giật mình, mưa vậy làm sao qua chỗ ông già bữa hôm? Ngày kia về rồi. Sắp khai giảng. Thiệt tội ông già, chắc là nhớ quê hung, phải ghé thăm ông cụ và cảm ơn món tiền ông cho mình, chẳng nhiều nhõ chi nhưng hiếm có người tốt bụng như vậy. Nó lại nghĩ, sao ông cho mình băm sáu ngàn không tiếc mà mình lại tiếc ướm áo? Nghĩ vậy và nó đội mưa chạy băng qua mấy con đường đón xe buýt qua bên kia rạch Ông.

Mưa dứt thỉnh linh. Đường láng lầy như vừa rửa bột giặt. Mặt trời buổi xế chiều ló ra thật dịu dàng. Xe dừng gần giao lộ, Gành xuống xe lóc cóc chạy bộ một đoạn ngắn mà trong dạ chưa sắp xếp xuôi lọt những câu định nói với ông già.

Quán vắng hoe. Bàn ghế trống trơn. Gành chung hửng, lóng ngóng ngó ra đoạn sông ngắn nơi có lùm dừa nước đứng lẩn ra. Gành nhìn miết tàu lá chúc trong dòng chảy, như thể cánh tay buông xuôi, mệt mỏi thả lững xuống mặt nước. Những lớp lá ngã vàng rung nhẹ trong làn nước sẫm màu. Gành thấy nhớ ông già quá đỗi. Giờ mà có ông ngồi đây nghe nói chuyện hẳn mình cũng đỡ nhớ nhà đôi chút. Mới đó mà đã hơn hai tháng. Hai tháng còn nhớ nhà, bây em, lũ bạn hưởng chi ông cụ xa quê đã lâu hung. Gành mon men lại gần chiếc bàn vuông kê sát vách lá, ăn thông ra mé hông dùng làm chái bếp. Người đàn bà luống tuổi đang lượm thóc trong rổ gạo ngẩng lên, hỏi:

-Cháu kêu gì?

-Dạ không. Cháu hỏi thăm ông cụ hay ra ngôi ở góc bàn đằng kia, cô có biết nhà chỗ nào không?

-Quen?

-Dạ không.

-Không rõ chỗ nào, nhưng thấy ông chống gậy từ hướng ngã tư qua. Cả tuần nay không thấy lại. Già cả, nay đau mai bệnh ai mà biết được.

Gành chung hửng, xớ rớ một lúc, nói cảm ơn rồi bước ra khỏi quán. Giữa phố xá đông nghẹt người như vậy biết hỏi ai để tìm ra chỗ ở của ông? Gành bước xiêu xiêu trong màu nắng thiệt lạ sau cơn mưa. Một thứ màu sắc khó diễn tả nên lời: vừa nhòn nhạt sắt se

vừa mang mang trải dài lớp nắng oi nồng trước đó thành một dải hăng hăng của lớp kem trên chiếc mâm đồng.

Gành ngo ngác hỏi thăm từng căn phố, cố mô tả ông già để gọi nhớ cho từng chủ nhà, nhưng ai cũng lắc đầu. Sao không giống như ngoài mình hẻ, Gành tự hỏi, chôn này hình như mỗi người chỉ biết đến da thịt của riêng mình thôi sao? Mọi hy vọng của nó bắt đầu xẹp lép, trương lên âm điệu buồn mênh mang, như tiếng nhạc đám ma đang chậm rãi ngược chéo với hướng đường nó đang bước tới phía ngã tư . Khung ảnh người người quá cô bị che khuất bởi đũa nhỏ mặc áo tang, trạc tuổi Gành, nên nó không thể nhìn thấy người chết là già hay trẻ. Đoàn xe tang quành sang con đường khác, nó chỉ còn thấy khúc đuôi của những người đưa tiễn, văng vẳng điệu nam ai buồn nào nuốt.

NOI KHÔNG CHỈ CÓ KHÓI NÚI

Hai đứa trẻ đứng thập thò ngoài cổng, bộ dạng rụt rè. Đứa con trai chân đất mặc quần cộc, áo ngắn tay màu đất, tiếp với đôi chân mộc cời. Đứa con gái mang dép nhựa, quần đen hệt lên trên mắt cá chân, tóc hoe rối nùi, trên tay xách bịch ni lông màu đen, không rõ đựng thứ gì. Trục ngồi trên chiếc đầu gối mộc sần sùi, nửa muốn chạy ra mở cánh cổng ghép bằng những cây chà rang, nửa muốn ngồi miết để quan sát điệu bộ lóng ngóng của chúng. Cả hai có vẻ chịu đựng, chờ đợi sự lên tiếng của các cô giáo trong căn nhà tập thể.

Qua khung cửa bằng những vạt cây cắm sâu vào vách đất, thân thể hai đứa bé bị vạch từng đoạn gãy khúc, mờ mờ trong màn sương núi đặc lênh, lung linh, hư ảo trước vạt núi màu xanh phía xa bắt đầu co lại, nhòe nhoẹt lớp khói trắng quần thít, từ từ như người ta kéo tấm vải mỏng phủ trên đồi cỏ hoang. Khúc sông trước mặt cũng đục lênh lờ khói trắng sà thấp sát mặt nước. Khói núi tuôn xuống xuôi theo gió cuối ngày lúc mỗi dày thêm, lạnh ngắt.

Hai đứa nhỏ chắc thấm lạnh, Trục nghĩ và đứng dậy quơ đôi dép dưới gậm bàn bước ra sân. Thấy Trục, đứa con trai dịch nép sau lưng chị. Cánh cổng kéo qua bên, ngã nhào về phía sân. Trục nói:

-Các em vào nhà, kéo lạnh.

Đứa con gái bối rối chuyển chiếc túi từ tay này sang tay kia, lí nhí:

-Má em... má em biểu mang cho cô... – nói và đặt chiếc túi đen xuống thềm cỏ và chạy ngược ra hướng bờ sông. Đứa con trai lúp xúp chạy theo sau, thỉnh thoảng ngoái lại ngó về phía Trục. Bóng của chúng lượn trên đồi cỏ rồi nhòa dần trong lớp sương trắng ở đoạn những ruộng bắp bạt ngàn. Trục chưa hề biết chúng, có lẽ là học sinh của lớp Thắm hay Diệp, Trục đoán vậy.

Trục quay vào nhà, quanh xuống sau chái bếp xách theo bọc cá hai đứa học trò nhỏ mang biểu, đổ ra chiếc rổ nhựa. Một vài con quẫy mình hay cố nhoi chiếc đầu nhỏ lên trên những con khác. Đó là những con cá lúi, cá mương vảy bạc lấp lánh, dài như phần đầu sơ chiếc đĩa bếp, có lẽ người nhà của chúng quây lưới trong các tum hay đánh dẹp bên những con suối.

Trục ngồi trên chiếc đòn kê đổ rô cá vào thau thì Thắm và Diệp từ phía rẫy trông sấn sau trường trở về, khiêng theo bó củi khô dựng bên đầu hồi. Thắm hỏi gì thế? Trục nói cá của học trò mang biểu, không rõ học trò của cô nào. Thắm thọc gáo dừa vào lu múc nước rửa tay vừa liếc nhìn thau cá làm bầm: cá lúi nướng dầm mắm ngò thì không còn gì bằng. Tiếc rằng bọn mình không phải là đàn ông con trai để có thể nhắm nháp chút rượu trong buổi chiều trắng khói núi như thế này. Diệp đứng cạnh đang kéo ống quần để lộ bắp chân tròn trắng, xì một tiếng dài, bảo: nhìn những con cá nằm trong đĩa mắm ớt tỏi mấy bà không cảm thương thân phận đàn bà con gái tụi mình sao. Trắng phau thế mà phơi chình ỉnh trên đĩa đợi người ta thọc đĩa vào ngoáy. Bà nào cũng chuẩn bị tới cột số “băm” hết trơn trời rồi còn thú nổi gì? Thắm hứ đánh cốc “nói xàm” rồi quày quã bước vào nhà. Diệp đứng xớ rớ một lúc, không nghe Trục nói gì, khum người chui qua hàng rào thưa khóa cửa các phòng học. Trục rửa sạch sẽ những con cá cuối cùng cũng vừa lúc ý nghĩ tòe ra, dựng cột số “băm” Diệp nói. Chưa biết có xàm thiệt hay không, nhưng bốn

năm rồi cứ bám riết nơi núi cao suối sâu này, đôi lúc cũng tủi lòng. Nhan sắc không biết phô bày với ai. Những người dân miền núi chân chất thiết tha, luôn nghĩ ba cô giáo là những con người chỉ cách thần núi thần sông một sải tay, đám thanh niên thì luôn nhìn họ ở một khoảng cách xa, nên son phấn cũng trở nên ngượng ngịu trên đôi gò má xạm xạm lỗ chân lông. Hiếm hoi lắm mới nhìn thấy vài người đàn ông thò hàng từ xuôi lên đổi các loại nông thổ sản cho đồng bào rồi ào trở về như thể chốn này là nơi ma thiêng nước độc không nên qua đêm... Sự xuất hiện đột ngột và ra đi cũng đột ngột đôi lúc gợi nhớ những mẫu tình vụn vặt thời học trò: nói vài câu vu vơ góc sân trường, khẽ chạm tay nhau những đêm diễn văn nghệ hay ngồi bên ly nước góc phố... dường như không đủ sức để hạt mầm chút mầm xanh yêu đương. Thỉnh thoảng Trục bật cười một mình, nụ cười giống hệt nòi cá kho bốc mùi sả, ớt và thứ mùi nặng trĩu lưu cữu. Đó là những con cá tràu, cá nhét cong khum lại như cố chịu đựng sức nóng từ đáy xoong vòng lên, đến khi, như không còn sức chịu đựng, chúng cứ ùng ục giống tiếng rên khê.

Ba cô giáo thường xuyên dùng món ăn này và mỗi khi ngửi mùi cá kho, Diệp nhăn mặt kêu giống y chang cái mùi con gái ằm mốc. Thấm lừ mắt, thì bà cuốn xéo về thành phố đi. Việc gì giam giữ thân gái trinh nơi hóc núi này. Diệp buồn cười ha hả, khéo xúi dại, có nước đi bán bia ôm. Mà nghề bia ôm nay chỉ toàn các em mười chín hai mươi, làm gì có chỗ cho thứ gái già này... Diệp kéo dài mấy chữ cuối câu và khóc òa, chén cơm và đôi đũa trên tay thiếu chút nữa là rơi xoảng xuống nền đất ằm. Trục dùng đũa gõ lên thành xoong, các bà ăn nói cẩn thận, chớ quá bi lụy... rồi buồn cười quẹt nước mắt trước tiên. Mâm cơm chiều trở nên lạnh ngắt. Con mèo mướp ngồi chồm hồm liếc nhìn các bà chủ không hiểu cơ sự, kêu mấy tiếng meo meo rồi bỏ đi nơi khác. Thời gian cứ lách thếch bay qua đầu ba cô giáo bằng những chuyện không đâu như vậy, thỉnh thoảng nó như chiếc kèm nhéo nhẹ vào da thịt, không trầy xước nhưng cũng gợn nhói lên chút đau tê.

Trục bung rổ cá vào bếp, kẹp chúng nằm sắp hàng trên chiếc kẹp tre và mang vào bếp cời than hơ lửa. Trục định bụng chỉ cần nướng sượng rồi hong khói theo cách mà Trục học được dưới chợ thị trấn, ai muốn ăn gì tự chế biến. Mùi cá nướng bắt đầu bay tỏa ra thơm phức khiến Trục nghĩ ngay đến chuyện những cọng ngò màu xanh cuộn quần lợn cợn màu ớt đỏ quanh những con cá nướng và Thắm và Diệp. Trục lên gian trên mang theo mùi cá nướng đậm đặc trong buổi hoàng hôn tràn khí núi lạnh. Căn phòng vắng hoe, không rõ hai đứa đi đặng nào vẫn chưa về?

Gian nhà tối dần, khói núi len vào tận bếp, lạnh. Trục quay xuống cời than, vắn nồi cơm rồi đứng lên dựa vào phen cửa nhóng sang phía bờ sông. Vẫn chưa thấy bóng Thắm và Diệp ở đoạn bến nước. Nhớ những hôm trời lạnh dữ, nửa khuya Diệp cong người rúc mũi vào ngực Trục, tiện tay mở cúc áo vắn về đầu vú, kích động cho nó căng cứng lên. Lúc đầu Trục cảm thấy nhột nhạt, giận, nhưng rồi những cảm giác mới lạ, khó tả làm Trục tê rúm cả người và một nhòai trong giấc ngủ chập chờn với những giấc mơ về sự đụng chạm thịt da căng phồng niềm phấn kích bóng nhẫy. Sáng dậy Trục nghiêm mặt: tối nay bà Diệp nên ngủ riêng. Diệp nhăn nhó: trời lạnh thế này tôi đến chết cóng mất. Thắm lê chiếc chổi trên nền đất: cô Trục không nên gây mất đoàn kết. Sương khổ có nhau, chuyền chút hơi ằm cho nhau đầu mất mát gì mà la nguây ngậy, cứ như con Diệp hăm hiếp bà không bằng. Trục như không nghe thấy, vục mặt xuống thau nước pha nóng, dùng chiếc khăn áp nước lên mặt như thể che lấp sự xấu hổ, lơ mơ nghe tiếng nói xa gần

nửa bồn cột hòn dỗi, nửa trách móc. Lúc vắt chiếc khăn mặt lên sợi mây phơi căng ngang trước đầu hồi, Thắm đi xuống dựng chiếc chổi ở chái phen, tiện tay nhéo nhẹ vào hông Trục. Bà mà giả bộ. Tôi nằm nghe bà rên ư ừ như con mèo cái trong mùa động dục. Trục đỏ mặt bỏ ra giéng tìm chiếc gàu, không trả lời, không phân giải; chỉ thấy nóng bừng trên hai vành tai, tê cay nơi sống mũi.

Lúc cây đèn dầu đốt lên, hắt bóng mình chao lượn trên vách đất, Trục bắt đầu sốt ruột. Trời cứ tối dần. Dãy núi phía xa chỉ còn là khối đen thẫm trong màn đêm. Sự lo lắng pha chút sợ hãi khiến bóng đêm trở nên dữ dội hơn. Trục nghĩ ngay đến sự cố tưởng tượng ban chiều, mở một nụ cười như mếu. Nụ cười ngay chính Trục không nhìn thấy. Nụ cười cô đơn chúc đậu trên đôi môi lạnh. Lạnh như từ chỗ ở này từ ngôi trường này vào tới làng xa hụt bước chân trong bóng tối nhập nhòa để có thể lang thang nhìn những quãng đèn sáng hắt ra từ những căn nhà sàn, từ mùi chua ngai ngái bã hèm, mùi phân gia súc vung vãi trên nền đất, đầy ắp sự êm đềm, ấm cúng hơn căn nhà và ngôi trường đứng biệt lập trên dãy đồi hướng ra phía bờ sông.

Đang loay hoay với mớ ý nghĩ lộn xộn thì từ bên nước có tiếng hú gọi dò. Trục đứng bật lên, nhóng cổ nhìn về phía bên tối ư ư. Lại nghĩ, thôi kệ. Chùng nào chúng về thì về, hơi đâu rồi quay vào nhà, ngồi tì tay vào chiếc bàn gỗ mộc nhưng mắt vẫn nhóng qua ô cửa sổ lệch. Con mèo mướp nhảy tọt lên lòng Trục, dúi chiếc đầu cọ cọ vào bụng kêu meo meo có vẻ như vỗ về, an ủi cô chủ: thôi chị đừng buồn, sớm muộn gì hai chị ấy cũng về... Trục vuốt lên lưng nó. Lóp lông mềm mượt như tơ gậy chút cảm giác ấm áp té muộn.

Con mướp đang nằm im bỗng dung nhảy khỏi lòng Trục, phóng vút qua ô cửa cùng với những tiếng meo meo lướt nhẹ trong đêm và mất hút đâu đó. lát sau nó lại cất tiếng nghe xa ở phía góc sân trường, trên lối mòn dẫn ra bờ sông, lúc mỗi rõ dần cùng với hai khối đen nhấp nhô di động. Trục vặn to ngọn đèn dầu, nhòai người ra khung cửa. Thắm và Diệp đã về. Hú hồn, Trục kêu lên nho nhỏ và chạy ào ra như một đứa bé chờ mẹ đi chợ về quá lâu. Nếu như mắt lúc này nhòe ướt thì Trục là con bé con thực. Hai chiếc bóng đen rõ dần. Trục dịch cánh cổng và căng mắt thật to như thể thu hết hai người bạn đồng môn vào sâu trong đồng tử. Bóng hai người ngã chúi về phía con dốc ngược lên nhà. Trục nói vọng ra:

-Hai bà đi đâu dữ thế?

-Qua bên nhà Ama Bơk coi có tin tức, công văn gì từ Phòng gửi lên không?

Lúc cả ba bước hẳn vào nhà, Trục hỏi:

-Không có tin vui?

-Không – Thắm đáp cụt lùn và với tay lên giá gỗ rót đầy cốc nước uống ực một hơi, trong khi Diệp nằm ngã lên giường, giang rộng chân tay như kẻ bị câu móc.

Trục hiểu tiếng “không” của Thắm khi nhìn thấy cô nàng đang đung đưa kéo kẹt chiếc võng gai mắc giữa hai cây cột. Tiếng “không” mỗi một rót gọn xuống nền đất với dài theo sự chờ đợi, hy vọng mỗi mòn ngày về thành phố. Tờ giấy cam kết phục vụ miền núi ba năm càng lúc càng giống hình ảnh bà mẹ đi chợ dưới con mắt trẻ thơ, khiến mỗi khi chạm nhẹ vào nó cả ba cứ loay hoay vừa lo lắng sợ hãi vừa tìm cách tự an ủi, rồi ngó vào mặt nhìn nhau như mếu.

Tiếng đập bèm bẹp. Đập muỗi. Trục ngoái lại:

-Ăn chút gì chứ?

-Thôi tao mệt, mai ăn luôn thể.

Trực ái ngại leo lên giường buông mùng, khẽ khàng nằm xuống cạnh Diệu. Tiếng võng vẫn đu đưa kẽo kẹt, đều đều.

Cái lạnh từ những khối đá vô tri tận rừng núi sâu bắt đầu len tận vào vạt giường. Trực cong người lại ôm riết lấy Diệu, chờ hơi ấm từ người nó chuyển qua...



Cuối buổi học, Thắm cho học sinh tập hợp trước cột cờ căn dặn: ngày mai có các thầy cô trên tinh về thăm chúng ta. Nhớ ăn mặc thật đẹp, nhất là nói các bạn còn đang nghỉ ngày mai phải đi đông đủ, sẽ có thưởng.

Thắm nói dứt câu, có tiếng lao nhao “thương, thương” nổi lên dưới sân khiến cô giật mình với lời nói dối vốn dĩ cô rất ghét. Thắm dáo dác nhìn chúng rồi tự trấn an “chẳng qua là bản năng tự nhiên của con người trong những hoàn cảnh thúc bách” và bật cười. Ở có thưởng, nhưng chưa biết thưởng gì. Các em về nhắn lại với bạn, nhớ đi học thật đông đủ.

Thắm cho giải tán. Đám học trò miền núi ừa chạy xuống chân đồi như đàn ong vỡ tổ. Những bàn chân đen đũi lướt trên đường đất, trên những vạt cỏ xanh rờn rồi tản dần qua các ngã đường, khuất lấp trong những cây rừng còn sót lại bên vệ đường, nhấp nhô bên các ruộng mía, đồi cỏ... Sân trường phút chốc vắng hoe, chỉ nghe thoang thoang mùi khét nắng, mùi cây rừng bị đốt cháy, mùi lông bò bay vờn quanh chỗ các cô giáo đứng. Nét mặt Thắm có chút tươi. Trực và Diệu cũng vậy khi mùng tượng ngày mai ngôi trường ít còn ai nhớ đến này sẽ được Sở được Phòng về thăm. Chưa biết thăm gì, nói gì nhưng dường như có chút niềm vui len lén mơn man, vuốt ve đầu óc ba người đông đặc sương núi này.

Thắm, Trực, Diệu lục đục cả đêm không ngủ với mớ tâm trạng mùng lo trộn lẫn. Cả ba ngóng chờ lãnh đạo về thăm trường ngày mai như thể chính phái đoàn này sẽ mang đến cho ba cô hơi hóm phở phùng, văn minh đô thị, sự sôi nổi ồn ào của tuổi trẻ thành phố, sự rạo rức của con tim chưa định hình.

Sáng ra, ba cô giáo ngồi ba góc. Chính giữa bàn là đồng sơn phấn ngổn ngang. Những món đồ trang điểm hình như cũng lây niềm vui với các cô chủ. Hiêm hơi lấm chúng mới được tập trung đầy đủ trên mặt bàn để nhìn mặt nhau, được những bàn tay thon mềm chạm khẽ vào vuốt ve, nâng niu, chuyển sang hơi ấm và niềm hạnh phúc nở xòe như nhữg cánh hoa đại mọc tràn trên khoảng sân cỏ trước nhà.

Ngày thứ hai chúng lại được các chủ nhân kéo dựng dậy thật sớm, nhưng niềm vui tựa như vết cào xước trên bức cổ họa, có chút gì gần như sự chịu đựng quá sức trong vẻ mặt của ba người.

Ngày thứ ba, không còn là sự nâng niu, nhẹ nhàng, trân trọng. Chúng được lôi ra và vất lóc trên bàn. Thê thảm hơn là không ai buồn động đến, chỉ nghe những tiếng thờ sụt dài.

Thắm là người đầu tiên ném chiếc lược đang cầm trên tay, văng đụng vào lọ nước hoa Chanel, đụng tiếp vào hộp kem Bioré, xoãi ngang gần sát với núm bông thoa phấn, gần thẳng góc với chiếc bút chì tô mắt.

-Tao không còn đủ sức để nói dối với học trò được nữa. Ngày nào cũng chầu chực. Ngày nào cũng ngóng dài cổ về phía bên nước như chờ ngọn lửa đêm giá rét...

Diệu ôn tồn:

-Bà đừng làm ồn lên. Có khi bị trực trặc gì đó biết đâu chừng!

-Trực trặc gì thì cũng phải báo.

-Ai báo cho bà?

-Bộ mày tưởng đây là khu chợ xóm sao? Một ngôi trường hắt hoi, có tên trong danh sách, có giáo viên đứng lớp, có học sinh, phụ huynh...

Trực gom hết những món đồ trang điểm cho vào tủ, nói giọng cầu hòa.

-Đến giờ lên lớp. Thôi hẵng chờ một bữa nữa. Cứ theo triết lý dân gian “bất quá tam”... Trực nói và ôm tập giáo án bước qua trường trước tiên.

Câu nói của Thắm và hình ảnh đám học trò cứ lớn vồn mãi trong đầu Trực suốt cả buổi, tựa hồ mũi kim nhọn hoang mang mỗi khi chúc đầu găm sợi chỉ vào tà áo sứt. Mũi kim lúc một còn cào, sôi réo hơn khi mà buổi chiều sắp tắt, những vị khách vẫn biệt dạng sau những dây dề, đám học sinh nháp nhôm đưa mắt nhìn nhau, len lén nhìn về phía cô giáo lòng đang rối bời hết ngòi xuống ghé lại đứng lên bước ra cửa, quay lại... như thể đang tìm kiếm vật rơi quý báu.

Ngôi trường vắng lặng cùng với chút nắng chiều sót lại trên chòm cây cao trước cổng. Cả ba mặt mũi héo xàu chẳng khác cọng hành vọt ra từ xoong nước sôi. Thắm quăng xạch tập giáo án lên bàn:

-Thế này thì quá thế, không còn chịu nổi nữa.

Diệu chun mũi:

-Thôi bà ơi, từ tỉnh về tới đây ngót nghét bảy chục cây số. Bộ bà nghĩ những đôi chân mịn màng, những giày vớ bóng lộn có thể chịu đựng nổi như lũ mình sao?

-Còn tụi mình, những bốn năm ròng rã thì là cái gì, hả?

-Bà bớt giọng đay nghiến kiểu đó đi. Ai bắt lên? Cả ba đều làm đơn tình nguyện hắt hoi mà? Thôi họ không về thì đỡ phải nhọc công đón tiếp, phân giải. Kẹt là không biết phải ăn nói sao với đám học trò và cha mẹ chúng để có thể hiểu ra vấn đề.

-Chẳng có vấn đề gì ráo trọi. Vấn đề là ngày mai tao sẽ xuống chỗ ông Hào hỏi cho ra lẽ.

-Ồi chào chuyện vặt – Trực kêu lên, vừa nghe tiếng mở cúc áo của Thắm giật bưng bực kiểng bắn bông vải của các bà mẹ thuở xa xưa. Câu nói của Trực như để khóa lấp con bực bội vô hình đang ào ạt dâng lên như nước lũ vây quần cả ba người, như cổ lẩn tảng đá lấp kín miệng núi lửa trong lòng Thắm đang chực phun trào. Những hoang mang a tòng với cái lạnh buốt về đêm khiến Trực cứ lăn trở trên giường như người bị chứng đau khớp hành hạ.

Giác ngủ chập chờn ngắc ngoải của Trực, sự mỏi mệt của Diệu khựng lại lúc về sáng, khi cả hai nhìn thấy mảnh giấy đặt dưới lọ hoa sành cắm đầy bông hoa đại hái quanh nhà tập thể. “Tao đi gặp ông Hào đây. Chiều về sớm”.

Diệu liếc nhìn tờ giấy, bĩu môi:

-Đồ khùng.

Nét chữ nguệch ngoạc, ngã chúi về phía trước dễ gây sự tưởng tượng về một Thắm đang nhào người trên những con dốc, bờ đá kéo lăn theo nổi bực bội tim ần lâu

nay trong người nó. Cũng may Thắm chỉ mới chúì người chứ chưa vấp ngã. Không hiểu lần này nó có té lăn xuống chân dốc không...

Lớp học như mọi ngày, vẫn thưa thớt không bao giờ đông đủ sĩ số.

Trực và Diệu thay nhau chạy qua chạy lại lớp của Thắm.

Những đứa học trò nhanh nhẹn tháo vát trên nương rẫy giờ ngồi trong lớp giống như những con chim bị nhốt trong lồng, ngơ ngác nhìn hai cô giáo.



Trưởng thôn Ama Bok là người đến trước tiên. Ông ngồi dạng chân trên chiếc ghế đầu khuyết một mảng chỗ tựa lưng, phì phèo điều thuốc sâu kèn to bằng ngón tay cái, bốc mùi khét lẹt. Một lúc sau ba bốn người nữa cùng đến ngồi trên chiếc băng dài, hết ngó lên kèo nhà lại cúi xuống phun nước bọt phèn phẹt trên nền đất. Gian nhà đầy khói thuốc và mùi đàn ông. Họ còn mang theo mùi núi rừng, nương rẫy và nắng và khói lạnh tràn kín gian nhà với những đôi mắt mở to thảng thốt. Diệu cầm đĩa nước mắt vừa rót nước mời khách vừa lấy ống tay áo quạt ngang. Trục lóng ngóng sau chái bếp um khói. Thảm nằm vật trên giường ngăn đôi gian nhà bằng tấm phong màn vải hoa, tay giữ chặt chiếc túi xách căng phồng như sợ ai đó giật đi mất. Chừng mười đứa học trò đứng thấp thỏm ở hiên trường, mắt ngó chăm chăm về phía khu tập thể. Lúc Trục quay lên vừa thấy ông trưởng thôn dụi tắt điều thuốc nhét phần còn lại vào túi áo. Ama Bok háng giọng:

-Khô. Thiệt khô – và khắc khổ xuống nền đất.

Trục và Diệu ngồi ở đầu chiếc bàn dài đối diện với trưởng thôn và những người đàn ông khác.

-Mấy cô mang cái chữ lên cho tụi nó. Giờ mấy cô mang về thì cái đầu của lũ nó sạch trơn.

Diệu huých nhẹ cùi chỏ vào hông Trục, dùng ngón tay cào cào lên mặt bàn gỗ. Trục nói giọng thật nhỏ:

-Dạ... tụi cháu...

-Từ ngày có mấy cô về dạy cái chữ, dân làng mừng lắm. Tụi nhỏ biết được cái chữ, biết tính gĩa lúa thùng bắp. Biết viết cái chữ cho dân làng vay tiền... Tụi tôi biết được chuyện này chuyện nọ... Bây giờ mấy cô bỏ đi... thì hết ai dám về! Mấy cô mang tốt cái chữ của tụi nhỏ đi theo...

Có tiếng hít mũi nho nhỏ, không rõ của Thảm nằm ở trong hay của Diệu. Trục lại lí nhí:

-Dạ...

Tiếng người đàn ông ngồi đầu băng ghé cất lên:

-Mấy đứa nhỏ có cái chữ bằng hột lúa, hột bắp. Tụi nó mang được cái chữ ra bờ ruộng, lên rẫy lớn bằng trái bầu trái bí... Rồi cái chữ để ra bắp lai, để ra con heo tốt con bò tốt đều có mấy cô... Giờ mấy cô bỏ hết chữ vào túi mang đi...

Nghe những thanh âm đều đều, dứt khúc, ngập ngừng cuộn theo yết hầu lên xuống của người đàn ông đen gầy ngồi trước mặt, như thể ông đang mắc nghẹn khúc sấn lược trong cổ họng khiến lòng Trục thất lại, Diệu thì quay mặt đi chỗ khác và Thảm bắt đầu sụt sùi nghe thật rõ trước khi vệt tấm màn ngăn, bước ra với bộ dạng thảm não. Thảm nhìn ông trưởng thôn, nhìn những người đàn ông màu da đồng hun, nước mắt ràn rụa:

-Tụi cháu không định... – Thảm bỏ dở câu nói nửa chừng và nhìn qua ô cửa như gửi theo sự trách móc ở đuôi cặp mắt ướt tới một nơi chốn không thật rõ ràng.

Ông trưởng thôn đổi tư thế ngồi sau khi nghe câu nói lơ lửng của Thảm và cho tay vào túi áo định lấy nửa điều thuốc còn lại ra đốt. Nhưng ngón tay ông không chạm vào mẩu thuốc thừa mà dừng lại ngập ngừng bên mép túi, nhìn theo hướng nhìn của Thảm và thở xì ra:

-Mùa bắp đang trở cò... trái bắp sẽ no tròn, không bị răng cưa vì các cô còn ở bên này bên nước với dân làng... – Giọng Ama Bok có vẻ hoảng hốt thật sự.

Ông trưởng thôn còn nói nhiều nữa về rừng cây, về những đứa nhỏ, về con chữ nhưng dường như cả ba cô giáo không còn nghe thấy gì nữa. Trước mắt họ là những dãy núi xanh đậm nhô lên phía sau những ruộng bắp, những cánh đồng mía ngút ngàn kéo theo con sông nhỏ lượn quanh. Nhánh sông nhìn thấy từ bên nước sẽ hòa vào dòng sông lớn, dòng Krông Pa trôi xuôi ra biển, mang theo mùi hương núi rừng, mang theo giấc mơ khắc khoải, sự chờ mong của tuổi thanh xuân tròn bóng và sự khát khao thỉnh thoảng uốn lượn dập dờn theo tiếng đàn đình goong chưa thoát ra khỏi nhánh sông trước mặt ngôi trường. Tiếng đàn ấy chưa bao giờ dành riêng cho ba cô giáo trẻ. Nó là cõi lòng riêng mở về một hướng khác, hướng mà các cô đang mơ tới và chưa hề được chạm nhẹ một cách âm áp.

Nhưng giờ đây, khi ngoảnh lại trong khoảng cách nhìn gần, thấy những đứa học trò chân đất, chân tay mốc cời, đứng túm tụm bên kia sân trường nhìn sang ngơ ngác khiến các cô chạnh lòng. Mấy cô mang hết cái chữ của tội nhỏ đi theo... những âm giọng đều đều giống mũi chỉ khâu vết thương hoác miệng, đau rát.

Những người đàn ông nói thêm mấy câu an ủi, động viên rồi đứng dậy bước xuống bậc thềm đá, nhấp nhô xa dần cuối dốc. Những đứa học trò nấn ná một lúc sau cũng tản dần về các hướng mà không nghe tiếng cười la hét như mọi khi.

Thảm đứng lặng người nơi mép bàn. Diệu thì xoay xoay bình trà nóng trong tay như thể đó là điểm tựa trông trái của mùa gió núi hiu hẹ đang đến thật gần. Trục nhìn hai người bạn trong nỗi co ro lạnh ngắt, buột miệng:

-Chỗ này là của những đứa trẻ ấy, tao không chịu nổi những ánh mắt thất thần như bày gà con lạc mẹ.

Câu nói dường như ngân ngấn chút nước mắt, nhòe những bóng người đàn ông đen đúa, những đứa trẻ đen đúa có những bước đi ngã chúi dưới con dốc.

(tháng 4 . 2006)

NGƯỜI ĐÀN BÀ CHẾT TRÔI

*Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra
(Ca dao)*

Trời đang nắng chang chang, bỗng dưng mưa đổ ầm ầm như thác, như lũ. Mưa làm xé mặt đất khô nứt nẻ, dội lên những tiếng sôi ùng ục như thể tiếng kêu từ một nơi khác rất xa vọng về. Tiếng kêu ấy nấc nghẹn, tức tưởi lúc kéo dài, lúc ằng ặc đứt đoạn. Ngoài sân bong bóng nổi đầy. Những chiếc bong bóng to bằng chiếc dù che đầu cứ thể trôi ngược lên con dốc cao, phủ lấp đoạn đường đất đá gồ ghề. Rìu rác xoáy ngược vòng vòng giữa con nước đục đỏ màu bã trầu. Thỉnh thoảng một vài que củi mục xoay tròn như chiếc chong chóng rồi dựng đứng lắc lư và cuối cùng mất hút dưới làn nước sâu. Nước tiếp tục chảy ngược lên con dốc cao, nghiêng rót vào những lỗ kiến nằm sâu trong lòng đất. Hàng trăm ngàn con kiến nhào lên, bám vào nhau và thả trôi theo dòng nước xô đẩy. Những chiếc râu nhỏ xíu ngo ngoe như mừng vui, vì rất lâu chúng mới được một bữa tắm nước no nê hay sao đó. Chúng không hề sợ hãi. Chúng không kêu la, không réo gọi như mặt đất khô nứt, rất thản nhiên coi như cái chết là niềm vui tốt cùng của thứ loài vật sống thành bầy đoàn. Một vài con cá quẫy trong dòng nước chảy ngược. Chúng há hê với con nước hơn là miếng mồi kiến quanh nó, sớm muộn gì cũng sẽ là mồi, không thể khác hơn trong lúc này.

Giữa cơn mưa ầm ĩ, dưới cái nắng chói chang trong ngày hạ chí, để qua được phía bên kia đường, người đàn bà bắt buộc phải vén quần lội xuống dòng nước. Hai trái chân thon nhỏ trắng ngần, nổi bật giữa làn nước đỏ. Chị dò dẫm từng bước nhẹ và ngăn như bước tập đi của lũ trẻ con, lòng nguội lạnh đến vô cùng, tan nát đến vô cùng. Chị không biết mình sẽ đi đến đâu, trôi về xứ nào. Và cứ thế chị bước trên con đường đất ngập đầy nước, bên tai nghe lao xao tiếng gió, tiếng mưa đổ, tiếng gọi í ới của ai đó và cả tiếng lòng tan hoang của chị nữa.

Như vậy là đúng 29 tháng chung sống với nhau, nàng mới hiểu thế nào là nắng là mưa, thế nào là bão là lũ; thế nào là sự phỉnh phờ lừa mị! 29 tháng được bao nhiêu ngày là niềm hạnh phúc gối chăn? Bao nhiêu ngày là thương yêu chồng vợ chất nặng nghĩa tình? Bao nhiêu ngày là cay đắng, tủi nhục và nước mắt? Cái hân hoan thơ thới của tuổi con gái mới lớn nàng ngỡ sẽ là thiên đường vĩnh cửu khi bước đi bên cạnh người chồng hoạt bát, thông minh, rắn rỏi. Anh ta là hiện thân của chàng hoàng tử sắm vai buổi đầu. Anh ta tán tỉnh, vuốt ve, chiều chuộng, lấy lòng bằng mọi cách để chiếm hữu được nàng, người thiếu nữ xinh đẹp nhất xứ này. Nàng mềm lòng ngã vào vòng tay gân guốc với niềm sung sướng chưa từng có. Nàng hãnh diện với bạn bè, với làng xóm; đem chia niềm hoan lạc ấy với những chiếc lồng đèn kết hoa sáng rực suốt đêm ngày, những lời chúc tụng suốt đêm ngày, ngao du với nhiều ngày trăng mật. Nếu nói cuộc đời đẹp nhất, hạnh phúc nhất thì không có thời khắc nào huy hoàng bằng buổi đầu.

Nhưng hồi ơi, kể từ buổi sáng loà niềm vinh quang hoan lạc kia, khi dòng máu bớt chảy tràn, nhịp tim chậm lại, giữa đêm tối chỉ nghe có tiếng côn trùng gáy ni non như bài kệ các chú tiêu đọc hoài giữa niệm đường, mùi mồ hôi nồng nồng của chồng, sự mệt mỏi quá độ trên hai đôi mắt nhắm nghiền, ú ớ con mê đã dơi của thể xác, nàng mới chột nhìn thấy bộ mặt của mình và của chồng. Nàng vùng dậy ngo ngác trước bóng tối dày đặc và tanh tươi mùi đàn ông bám quanh người, tự hỏi: tại sao ta lại ngồi đây, tại sao ta phải chung sống với người đàn ông hình như có điều gì đó không chân thực mà ta bắt đầu thấy le lói đâu đó nơi góc tủ, hộc bàn? Nước mắt nàng chảy dài, chảy suốt đêm thành con suối quận đau.

Đó là ngày bắt đầu của sự đau khổ, hoài nghi, thất vọng. Đó là ngày bắt đầu của sự gằm gù đe nẹt, ngày của chiếu trên hương hào lý trưởng vung roi trước sân đình. Nàng nhận ra ngay khi bữa ăn sáng dọn ra không đúng vào lúc 6 giờ 30 phút, là đôi giày chưa kịp đánh xi, ly cà phê pha hơi bị loãng, cho đường nhiều quá hoặc ít quá cùng trăm thứ hầm bà lằng khác trên đời mà nàng chưa thể bắt nhịp một cách nhanh chóng để làm hài lòng anh hương hào, lý trưởng. Nàng đã kịp nhận ra một cách rõ ràng bộ mặt thật của anh ta: dối trá, lừa phỉnh mọi người kể cả vợ con; chèn bóp mọi người kể cả vợ con; tước đoạt mọi sinh thú sở hữu của nàng, đẩy nàng làm kẻ tội mọi vĩnh viễn cho sự chỉ huy gia trưởng của chồng. Nàng thành ra kẻ bị khuất phục, không còn những suy nghĩ độc lập, không còn có ngôn ngữ của riêng mình. Cái mặt nạ gớm ghiếc của chồng mỗi ngày bị tróc ra một chút sơn đề nàng thấy nguyên hình của con thú đội lốt trên người hắn ta.

Có một điều rất sơ đẳng, thậm chí là tầm thường vô bổ nhưng không ai chịu nói, sợ rằng đó là điều phạm tội, điều cấm kỵ, phạm giới... đó là sự phản bội trong cách nhìn, cách nghĩ và hành động của hầu hết các loại đàn ông; đó là sự xúc phạm của chính họ với tất cả vẻ thoả mãn, hả hê đối với vợ một khi đã nắm quyền chiếm hữu, biết mọi chân tơ kẽ tóc trên thân thể người nữ. Chồng nàng cũng thuộc nhóm bị ôi này khi hắn chấm dứt đột ngột mọi lịch lãm trước khi gặp nàng, cưới nàng, cùng nhân cách đàn ông đích thực bị đánh rơi, coi thân xác nàng như thứ đồ giải trí, dẫn vợ, hành hạ.

Nàng ưu uất nhưng không kêu gào thành tiếng, ngậm kín một cục gai góc nghèn nghẹn trong lồng ngực, chèn giữa cổ họng đắng ngắt.

Ba đêm trước cơn mưa đổ sầm sập này, buổi tối hắn trở về nhà với mùi rượu thịt, mùi dãi thoã trộn lại thành một thứ mùi lộn mửa. Hắn đồ vật lên nệm cùng với những gì từ trong bụng hắn trào ra. Nàng chết đứng giữa căn phòng tanh tươi. Nàng như một tội đồ đang chịu nạn, đang hứng lấy những tai hoạ tiền kiếp. Không làm cách nào để vực được thân xác phì nộn kia dậy, không cách nào dọn dẹp những gì hắn nôn ra thốc tháo. Tất cả đã thấm rút vào mặt nệm mousse. Nàng đứng chôn chân bên thành cửa sổ mà như sắp bước lên giá treo cổ. Bầu trời bên ngoài tối đen như chiếc mồm của con quái vật ngoác hàm răng nhọn chuẩn bị nuốt sống nàng. Nửa đêm hắn kêu khát nước. Nàng mở tủ mang chai nước nâng đầu hắn lên. Nhưng thay vì uống nước theo cơn khát, hắn kéo nàng ngã bổ lên người, dây dính những thứ lầy nhầy tanh lợm. Lấy hết sức bình sinh, nàng xô hắn ra và chạy vào phòng tắm đóng sập cửa lại như đóng cánh cửa ta bà tởm lợm. Nàng trút bỏ quần áo, vò lộn ném vào thùng rác, co ro trong vòi nước lạnh ngắt. Kỳ cọ đến bao nhiêu cũng không bay sạch hết mùi xú ối. Nàng dùng cả bàn chải, móng tay và cả lưỡi

dao, cạo lên làn da đến bật máu, bày ra những mảng thịt đỏ hoét như bị cạo vồ. Nước mắt không thể chảy để rơi đi túi cực. Thân thể nàng khô róc. Đầu óc nàng khô róc.

Một lúc lâu sau đó hấn gào lên:

-Cô bỏ đi đâu? Tại sao cô lại bỏ tôi?

Nàng không dám thò đầu ra. Nàng kinh hãi giữa đêm khuya trông trơn, lạnh ngắt.

-Cô đi với những thằng nào? Tại sao chừng ấy năm, cô không sinh cho tôi một đứa con? Cô là tên phản bội.

Nàng nghe tiếng vật vã trên giường và liền sau đó là tiếng ngáy kéo cưa, rì rít đến ghê người.

Mưa tuôn lộn ngược đất trời. Nàng dò dẫm bước qua bên kia bờ mà bước đi không đến. Đôi chân cứ lóng ngóng giữa dòng xoáy. Trời ơi, nếu như nàng sinh một đứa con thì điều gì sẽ xảy ra? Nó sẽ mang hình hài đáng vốc nàng với bộ mặt và đầu óc góm ghiếc của hấn sao. Không. Không bao giờ ta sinh một đứa con như thế. Thà ta mang thân này làm dĩ với chính hấn, nhục nhã với chính hấn thì tội lỗi của ta với đất, với trời vẫn nhẹ như sợi lông hồng. Không bao giờ có một con quý nhỏ để lan ra nhiều con quý nhỏ, gây tai hoạ trong cõi nhân gian. Hấn cứ treo cổ ta lên, băm vằm ta ra muôn ngàn mảnh vụn vẫn hạnh phúc hơn là nhìn thấy một tai hoạ và nhiều tai hoạ kế theo vây ám những sinh linh vô tội.

Dưới con mắt của hấn và trong tận cùng ý nghĩ của hấn, nàng là một tên phản bội bởi không thể đẻ ra một quái thai theo ý hấn. Có phải vì vậy mà hấn đã hành hạ nàng? Khinh miệt nàng? Vò bóp nàng như vò bóp con sâu cái kiến? Không thể. Phải đoạn tuyệt, chia tay, trốn chạy, bôn đảo; chết dầm dúi ở nơi bụi bờ xó xỉnh nào đó, trôi đi một nơi thối tha nào đó còn hơn là ở trong căn phòng tanh lợm giọng này.

Nước mắt nàng bay vào cơn mưa trái mùa sầm sập.

Thân xác nàng cũng tan biến vào cơn mưa tối nhoà.

Mặt đất bắt đầu tan loãng từ phía dưới, phía tận cùng của sự sống thoi thóp.

Có phải đang bắt đầu một ngày tận thế khi nước mắt, mưa, thân thể nàng trộn rối thành đồng bụi nhùi, bươm bươm xơ xác?

“... C'est le mystère de l'orage, celui du pauvre. Dans les pauvres maisons, on aime le silence. Mais les enfants crient, les femmes pleurent, les hommes crient, la musique est horrible...” (1).

Sự im lặng kinh khủng bao trùm gò đất cao hoang vắng. Không bóng người qua lại. Không tiếng chim hót, chỉ có bóng nắng rớt qua kẽ lá như lưỡi gươm rơi nghiêng trên mặt đất của tay kiếm khách nào đó bắt đầu mỗi một trên chón giang hồ. Tĩnh không một âm thanh quen thuộc, chỉ có tiếng rào rào đầu đó từ lòng đất dội lên. Người đàn bà khẽ liếc nhìn xuống mặt đất chỗ mình đang đứng. Không gì cả.

(1) *Paul Eluard, Pauvre*

-Thôi, nói hoài, mệt quá!
-Cái gì? Anh nói sao? Vậy không đúng chắc.
-Thì đúng. Nhưng khuya rồi, đừng làm kinh động giấc ngủ trẻ thơ. Chúng cần yên tĩnh. Em hãy tưởng tượng một giấc ngủ trong veo, nhẹ tênh...
-Là để cho anh yên tĩnh mà tư tưởng, mà mộng mơ... Chính miệng anh nói ra đấy nhé!

-Khô quá...
-Sao lại khô? Hình ảnh hồi sáng đó, nó vương vất trong đầu anh, xâm chiếm tâm trí anh, anh mộng mị, ngẩn ngơ... để thành hoa, thành mây bay.
-Thiệt bậy bạ. Mộng mị, ngẩn ngơ gì ba thứ tào lao đó. Mà thôi không nói nữa. Khuya rồi. Ngủ.

-Không ngủ. Không được ngủ.

Anh quay lại nhìn vợ trong bóng tối nhá nhem, với một chút ngạc nhiên. Hà đâu phải thế? Có thật đó có phải là cách nói của Hà với chồng con? Ở đâu mà vụt ra một kiểu nói lạ đời? Những ngọt ngào, nhẹ êm thường ngày biến đâu mất rồi để dần dà, rồi đột ngột biến thành trực ép nước cốt kết, chà miết, vất đến cạn kiệt chút chất lỏng sền sệt ngọt, bày ra đồng xơ, hoá thành áng mây đen với những sấm chớp đi đùng, xé toạt sự bình lặng vốn có trong ngôi nhà xinh xắn, đầy ắp những lời yêu thương, nựng nịu này từ lúc nào anh không hề hay biết trước.

Anh xoay mặt vào vách, co quắp một chân lên, một tay gối đầu, tay kia bấu vào mép giường như kẻ thủ thế. Đêm tối nhờ nhờ qua chiếc đèn hắt ra màu xanh nhạt. Khoảng cách giữa anh và vợ là chiếc mền chưa giữ ra, tạo thành một cái gờ mỏng trong khoảng 5 tấc vuông mong manh; thông thường không phải là bức tường thành để ngăn chặn đối phương xông lên như những hào lũy chống giặc thời phong kiến mà là vật che đấp, giữ cho hai người chút hơi ấm thương yêu chồng vợ. Trước nó đã từng, đã nhiều lần thường xuyên từng như vậy. Nhưng giờ này dường như đang bắt đầu có sự xộc xệch nhỏ nhỏ rất không đâu vào đâu, xuất hiện... Anh nghĩ vậy.

Chút ánh sáng mờ đục không rõ mặt người, nhưng anh đoán chừng vợ mình đang giận, tức và hình như đang ghen. Có thể đang là cơn ghen vu vơ, một loại cố tật của hầu hết phụ nữ mà cánh đàn ông phải dè chừng. Nó không hề được báo trước như sự bất thường của thời tiết. Chỉ ít những cơn bão khủng khiếp cấp 12, 13 hay những cơn động đất cấp 9, cấp 10 đi nữa, thì trước đó có những dấu hiệu thật rõ ràng. Đằng này... không thể lường trước, không thể đoán sẵn. Những cái vu vơ không tưởng ấy không hình dạng, không khối lượng, màu sắc nhưng nó sẽ sôi lên ùng ục, cháy bùng lên thành ngọn bất kỳ lúc nào để nhấn chìm, thiêu đốt người trong cuộc chỉ còn lại nhúm tro bay bung trong cơn gió lốc. Tất cả những hiện tượng này, người đời gọi là ghen? Nếu vậy thì rõ ràng vợ anh đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê này?!

Rồi anh nghe như chiếc nệm rung lật bật từng cơn nhỏ, rồi đến cái vạt giường, đến toàn thân chiếc giường. Tất cả là những rung chạm khê khàng như có bàn tay níu giữ,

kèm ép lại để phát ra tiếng nắc nhen không thực sự rõ ràng, nhưng thừa sức làm tim anh co bóp đau nhói.

Anh dịch người sát hơn vào thành giường, gần với vách tường và nhớ lại buổi sáng với những người bạn nghề có chút ít cảm tình. Chỉ là một sự tình cờ: đó là một buổi sáng trong veo, mát mẻ, đẹp với cơn mưa rào đầu hôm phủ sạch lớp bụi mỏng trên cành lá, với những bông đại bất ngờ chồi lên khỏi mặt đất khô nẻ, rung rinh trước mắt. Và trước mắt là những con bướm màu sắc sặc sỡ đập cánh chào nhau và chào những bông hoa. Và những tiếng chim ríu rít trên cao. Tất cả khiến bọn họ không thể cầm lòng, không thể đứng đưng giam hãm trong những ngôi nhà hình hộp, những quán cà phê bay um khói thuốc lá. Họ bất ngờ kéo đến nhà anh. Ban đầu là một, rồi hai, rồi năm. Năm người với năm bộ mặt khác nhau, vóc dáng khác nhau và cung cách cũng khác nhau xa. Hai người đàn ông tự nhận mình là nhà thơ thì huyền thiên về chữ nghĩa, mượn chữ nghĩa người khác lấp đầy vào đầu óc mình để làm của riêng. Anh họa sĩ thì nổi dài màu sắc thành những vệt đen đỏ bay ngang qua đầu mọi người bằng búi tóc dài luôn luôn lúc lắc qua lại trên hai vai mỏng để gây sự chú ý của những người chung quanh trước khi người khác kịp nhận ra mình là người cố tình làm dáng và gọi đó là nghệ thuật tân hình thức. Người đàn ông thứ tư là anh nhà báo tự do, luôn nở nụ cười bí hiểm mỗi khi nghe ba ông bạn to tiếng tranh cãi về cái đẹp. Người thứ năm là một cô gái đi cùng với người họa sĩ, có vẻ như người mẫu, là nguyên nhân không xác thực mang đến những giận hờn vu vơ cho người vợ xinh đẹp của anh. Cô người mẫu duyên dáng lịch thiệp, luôn nghiêng đầu và mỉm cười kiêu cách với tất cả mọi người. Cô ta rót trà, cô ta châm rượu, y như thể những người đàn ông đang lụi về quá khứ xa, được ngồi trên bàn đá uống rượu ngâm thơ có tiên nữ hầu hạ?

Họ thăm thì to nhỏ về cái đẹp vây quanh chiếc bàn trà kê dưới gốc vú sữa. Họ mang hết mọi hiểu biết bày lên mặt bàn gỗ, như thể đó là những vật sờ nắm được, cốt cho cô gái kia tiếp tục nở những nụ cười tươi với họ. Nhưng khôn nổi, hình như cô không cười cho riêng ai, vẫn tiếp trà tiếp rượu đầy các cốc tách... Có ai đó buộc miệng than “trời nóng dữ”. Vậy là từ chuyện cái đẹp nhân thể chuyển hẳn sang chuyện khí hậu, thời tiết rồi băng qua chuyện buôn bán làm ăn. Giữa chừng, khi những ly rượu đủ sức làm cho đầu óc lâng lâng, họ nhảy sang chuyện ca hát, rồi bay qua thời trang áo tắm áo dài lúc nào chẳng hay. Chuyện nọ xọ chuyện kia bay bổng với những cánh bướm chập chờn, la đà với khí trời bỗng nhiên dịu lại đột ngột. Anh nghĩ, tất cả mọi chuyển động cơ học trên và trong thân thể họ dường như chỉ để nhằm vào cô gái ngồi trước mặt; một cuộc chạy đua lúp xúp về kiến thức và tình cảm không hơn kém, khiến anh nghĩ tới những con gà trống trong sân nuôi gà vịt, con chìa vôi trên cành tre cao ngút, con thiên đường... cổ sức xoè hai cánh, vung vẩy lông đuôi màu sắc sặc sỡ trước con mái? Sự liên tưởng mơ hồ hình như gây cho anh niềm thích thú không thật rõ rệt và bật cười với mình.

Tán lá vú sữa xanh mướt màu xanh ngọc bích, phớt màu nâu sậm bên dưới như chiếc rổ thưa lọc ánh sáng ban mai đổ xuống lốm đốm trên mặt bàn gỗ thâm sì như thể tay phú gia cầu thả đổ những viên kim cương, ngọc bích lên nền đất xám xìn. Những đốm sáng nhảy nhót, lúc đậu trên miệng chén trà, lúc nhảy sang bàn tay ai đó đang vân vê chiếc quai nhỏ xíu, xoay xoay chiếc tách. Anh đắm đuối nhìn theo những viên kim cương nhảy nhót. Anh ngó sững chúng đậu trên mu bàn tay trắng nõn, thon mịn phớt chút

lông măng hắt lên màu sáng của kẽ nắng rớt xuống. Năm búp măng động đây, di chuyển chiếc tách khê khàng mà như không hề chạm đến chúng. Anh say sưa nhìn những đốm tròn sáng chuyển động, đùa giỡn với những búp măng kia, lúc lảng xa, lúc áp thật gần, khi thì ôm riết lấy bàn tay thon thả. Vợ anh ngồi đầu bàn thông thả xách phích nước sôi rót vào bình trà, góp chuyện dè dặt vừa ngó chừng phích nước đặt dưới nền đất vừa chú tâm quan sát những người đàn ông ngồi lỏng chỏng trên những chiếc đầu nhựa thấp. Vợ anh không nhìn bọn họ như anh đang nhìn ngắm những vệt nắng nhảy nhót trên bàn mà là một mũi lửa nhỏ xíu xuyên thẳng tới đôi mắt anh trong khoảng cách hơn mét. Nó như tia hồng ngoại khiến anh cảm thấy hơi nhột nhột ở hai mép tai, ngứa ngáy ở sống mũi, nóng như viên than hồng áp sát vào bên má. Bất ngờ anh ngược nhìn lên. Hai tia mắt dịu dàng mà thật dữ dội xuyên thẳng vào mắt anh, đẩy lùi chúng ra khỏi năm búp măng thon trắng, đẩy ra khỏi chiếc tách trà và cắm phụp xuống mặt bàn thâm sì. Anh quay sang những người bạn. Nàng cũng ngược nhìn mọi người với cặp mắt dịu dàng một cách thật bất ngờ. Cô gái hồn nhiên cười nói, phô hai hàm răng trắng đều và chiếc miệng duyên dáng đến lạ kỳ. Cô ta không hề cảm thấy nhột nhột nơi tai, ngứa ngáy nơi má... bởi tia lửa nhỏ xíu xoáy thẳng vào chỗ trống giống như một bức tường bê tông ngăn cách sự xấp gần đột ngột của một kẻ nào đó cố công tìm kiếm cái đẹp ngoài khả năng cho phép của sự bảo thủ mỏng muội một cách ngọt ngào. Cảnh tượng ban sáng cứ tiếp tục lướt thướt trôi qua đầu óc anh, tĩnh lặng và ồn ào.

Bỗng dưng anh bật cười thành tiếng. Vợ anh quay lại, cầm chiếc mền ném xuống phía đuôi giường, chồm lên lay vai anh như người đốn củi lay gộc tre trong bụi rậm.

-Anh cười gì? Tôi nói không phải sao? Đàn ông các anh đều một giuộc. Hễ thấy đàn bà con gái là y như con gà trống: xoè cánh, xum xoe, mổ mổ vu vơ xuống bãi đất trống không mà túc túc gọi tình.

-Em không thể ví von con người với gia súc gia cầm.

-Đúng. Nó khác xa con người, Con người khác xa chúng. Nhưng về cung cách khi đối diện với người khác phái thì cùng một kiểu.

-Chỉ mới nhìn thì chưa thể gọi là phạm tội. Các bộ sách luật từ cổ chí kim, từ đông sang tây, chưa thấy có điều khoản nào ghi người đàn ông nhìn ngắm người đàn bà và ngược lại thì khép ngay vào tội được.

-Đã đành. Nhưng đạo đức, luân lý, tập quán, phong tục thì không thể được.

-Em nói như thể chính từ miệng Tần Thủy Hoàng nói ra vậy. Phạm trời ban cho con mắt thì phải nhìn, tai phải nghe, mũi phải ngửi... và... và... đầu óc thì phải suy nghĩ. Giữa suy nghĩ và hành động là một khoảng cách khá xa, nhiều khe. Không thể cấm mọi người suy nghĩ. Càng không thể bắt mọi người suy nghĩ một chiều. Ai cấm cản mọi người không được nhìn ngắm cái đẹp. Cái đẹp nó trong suốt, thuần khiết, tự nó đâu có "tính" này "tính" nọ?

-Vậy là anh đã công nhận hồi sáng này anh có nhìn cô ta, suy nghĩ về cô ta, cảm cô ta và... và... đẹp...

-Và cô ta ra khỏi cổng, lên xe, nhân ga, chạy xe về nhà. Chấm hết?

-Không chấm hết được. Chưa chấm hết được. Trong đầu óc anh lúc này vẫn còn vương vất cái mà anh gọi là thuần khiết với những trong suốt gì đó.

-Anh có đọc ông Daisetz Teitaro Suzuki dẫn ra một công án rằng: có hai vị hoà thượng đi tụng kinh ở một hóc núi xa, chiều xẩm xẩm trời về tới con suối thì trời đổ mưa tầm tã, nước dâng cao, chảy xiết. Sát nơi bờ suối, có một thiếu phụ xinh đẹp ngồi khóc nỉ non. Thấy lạ, một vị bước tới hỏi: “Cớ sao đã chiều tối mà thí chủ còn ngồi đây mà khóc làm vậy?”. Thiếu phụ ngược mắt lên, khóc ồ ồ còn hơn mưa xối: “Bạch sư cụ, tôi đến chân núi kia để thắp nhang cho chồng tôi vừa chết. Khi quay về thì trời đổ mưa. Nước suối chảy xiết không thể lội qua được, mà con tôi thì ở nhà một mình...” – nói và thiếu phụ không thôi khóc. Vị hoà thượng nọ kêu “mô phật”, rồi ghé lưng bảo thiếu phụ bám vào để ông công qua. Tới bờ bên kia, ông đặt thiếu phụ xuống và bước thẳng về phía chùa không đợi thiếu phụ mở lời cảm ơn. Vị hoà thượng thứ hai bươn bả chạy tới: “Thầy tu hành đã lâu, sao lại đi công người đàn bà trên lưng?”. Vị hoà thượng thứ nhất không trả lời. Vị thứ hai cứ bám theo và nhùng nhằng những lời trách cứ. Đến chỗ queo, vị thứ nhất nói:”Mô phật, tôi có công người đàn bà nào trên lưng đâu mà thầy ngày tôi?”...

-Nguy biện. Vả lại người ta tu hành chớ còn anh...

Tiếng vợ anh nhỏ dần, nhỏ dần... vương vít đầu đó trên táng lá cây vú sữa một mặt xanh sẫm, một mặt màu nâu sẫm. Anh có cảm giác như mình đang bay theo tiếng nói rung rinh kia và nhảy nhót trên táng cây xanh cùng với những ta nắng chảy qua tầng lá tạo những vệt tròn đi động lung linh.



Lại một ngày nữa không phải đến sớm, không phải nghe tiếng máy nổ ầm ĩ, khói bụi bay mù mịt, tiếng than thở về đồng lương còm cõi, vật giá gia tăng vùn vụt. Anh ước sao trong tuần có nhiều ngày thứ bảy và chủ nhật như vậy để lơ mơ nhìn ra góc vườn yên tĩnh, nơi những cây cau kiểng xoắn những tàu lá xanh vẫy vẫy với gió, mang quanh mình buồng trái chín màu đỏ; cây măng cầu đứng xa xa giơ cánh tay như muốn kéo xích cây mít ngoài góc rào, cây vú sữa đứng gần thềm giếng bước lại gần lại chút nữa để tâm sự; rồi nụ tầm xuân tím xanh biêng biếc xoắn lấy hàng rào dâm bụt, chèn tiêu không muốn rời nửa bước... Thật yên tĩnh. Hoàn toàn yên tĩnh.

Vợ anh dọn bữa sáng lên bàn. Cháo trắng và cá mảnh kho tương. Đứa con chóng muống, bi bô:

-Con không ăn đâu.

Vợ anh trừng mắt:

-An. Không được hỗn. An trứng hai ngày rồi, phải thay đổi.

Thằng bé méo máo chóng muống vào chén cháo, uể oải xúc từng muống nhỏ một cách nặng nhọc. Vợ anh ngồi bên cạnh thằng bé, không nhìn nó mà xoắn mắt vào chiếc muống đang kẹp giữa những ngón tay thả lỏng của anh như thầm hỏi “còn anh, anh cũng ngán món cháo sáng này rồi chớ gì?”. Anh cứ xoay miết chiếc muống quanh miệng chén.

-Hồi còn nhỏ xíu, sáng nào bà nội cũng nấu một nồi cháo to cho cả nhà. Một năm có đến ba trăm ngày ăn cháo với muối hay cá kho mặn. Thịnh thoảng bà nhắc “ăn cháo để nhớ những cơ cực, vất vả... Sau này các cháu có là gì đi nữa thì vẫn phải nhớ và giữ lấy chén cháo trắng mỗi buổi sáng để tự răn mình”.

-Tự răn mình là một đức tính tốt. Mỗi khi ngồi trước chén cháo anh vẫn tự răn như vậy. Sau này con lớn hơn chút nữa, hẳn nó cũng sẽ làm như em và anh thôi.

-Anh nên thôi cái tính bông phèng không đúng chỗ ấy đi.

Cuối cùng thì thằng bé cũng ăn xong bữa sáng và chạy ra vườn với con Bin. Vợ anh cho đường vào ly cà phê và đẩy tới tận chỗ anh ngồi, nói bằng quơ:

-Thiệt kinh khủng.

Anh cầm cúi ăn hết phần cháo trong chén và đặt chén muống vào chiếc thau nhựa để sẵn ở góc bàn. Mặt trời buổi sáng dính ở lưng lưng bụi tre có những cành cong chúc xuống. Nó không áp mòn những cành gai tua tủa mà hình như những cành gai ấy cào nát vòng tròn sáng kia, khiến con cu cườm thỉnh thoảng giật mình buông vài tiếng cúc cu cu rời rạc.

-Người ta vẫn thường nói câu văn câu thơ đáng giá ngàn vàng, nhưng sao em thấy bản thân họ thì ngược lại. Buổi trưa đó em thấy... - Vợ anh bỏ lưng câu nói.

-Anh thấy họ là những người dễ thương, không vì cuộc sống mà đánh mất sự trong sáng trong tâm hồn. Họ yêu cuộc sống này, yêu bản thân họ và những cái đáng yêu chung quanh họ.

-Nhưng hơi bất bình thường. Em xin lỗi có chút thô tục bám quanh con người họ.

-Em ám chỉ cái gì vậy?

-Không phải là ám chỉ mà là những cái có thật, hiển hiện ngay trên con người họ. Họ tự đánh mất họ trong buổi gặp gỡ sang trọng với những câu thơ bóng bẩy, những đoạn văn óng mượt như dòng suối mà họ đã phô diễn ra, bên cái đẹp mỹ miều của cô người mẫu.

-Anh không hiểu?

-Đó, anh bạn nhìn ngắm đâu đó, đâu để ý những chi tiết chung quanh? Em thấy hình như những chi tiết quanh cuộc sống giúp ích cho sự sáng tạo mà.

-Chi tiết. Em nói đến chi tiết nào vậy?

-Em thấy họ vừa đọc thơ – Em không rành lắm về thơ – vừa nhai nhồm nhàm thức ăn trong miệng đến độ tưởng chừng thức ăn văng bắn theo những câu thơ bay bổng kia? Em kính trọng họ vì họ là bạn anh, nhưng khi nhìn thấy cảnh ấy, có chút gì gợn như thất vọng. Chẳng lẽ nhà văn nhà thơ thì họ được quyền làm như vậy? Giữa đời sống thật và tác phẩm họ viết ra là hai chiều trái nghịch nhau? Họ viết để làm gì nhỉ? Em đọc một ít tác phẩm, thấy trong đó họ ca tụng cái đẹp, phê phán cái xấu, thì chẳng lẽ lấy nguyên mẫu bản thân mình để phơi bày lên trang giấy? Và cái đẹp ấy là để vợ con một mình ở nhà ngày chủ nhật để xum xoe bên một cô gái hờ hênh?

-Anh không rành lắm về ba cái vụ lý luận văn chương, văn nghệ; nhưng không ai bắt nhà tu không được ngồi trên xe máy, ô tô; cầm cần đưa trẻ lên mười ném thử tách trà, cà phê. Những điều em vừa nói chưa hẳn là thói xấu. Anh nghĩ nó chỉ là thói tật. Thói tật thì chỉ mới là khởi đầu cho điều tốt cũng như điều xấu. Dừng lại và bước tới, đó là bản lĩnh của mỗi người.

-Vậy còn như chuyện này thì anh giải thích ra sao? Hôm thứ Năm rồi, con bạn cùng cơ quan em ngồi kể: “tao có ông chồng không biết phải khóc hay cười, suốt ngày la ãa với bạn bè từ sáng tới tối mịt. Có bữa giận quá tao nhắn tin “chẳng lẽ anh coi bạn bè là lẽ sống hơn em và con sao”. Rồi có hôm tao nói “bữa nay đi công tác xa, tối mới về”, nhưng có đi đâu. Trưa về đã thấy đám bạn của ông ngồi chật nhà. Như vậy rõ ràng ông nhà tao rất vui mỗi khi vợ vắng nhà?”.

-Anh cũng có mấy ông bạn vong niên thường hay nói “trong cuộc sống mà không có bạn bè thì coi như mất hết...”.

-Nhưng cũng có năm bảy đường bạn bè.

-Anh thấy hình như đã đến lúc phải đi chợ rồi đó. Để trưa nay anh nấu nồi canh rau tập tàng. Một tô canh có màu xanh đậm đặc bày ra giữa mâm để thấy ngày chủ nhật thật xanh, như bầu trời trong xanh trên cao kia.

Vợ anh hứ đánh cốc, đứng dậy bung thau chén muống đi ra giếng nước. Bước đi vẫn thong thả lướt nhẹ như mọi ngày, mang theo thau chén, mang theo nỗi bực dọc vu vơ để gàu nước xối lên, rửa trôi nỗi phiền muộn, để mọi thứ trở nên sạch bong./.

KHOÍ VÀ MẢNH TRĂNG KHUYẾT

(Tặng bạn bè tôi, một thời tan nát, chia lìa).

Từ nơi nào ấy rất xa xôi, như tiếng vọng khẽ:

- Định, mày mạnh giỏi chứ? Bây giờ mày thế nào rồi? Lâu lắm tao không gặp, nhớ lắm!

- Xin lỗi, giọng nói nghe rất quen.

- Ha, ha... đã quên thằng bạn này rồi sao? Đầu óc mày bắt đầu còm cõi từ hồi nào vậy? Tao cứ ngỡ tụi mình vẫn tiếp tục làm thơ dưới khung cửa sổ phòng Thủy đó mà.

- Hả. Nói sao? Thủy ngày xưa. Ngô, mày ở đâu? Tao tưởng.

- Chết từ ba mươi năm nay rồi chứ gì? Người đời nghĩ rằng tao chết rồi, chết thật rồi. Nhưng mà, hồi ơi, làm sao tao chết được. Tao vẫn gằn tụi mày, vẫn biết Thủy bây giờ cơ cực, vẫn biết thỉnh thoảng mày mơ màng làm một cuộc viễn du, đến bên em bằng những giấc mơ tuyệt đẹp, đầy ấp hương hoa và rỗng không sương khói.

- Mày gặp Thủy?

- Tao gặp thường xuyên, không ngày nào, tháng nào, năm nào là tao không ở bên cạnh nàng.

- Mày với Thủy...

- Lại ngộ nhận. Tất cả đều trẻ tràn. Tất cả là những sợi khói mong manh, níu theo mảnh trăng khuyết dần xé nổi khát khao.

- Tao không hiểu gì cả.

- Mày làm sao hiểu được khi mọi ràng buộc biển dâu bị trói chặt vào guồng lẩn cuộc đời!

- Ngô, mày nói cứ như một tên thánh sống bất tài, nói cho hả hơi, hả giận về sự bất lực của mình. Mày đang ở đâu? Tao sẽ tới ngay để gặp mày, để coi bộ dạng xương xẩu hiu hắt, giờ có thay đổi chút nào không?

- Xa vạ dậm mà cũng gằn trong cái chạm nhẹ một với tay.

- Mày lại giở giọng bỡn cợt như hồi xưa?

- Không đâu. Mày không thể tìm thấy tao, nhưng tao sẽ đến với mày, ngay bây giờ đây.

Những âm thanh u u ... kéo dài trong tai nghe. Và như vậy có nghĩa là Ngô đã gát máy.

Rõ ràng là Ngô chứ không thể một kẻ nào khác. Chúng tôi thân với nhau từ khi học Tam Tự Kinh, đánh vật với những nét sổ, nét ngang, gà gật ê a như những chú tiểu bắt đầu học kinh Phật. Rồi chận bò, tắm sông... và lớn lên và mất hút nhau. Năm tháng trôi đi không một tin tức nhỏ về Ngô. Nó đi những đâu? Làm những gì? Không một ai hay biết. Những cuộc kiếm tìm vô vọng cuối cùng như chiếc tim đèn hết dầu. Vậy mà giờ này, Ngô lại trở về với tôi trong đêm khuya khoắt, ít ra là qua giọng nói từ đâu đó vắng tới. Hoàn toàn bất ngờ. Hay tôi đang chìm lú trong cõi mê muội của hoài nhớ, mong chờ quay quắt bấy lâu nay?

Tôi ngồi chờ dưới ánh trăng hạ tuần nhợt nhạt, hắt những quầng sáng qua song cửa như thể những cụm khói từ một thế giới lạ hoắc, len lạnh hơi đồng. Bên ngoài khu vườn

rộng, bóng đêm nhập nhoà vệt tối sáng mỏng tang, vật vờ trên những tàn lá đang im ngủ. Rồi bỗng nhiên những quầng sáng ấy loá trắng chói chang với chiếc bóng của Ngô lách qua cánh cửa khép hờ, bước về phía tôi. Cái bóng lêu khêu muôn thuở, bước không muốn chạm đất. Nó hào hển, sôi nổi siết chặt bàn tay tôi, ôm tôi như ôm một đứa bé con, biểu lộ một thứ tình cảm bị dồn ép lâu ngày.

- Mày vẫn vậy, không đầy đặn, nhưng chưa già đi chút nào. Lâu quá anh em mình không được thấy mặt nhau, cầm tay nhau.

Thanh quản Ngô như bị một vật gì đó đánh ngang làm giọng nói khao khao, không như bình thường. Tôi nghĩ với tấm áo mặc phong phanh trên người, có thể cái lạnh làm anh bị đờm giọng. Cũng có thể anh ta vội vã chạy đến tôi với đôi chân trần của thằng bé ngày xưa đi chăn trâu, chơi trò cút bắt, u quạ trên những đụn mả đến nỗi anh mệt lả đi?

Ngô với tay rút điều thuốc, rồi lại đặt ngay xuống bàn, không bật lửa. Anh đảo mắt nhìn gian phòng, lướt trên những bức tranh trên tường, phía trước mặt. Đó là những bức tranh thiếu nữ anh vẽ về Thủy qua trí nhớ cách đây trên ba mươi năm, thuở mà đám thanh niên nhai những củ khoai lang sùng của J.P Sartre, của F. Sagan và kêu lên những buồn nôn, ói ỉa... đầy dẫy cả ngoài cuộc đời lẫn trên trang chữ. Cái thời của sự buồn chán, mệt mỏi và làm dáng trí thức cần thiết hơn là sự ăn uống, làm việc, tỉnh táo. Giữa bối cảnh đặc quánh đờm dãi nhầy nhựa đó, Thủy xuất hiện tựa một cánh hoa rực rỡ trên mảnh đất khô khốc cát sỏi, ruồi nhặng.

Và rồi cả Ngô và tôi đều yêu Thủy đến điên cuồng, để cuối cùng hình ảnh Thủy đây ấp trong những trang sách bằng những nét vẽ nguệch ngoạc của Ngô và một mớ chữ nghĩa kết nối thành những âm điệu dày cộp trong cuốn sổ tay của tôi. Từ bên này bức tường rào rêu ẩm, mái ngói oằn cong, tôi và Ngô dùng cọ, dùng bút cào miết lên giấy, vãi cái nhan sắc dữ dội kia và tìm cách chuyển đến nàng, để sau đó nàng chuyển lại chúng tôi một cách hần học, dè bieu: những ngón tay thon thả, trắng muốt vò nát những thứ chúng tôi yêu quý, ném qua tường như người ta ném xác súc vật, kèm theo những dây cười miệt thị. Thủy nhìn chúng tôi như hai kẻ điên loạn, coi chúng tôi như lũ người sống trong thế giới của mộng mị và hoang tưởng, ban tặng cho mỗi đứa một lỗ đen ngòm khổ đau thời mới lớn. Lần duy nhất Thủy viết mấy câu, bọc viên đá dăm, ném sang vườn: “Các anh thôi ngay trò vớ vẩn dung tục này lại ngay. Nếu không tôi sẽ kêu ba tôi bắt các anh tống vào khám!”

Rồi sau đó, Thủy bước qua chiếc cầu hạnh phúc lắc lẻo với nỗi hân hoan tột cùng của loài báo cái biết mình đẹp nhất trần gian, danh giá nhất trần gian. Đám cưới tổ chức trên nhà hàng nổi dập dềnh sóng nước, dập dềnh hạnh phúc và dập dềnh cơn say lão đảo của hai kẻ điên loạn chỉ biết đứng trên bờ nhìn những dề lục bình trôi như chính thân phận mình. Hôm đó Ngô say khướt, quay trở về nhà bắt tôi căn mảnh vải bố lên giá vẽ. Bao nhiêu ống màu anh đều nặn hết xuống sàn và cầm cọ vẽ như điên như say trên khung vải trắng. Nước mắt chảy cơ hồ như con suối nhỏ. Tôi mơ màng trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê nhìn theo bàn tay gầy guộc cào miết lên giá vẽ... để sáng hôm sau và mãi mãi, tôi không bao giờ biết Ngô đi đâu, về đâu? Phản ứng đầu tiên trong buổi sáng tan tác đó là tôi đá văng khung vải vào góc phòng, bao nhiêu sách vở, chữ nghĩa tôi hất tung vào đó và khoá trái cửa, không bao giờ ghé mắt nhìn với thái độ hả hê của kẻ trí hèn hoan hỉ thực hiện xong chuyện trả thù vật. Chuột gặm, gián nhấm tôi chẳng thèm biết tới; ẩm mốc,

mỗi đùn tôi chẳng quan tâm... Cho mãi tới sau ngày lấy vợ, tôi mới phát hiện có một bức tranh tuyệt tác mà các tay chuyên sưu tầm tranh sau đó đã trả với một cái giá tôi không thể tưởng tượng nổi. Tôi nghĩ, hình như bọn buôn tranh đang bán bỏ Ngô và bức tranh kia, nên đóng sập cửa, treo cao hơn để đón lấy chút nắng nhạt buổi chiều, ánh trăng khuya từ ô cửa sổ hắt vào, thay vì phải nghe những lời tán tụng nhằm nhí của phường bán buôn lừa lọc kia. Những lúc đau khổ, tuyệt vọng; những khi đói rách tới tả, bị dòng đời nhấn lún xuống tận đáy bùn đen tôi ngồi chằng hẳng trên chiếc ghé gỗ (chiếc ghé Ngô vẫn thường ngồi) để nhìn ngắm nó hả hê, đôi lúc như một tín đồ mộ đạo! Cả những lúc no nê hạnh phúc, tôi cũng dặng chân trên ghé bành ngắm nhìn bức tranh với nỗi ngậm ngùi vừa đánh tuốt tay đũa bạn thân nhất trần đời. Trước mắt tôi, nó không còn là bức tranh mà là một khu rừng nào đó xa lắc, đây huyền hoặc với những con thú quần quít bên nhau trong quang sáng hắt hiu của mảnh trăng rớt cuối tháng. Đó là những con sói, con cáo, con beo, bầy nai và đàn cọp vằn... Chúng quần bên nhau giữa một vũ khúc tình. Chúng hung ác và hiền dịu, hạnh phúc và đau khổ, lo sợ và an nhiên. Cả cái xấu và cái tốt hình như đều bật ra trong những đường nét và sắc màu loạn cuồng trong cơn cuồng loạn Ngô phóng bút! Nhưng hơn hết, trong mỗi con thú đều ẩn hiện, thấp thoáng bóng dáng của Thủy, nhất là những đêm trăng khuyết đến tận cùng, nửa đêm giật mình nhìn lên vách, bầy thú biến mất, nhường chỗ cho bóng dáng thiếu nữ khi hân hoan, khi u sầu tha thẩn trong khu rừng già dày đặc khói sương đêm bị ánh trăng hắt vào loang loáng trắng, quái dị. Có khi người thiếu nữ tuyệt trần kia, mặt mày, chân tay, áo quần đầy máu đang dần xé một đoá hoa cánh rơi là tả trong lớp khói lung linh với tất cả vẻ đẹp hung ác cực kỳ. Và không ít đêm thao thức vì cái ban ngày đỏ hoét dần vật, tôi len lén vạch mùng bước nhẹ ra phòng khách, sững sờ nhìn những con thú mang khuôn mặt Thủy cào cào nhau đến toé máu... Trong những lần tôi ngồi hàng giờ như vậy trước bầy thú và con người, vợ tôi từ phòng ngủ xô cửa chạy ra, hồn hên: “Tự dưng có những luồng hơi lạnh đến rợn tóc gáy, tròn miết da gà khắp cả người, lạ lắm. Em sợ quá”. Vợ tôi chỉ mới cảm, chưa thấy và chưa hiểu mọi sự, tôi vỗ về, an ủi nàng thôi không hỏi nữa.

Còn lại một mình trong đêm vắng, tôi dán mắt lên bức tranh, mong tìm thấy bóng Ngô lẫn khuất đâu đó giữa bầy thú hoang đang nhảy múa. Nhưng tuyệt nhiên chỉ có những móng vuốt giương ra, cào cào nhau và gào thét man rợ. Ngô biến mất, giống như hòn đá rơi tòm xuống giòng nước xoáy.

Bức tranh vẫn cột dính trên tường. Những tay buôn tranh đã quá mệt mỏi với giá kinh khủng tôi lắc đầu từ chối, nên cũng không lui tới nữa.

Cái lỗ đen ấy đã kín miệng, nhưng thỉnh thoảng vẫn ung lên một chút mù.

Còn giờ đây Ngô đang ngồi trước mặt tôi sau ngần ấy năm dài mất tăm. Tường là những đôi thay ghé góm, nhưng Ngô vẫn như ngày chúng tôi chia tay. Có điều rất lạ là khuôn mặt anh bọt nhạt như sáp, đôi mắt hun hút sâu, vô cảm. Phía bên dưới dải tai, chỗ xương quai hàm, những vết đỏ loét chạy dài theo cổ và giầu hút đầu đó sau mảnh vải áo sọc đen.

- Định, mày đừng nhìn tao như thế – Ngô đột ngột lên tiếng và xoay người nhìn ra phía khung cửa phụ ăn thông ra vườn – Mày còn rượu không? Tao cảm thấy lạnh lạnh.

Tôi mở cánh tủ, lấy ly và chai Hine còn voi nửa. Ngô uống liền một lúc ba ly.

- Rượu hạng tư – Ngô bật lên thành tiếng.

- Tao không rành ba cái thứ đó.

Ngô khoát tay:

- Không sao, dù hạng tư nhưng nó cũng đốt cơ thể tao ấm lên chút đỉnh. Mà này? Chính xác, tao với mày chia tay bao nhiêu năm, hả?

- Ngày mười sáu tháng năm.

- Không lâu lắm phải không? Mà sao tao lại phải trốn chạy kia chứ? Lúc đó tao đang làm assistance cho ông Vũ mà. Ông ta quý tao. Tao cũng kính trọng ông ấy. Riêng đám sinh viên, có vẻ như chúng bị kích động bởi những luồng tư tưởng nửa ngô, nửa khoai chưa kịp tiêu hoá của ông Văn mang từ bên Tây về... lại được chế dầu thêm bởi đám dao búa?

- Đó là chuyện cũ.

- Không cũ chút nào khi chúng nó đánh trống thổi kèn hô hào xông vào bắn giết nhau để bảo vệ cái ghế ngồi cho chúng nó. Đám dân chúng thì ngây thơ, bị nhồi nhét, đôi lúc quá sợ hãi để thành những con thiêu thân. Còn đám trí thức nửa vờ thì chỉ vì ba dùm chữ nghĩa chớ mưa thành kinh thành kê và vì ảo tưởng về một xã hội công bằng, phồn vinh... mà bán đứng danh dự làm người, xô đẩy cả một dân tộc xuống đáy vực sâu, tằm trong xương cốt và hận thù!

Ngô lại rót rượu, dốc ngược đáy ly:

- Cuối cùng thì không thằng nào chịu trách nhiệm về những hành động xuẩn ngốc của mình gây ra, trút vấy lên đầu kẻ khác. Tao biết một thằng đi tu có nòi, thuộc kinh kệ như kết. Nó bắt tín đồ đọc kinh như lũ bò nhai lại, rao giảng đạo đức, giáo lý để cuối cùng nó ngủ với gái trong phòng? Lừa mị đến thế thì còn hơn cả thứ giòi bọ đục khoét những xác chết sinh thú trong rừng sâu, bên vực hầm!

Nước mắt Ngô chảy dài, càng lúc càng nhiều, đỏ dần lên như máu. Trước mắt tôi, Ngô trở thành hình nhân lúc xám ngoét, lúc trắng nhợt khi thì sùng màu máu từ hai hốc mắt tuôn ra, từ lỗ tai, lỗ mũi tuôn ra, cả miệng cũng bật trào màu máu đỏ, thấm xuống ngực. Khuôn mặt Ngô trở nên lạnh lùng và lạ lùng mà tôi chưa hề thấy.

- Mày có vẻ như mệt? Nằm xuống chiếc ghế xích đu này nghỉ chút đi?

- Bao nhiêu năm mới được về thăm lại mày, giờ kêu tao ngủ thì thà đừng tới?

- Tao xin lỗi.

Im lặng một lúc, tôi lên tiếng:

- Ngô này, bức tranh mày vẽ trong đêm...

- Tranh nào?

Tôi đưa ngón tay chỉ lên tường, phía trên đầu anh, nhưng Ngô không dòm theo.

- Nhớ rồi. Đó là bức tranh khói và mảnh trăng khuyết mà trước khi đi tao không kịp nói với mày.

Tự dung khắp thân thể tôi bỗng nghe lạnh đến tận cùng, co rúm lại trong nỗi sợ hãi vừa sung sướng. Nhưng cảm giác ấy chỉ ào đến thật nhanh và rút đi cũng thật nhanh như sấm động. Tôi trở lại bình tĩnh:

- Rồi mày đi những đâu, đến đúng ba mươi năm sau mới quay về?

- Định mệnh.

- Là gì?

- Là sự ra đi và sự trở về.

- Lúc nào mà cũng có thể pha trò được. Ngô mà nói đi. Mà đi những đâu?

- Trước hết là tao bỏ ngang cái chức assistance bỏ báng đó và lang thang từ ngôi chùa này đến quán thịt chó khác, từ nhà thờ này đến những nhà thổ nọ để làm một cuộc khám nghiệm về nhân cách con người. Và cuối cùng tao đã khám phá ra một chân lý lộn ngược. Té ra lũ cút đá và bọn thổ tả kia còn mặt hạng hơn đám ma cô dĩ bọm. Chúng lợi dụng kinh kệ, sám truyền, lợi dụng lòng tin của kẻ khác để buôn người, đổi chác, phỉnh phờ, lừa lọc. Một bọn lưu manh đội lốt người thượng hạng ngoại hạng. Trong khi đám dĩ bọm chỉ vì cái bao tử. Chúng cũng lưu manh vậy, nhưng ra giá sòng phẳng, không lừa mị phỉnh phờ ai. Thằng nào có nhu cầu xin mời... ai đau khổ, buồn rầu xin mời... kẻ nào sung sướng hoá điên, xin mời... nhưng nhớ là đừng giở trò chơi chọi...! Rất sòng phẳng.

- Nói nghe ớn lạnh?

- Tao ngụp lặn trong chôn thanh cao lẫn vũng bùn hôi tanh dơ dáy nhân thế. Tao gặp đủ loại mặt mũi, đầu óc bệnh hoạn của bọn người mà đến cả trời đất cũng phải bùm mặt xấu hổ. Tao lang thang cùng khắp ba cõi, đến những nơi mà con người chưa bao giờ đặt chân tới. Tao đi đến độ chân toé máu, cụt ngón; đến độ thân thể teo tóp như que củi khô khốc.

Bất chợt, tôi nhìn xuống sàn nhà. Đôi bàn chân Ngô lung lừng đầu đó trong hai ống quần rách bươm, không chạm đất, đung đưa theo thói quen, như hồi nhỏ anh ngồi vắt vẻo trên cây ôi sè sau vườn nhà, thông chân đưa qua lại trong không khí. Lớn lên, khi bắt đầu biết yêu mỗi khi đứng dưới khung cửa sổ phòng Thủy, Ngô vẫn có thói quen ngồi trên trụ gạch đưa đưa hai chân vừa như biểu lộ niềm hạnh phúc, vừa như tỏ vẻ thất vọng, bởi ô cửa chỉ hắt ra bên ngoài chút ánh sáng, tuyệt nhiên không có một nụ cười, cái vẫy tay nghịch ngợm.

Tôi hỏi Ngô:

- Lúc này mà nói gặp Thủy?

- Đúng. Tao gặp nàng lúc vừa sinh con đầu lòng. Hạnh phúc và giàu có. Đãi cát và kiêu kỳ. Còn thằng chồng thì làm một quan chức khá lớn ở một Bộ nọ, sai khiến đàn em kiếm tiền mang về cho hắn. Sau này hắn vẫn tiếp tục làm lớn. Tại sao à? Có trời mới biết. Lần đó tao ngồi vẽ tranh trên vỉa hè độ nhật. Cũng toàn tranh thiếu nữ. Bữa nọ, trong đám đông dòm ngó tranh, có một quý ông khoát tay một quý bà, chỉ bức tranh tao đặt trên chiếc ghế đầu long chân:

“Đẹp! Và có vẻ giống em đó chứ”

Một giọng chót nhả:

“Em thấy cũng được”

“Không. Đẹp. Anh sẽ mua bức này tặng em nhân ngày sinh nhật sắp tới”

Tao quay lại. Té ra là vợ chồng Thủy. Tao lúng túng thật sự. Còn Thủy thì làm như lạ mặt, khề nghiêng chào kiểu cách. Lão chồng hỏi:

“Tôi mua bức tranh này, thưa ông?”

“Xin lỗi, có người mua trước ông bà rồi”

“Anh vẽ bức khác. Tôi thích nó”

”Không thể thế được”

“Có thể đấy!” – Nói và hắn ta lôi vợ đi.

Tao đâu ngờ có sự sau đó còn tồi tệ hơn. Để chiếm hữu bức tranh, lão lệnh cho đám chân tay dọn sạch các vỉa hè. Mọi người chạy nháo nhào. Những bức tranh của tao, của bạn bè bên cạnh bị hốt lên xe như người ta quăng những bọc rác hôi thối phải đổ vút đi buổi sáng buổi chiều! Nhưng đây chỉ mới là đoạn khởi đầu của bi kịch. Sau đó mấy ngày, tao đang chán ngán với ly cà phê đắng ngắt, thì có một thằng mặt mũi tựa cô hồn, quăng trước mặt tao bì thư. Nhặt lên, thoang thoang mùi nước hoa loại đắt tiền. Mở ra, mấy dòng chữ lịch sự một cách mất dạy: "... cuối cùng thì chúng tôi cũng tìm mua được bức tranh bán đấu giá tại Sở Vệ Sinh Đô Thành. Rất mong ông đến treo giúp bức tranh. Vợ chồng tôi... số nhà... đường".

- Mày tới? – Tôi hỏi, lòng áy náy như chính mình là người trong cuộc.

- Tao tới. Tới để coi cái đám cướp giật, hợm hĩnh đó làm gì? Đúng là bức tranh bừa bộn lão ta đòi mua. Đón tao là bà quản gia và con nhỏ ở đang xách giỏ mở công chuẩn bị đi chợ. Tao chìa thư mời. Bà ta nói: "Ông nhà dặn hễ ông đến thì mời vào. Chúng tôi được báo trước rồi". Tao bước vào, thấy Thủy ngồi dựa móng tay ở phòng khách, mặc bộ váy mỏng tang, loại vải khá đắt tiền. Bức tranh dựng gập đây. Thủy thông thả chào tao, thông thả đứng dậy, thông thả rót nước và thông thả mời. Dáng điệu nàng bước giống hệt con báo cái trước con môi đang nhắm mắt chờ bị xé xác, một kiểu cách lố bịch của các mục mệnh phụ phu nhân còn sót lại trong thời buổi nhiễu nhương.

"Anh ngạc nhiên lắm phải không?".

"Hơn thế nữa".

"Thật tình thì tôi không thích nó. Chỉ vì nhà tôi vẽ vời".

"Tôi nghĩ ông bà không nên xử sự như vậy".

"Chúng tôi có làm điều gì khiến ông phiền lòng. Chúng tôi hỏi mua, ông không bán, chúng tôi về. Còn cái này, chúng tôi mua đấu giá từ...".

"Từ một đám ăn cướp?".

"Ông nói hơi quá. Có cần phải coi giấy tờ không nh?".

"Kẻ mạnh có thể biến xác chết thành người sống, thừa bà?".

"Đó không phải là chuyện của chúng tôi. Chúng tôi mời anh đến không phải để tranh cãi về những chuyện không liên quan đến nghệ thuật". Tao lộn gan, đứng bật dậy bước ra. Thủy vẫn ngồi bắt chéo chân, với bộ điệu hờ hênh, khiêu khích sự thèm khát dục vọng, nở nụ cười pha chút ngây thơ lẫn dĩ thoã: "Chẳng gì thì đã có lúc chúng ta như gặp nhau, quen nhau và trong anh, tôi luôn luôn có mặt?".

Mày nghe nó nói không? Một giọng điệu chỉ có ở đám ma cô, tú bà lại thốt ra từ cửa miệng của con mục đàn bà có nhan sắc rực rỡ, tuyệt vời kia mà tao và mày đã từng yêu đến không còn nhận ra bên bờ, ngày đêm? Đây là lần đầu tiên trong đời tao được "hân hạnh" đối mặt với nàng, nói vói nhau không bằng lời êm ái, yêu đương! Tao tự nghĩ, phải chăng nàng là hiện thân của loài quỷ dữ bay vào trần gian để thoả mạ kẻ khác? Một thứ nhan sắc ròn rợn mê hồn, một vẻ đẹp ác độc chưa từng thấy trên những khuôn mặt nữ? Luôn luôn tồn tại hai dáng vẻ đối nghịch nhau? Tao vừa sợ hãi, khinh tởm vừa muốn gằn gủi sờ đụng nàng như sờ đụng trên thân lầy nhầy con ấu trùng bướm đa sắc, vừa có cảm giác nôn oẹ mọi thứ trong cơ thể ra ngoài. Chỉ còn một bước chân nữa là tao ở bên ngoài khung cửa, thoát ra khỏi căn phòng ghê tởm mà vô cùng lồi cuốn đó. Tao muốn ngã khụy xuống nền gạch hoa, mắt mờ đi.

“Anh giúp tôi. Vì trong anh luôn có tôi, tôi biết thế. Vậy thì tại sao trong tôi không có một chút anh. Đây là điều anh mong mỗi bao nhiêu năm nay mà. Tại sao anh lại từ chối điều anh hằng ao ước đó nhỉ? Để được cái gì...?”

Tao nghe dường như có vòng tay chạm đầu đó lên người tao, nóng rực nổi ham muốn của bầy thú trong mùa tình. Tao nghe tiếng thì thảo bên tai như lời của con hồ ly tinh:

“Bây giờ tôi tặng anh điều anh ao ước bấy lâu. Hình như tất cả mọi thứ tình yêu đều kết thúc trên giường ngủ. Tôi tặng anh nổi khao khát cào cháy cơ thể anh, tâm trí anh để sau đó anh vĩnh viễn bước ra khỏi khung cửa này, như một cách để tôi lột tôi ra khỏi người anh”.

Sau đó là nụ hôn dài đến cháy bỏng, là thân thể mềm nhũn oằn oại tựa hồ kẻ động kinh. Mọi thứ cảm giác của loài động vật có bộ não đều đổ ào ra cùng một lúc đến tận cùng trời cao hồ thăm rồi đột ngột đứng khựng lại như cỗ máy chết, trống rỗng đến tận cùng...

Càng về sau, giọng nói của Ngô càng thì thảo tựa hơi thở, cố gắng lắm cũng không nghe được gì hơn. Hai môi Ngô mấp máy liên tục đến độ không còn đoán được Ngô nói điều gì. Anh giang hai tay và xoa chân trên ghế. Im lặng hoàn toàn, lạnh ngắt.

Rất lâu sau Ngô mới mở mắt ra, vẫn trong tư thế cũ. Nhưng trên hai hốc mắt lại trào ra hai giọt nước mắt đỏ hoét. Tôi vội lấy chiếc khăn vắt trên thành ghế, toan lau cho anh, nhưng Ngô đưa tay ngăn lại. Bàn tay Ngô chạm vào tôi như thể tôi đang chạm vào tảng băng đá. Ngô giật mình, ngồi lại ngay ngắn, giọng phều phào:

- Điều mày muốn biết tao đã kể hết cho mày nghe. Chỉ còn đoạn cuối là sau đó mấy ngày, tên cô hồn kia lại xuất hiện, chia súng vào hông, lôi ngược tao lên xe đóng sập cửa lại và đưa tới một nơi tao chưa hề đến. Một chiếc lều bạt dựng sâu phía trong con đường đất đỏ. Hắn đưa tao tới đó thì đã thấy thẳng chông Thủy ngồi bên chai rượu màu. Hắn đưa tay chỉ chiếc ghế đầu đối diện, đẩy ly rượu về phía tao:

“Tôi nghĩ ông nên uống một ly”.

Tao nhìn hắn không hiểu hắn nói gì và làm gì?

“Ông khá lắm, ông họa sĩ ạ!” – Nói và hắn quăng tám ảnh lên mặt bàn gỗ xù xì, giọng đanh lại:

“Ông nhìn thật kỹ đi” .

Trời đất! Sao lại có tám hình quái quỷ này, tao tự hỏi trong đầu.

“Tôi biết ông yêu vợ tôi đến lú lẫn. Cũng tốt thôi. Nhưng điều tôi không muốn là hình ảnh vợ tôi không được phép tồn tại trong cái đầu óc thối tha kia, không được bày ở vỉa hè như một con bù nhìn bọ chim thú. Ông có hiểu không? Tôi nghĩ ông nên uống một ly trong giờ phút hội ngộ kỳ quặc này”.

Tao tức điên người, đứng dậy đá văng chiếc bàn ra xa.

Và sau đó là một cõi thênh thang cho tao rong chơi, đi về. Có điều sau đó tao vừa khinh, vừa căm hận lại vừa yêu Thủy hơn bao giờ để chứng kiến gần như cuối cuộc đời sau này của nàng. Vẫn đẹp lộng lẫy, kiêu kỳ trong cái đóng đồ nát của gia đình, trong cái bi thương của nhan sắc và danh vọng... Thủy đã mang bán tất cả những gì có thể bán được cho đến cái cuối cùng. Nàng cũng bắt đầu chạy chợ, lừa lọc, phỉnh phờ thiên hạ để kiếm từng xu, cho đến cái thân xác kia nàng cũng nhả chìm xuống vũng đen nhầy nhựa... Tao xót xa, thương hại nàng, nhưng tao không thể làm gì hơn được.

Ngô bật khóc tức tưởi, nghẹn ngào. Cả thân thể co rúm lại, đau đớn tột cùng. Tôi ôm đầu nghĩ mông lung trăm chuyện nhân gian, cho tới khi Ngô nói: “thôi tao đi”, ngẩng lên chỉ thấy bức tranh trên tường lay động dữ dội. Những con thú chạy bổ vào tôi, dẫn xé rách toạt da thịt máu me trước giọng cười the thé của bầy sói mang trăm mặt con mụ đàn bà kia.

Căn phòng hoàn toàn im vắng.

Và hình như... Tôi cầm chai rượu lên...Hình như nó vẫn còn nguyên như khi tôi lục tủ mang ra cho Ngô?

BẦY CHIM TRƯỚC HIỀN NHÀ

Sau trận đau thập tử nhất sinh hồi năm ngoái, anh Hậu buông tất cả công việc làm ăn, giao hẳn cho lũ con cái, không còn ngó ngang đến tiền bạc, kinh doanh như trước nữa. Anh lui về ở trong căn nhà nhỏ, sâu hút cuối hẻm. Hành động kỳ quặc này đã gây không ít bàn tán, xôn xao trong giới thương nhân một lúc, rồi thôi, ai lo phận nấy, coi như anh không còn tồn tại, không còn cạnh tranh với nhau khốc liệt như trước. Đám thương nhân mừng thầm vì đã loại được một đối thủ đã từng gây cho họ nhiều khó khăn mà không phải tốn đồng xu cắc bạc, lại còn được đến tận nhà để chia xẻ cái đau của anh, cảm thương anh theo đạo lý phường hội.

Theo anh về căn nhà xưa, nơi anh cất tiếng chào đời cách đây hơn năm mươi năm là chị Hậu, vợ anh. Cả hai sống lặng lẽ, ít giao tiếp. Hằng ngày ngoài công việc cơm nước, thuốc thang cho chồng, thì giờ rảnh chị lên chùa đọc kinh, làm công quả. Còn anh Hậu thì nằm nhà đọc Thiên, thơ Đường cùng bất kỳ thứ sách báo nào mà anh có được. Chán, anh ra khu vườn nhỏ chỉ rộng hơn nong tầm để tưới nước, nhổ cỏ đám rau mà anh vẫn thường gọi là “đám thuốc cái tử hoàn sinh”. Đó là mấy dây bình bát dựa lưng vào cột nhà, leo lên tận mái ngói; là bụi mồng toi nằm vắt ngang qua nhà tắm. Gân ăng nước là đám ngổ, cần tây, diếp cá, lá lốt xô đẩy, chen lấn nhau. Còn phía chỗ mô đất cao hơn một chút, gân công ra vào là mấy bụi tía tô lá đỏ hóét, xum xuê. Tuyệt nhiên không thấy anh trồng cây bông hay chậu cảnh nào cả.

Ngày thường, nhà vắng hoe chỉ có tiếng vợ tiếng chồng nhỏ nhẹ với nhau, nhưng đến thứ bảy, chủ nhật lũ cháu nội ngoại kéo ào về làm cho căn nhà chật cứng người. Hết nhảy lên bàn, chui tọt xuống gầm giường cút kiếm, chơi trò đấu kiếm, chúng lại quay ra vườn bứt lá, bẻ cây chơi trò đám giỗ, đám cưới. Đến khi cha mẹ chúng tới đón về thì khu vườn nhỏ như vừa trải qua trận bão khủng khiếp. Có lần lũ con anh đề nghị:

- Nhà cũ kỹ, chật chội thiếu ánh sáng và không khí. Để tụi con phá ra xây lại, rộng rãi, mát mẻ hơn, để cha mẹ hưởng tuổi già.

Anh Hậu gạt phăng:

- Không cần thiết. Tiền để bổ sung vào vốn. Khi cần vay mượn cục thân. Với lại nó là kỷ niệm của ông bà nội tụi bay để lại, không thể phá đi được.

Sau nhiều lần thuyết phục không xong, đám cháu ít về hơn. Mà có về cũng không phá phách như trước làm anh buồn buồn không sao nói ra lời được.

Sáng nay tôi tới thăm anh. Chưa kịp chào, anh đã vội khoe:

- Tôi mới tìm thấy được cây quế ngọc. Quý lắm. Nó mọc tràn lan đầy rào đầy giậu mà nào có biết. Tình cờ nằm đọc tài liệu cổ mới phát hiện. Té ra là nó. Bứng được năm gốc còn sống hai.

- Anh nói quá. Cây cỏ gì mà quý đến vậy?

Anh cười cười:

- Như ăn sống thì trị được bệnh hôi nách, hôi miệng, vãi mồ hôi trộm. Nấu chín thì trị được bệnh đái đường, đái tháo, ỉa chảy phân đen tức bộ phận tiêu hóa có vấn đề trực

trắc. Còn như nấu chung với nha đam thì trị chứng lãnh cảm, làm mịn da ở phụ nữ. Thêm chút quế chi cùng bông gòn đốt thành tro sẽ trị được bệnh huyết trắng...

Tôi đùa:

- Bây giờ chúng hôi nách, hôi miệng khá là phổ biến, mà toàn đám nhà giàu có bị dính. Hay là anh kiếm mảnh đất rộng rộng trồng kinh doanh?

Anh không trả lời mà đập mạnh vào vai tôi:

- Chú xê ra, mấy con chim...

- Chim gì?

Anh chỉ tay lên mái hiên nhà:

- Ồ, ngồi xích ra chỗ này. Sợ nó ỉa trúng đầu chú.

Anh phá ra cười. Tôi cũng cười ngất.

Hóa ra ngoài các cây rau, cỏ được phong thánh anh còn nuôi chim lồng to lồng nhỏ, treo móc lủng lẳng trên rui, kèo nhà. Cũng là một lũ chim tấp nham, không thể gọi là chim cảnh được. Con cu cườm lừ lừ gật gù giống như lão lý trưởng mặc áo the, đội khăn đóng, nách cặp dù ngất nghểu trên đường tới nhà bà góa. Con chìa vôi lác các như thằng trẻ ranh. Còn con chào mào giống hệt bà gái góa đội nải chuối xanh lên chùa. Cuối dãy là hai chú sáo đà và mấy con khác nữa không biết tên. Tất cả từ rừng xanh, bờ bụi quần tụ lại nhưng ngăn cách bằng những chiếc nan tre bóng loáng, chắc chắn. Có điều lạ là từ khi tôi bước chân vào nhà tới giờ, chưa nghe thấy chúng hót hay kêu gì cả mà chỉ đứng gật gù nhìn trời đất như những nhà hiền triết hoặc chăm chú mổ thức ăn, rìa lông.

- Sao không nghe chúng hót hay gáy gì hết trơn vậy anh? – Tôi hỏi anh.

Anh Hậu đang mò nhổ những sợi râu ngứa trên cằm một cách chăm chú như lũ chim đang ăn, không nghe. Tôi lặp lại. Anh giật mạnh sợi râu ngắn đưa ra soi trước mắt. Không có sợi râu nào. Chỉ có hai ngón tay bóp lại. Anh cười:

- Không thấy hót?

- Ồ

- Đám chim bồi mua dưới chợ. Tiếng là bồi nhưng ngoài rừng chắc là chúng phải hót hay. Nhưng khi người ta rập chúng hàng trăm đem bán thì hay cũng hóa dở. Chỉ có lũ con nít chúng ưa. Ban đầu định mua cho mấy đứa cháu chơi. Nhưng chúng chán, bảo chim của ông cầm hết rồi. Tôi cứ treo đó. Sáng chiều đổ thức ăn và thay nước. Chúng sống chết thế nào mặc. Có hót hay không cũng kệ. Tôi đã thả chúng ra nhưng bay quanh quần đâu đó rồi chiều tối tụ tập về, cắn mổ, la hét với nhau om sòm riết cũng thấy ngò ngộ. Trong số này có con tôi mang về, có con tự dựng kết bầy chui vào chung sống, hòa đồng với đám chim mà các cháu tôi gọi là cầm. Và rồi cả đám cũng hóa cầm luôn.

- Nhưng nuôi làm gì ba cái thứ này cho nó nhọc công?

- Nhọc hẳn gì chú ơi! Cũng tự nhiên như trời đất cỏ cây vậy mà.

- Trời đất! Người ta nuôi các loại chim quý, những hồng yến, hoàng yến, sơn ca, họa mi... còn anh thì đi tầm ba thứ chim se sẻ tầm xàm bá lạp này về nuôi?

- Chú mới thiệt lạ đó. Không có se sẻ sao có chim ưng? Không có gà vịt sao có công có phượng...?

Tôi cãi:

- Nhưng mà phạm nuôi chim hoặc là để nghe tiếng hót hoặc là để ngắm nhìn màu lông sặc sỡ tỉ như thưởng thức âm nhạc và hội họa vậy. Dưới nhãn quan “điên khùng”

của loài người thì chim có hai cái đẹp: âm thanh và sắc màu. Đàng này anh lại đi chăm sóc một lũ chim câm. Còn lông lá thì, xin lỗi anh cứ như áo tới chăm lá đã qua ba bốn mùa mưa.

Chị Hậu từ dưới bếp bung lên khay trà đặt lên chiếc bàn con làm bằng hai mảnh ván ghép tròn, rộng bằng chiếc mâm thau, thứ sản phẩm còn sót lại hồi chiến tranh. Nhìn chiếc bàn có thể đoán bạn bè anh đến chơi nhà không nhiều như hồi anh còn đang kinh doanh. Chị rót trà ra hai chén gốm nung, giả cổ:

- Chú uống chén trà cho ấm bụng. Trà Tàu loại đặc biệt người ta biếu ông, đầu tận bên Trung Hoa – Chị nói rồi bỏ xuống nhà dưới, không tham gia câu chuyện với chúng tôi, bởi chị là một phụ nữ vốn ít lời, nhưng được cái rất quý trọng bạn bè chồng.

Anh Hậu bung chén trà lên, cung cách cứ như các nhân vật của Nguyễn Tuân. Xong tuần trà, anh lại lên tiếng:

- Phàm hề phú quý rồi thì sinh ra lễ nghĩa. Mới hôm qua còn đi chân đất, phèn bám dày ngón chân, mặc quần chớ tấp bầy ngày không tới. Được đồng ra đồng vào theo kiểu hoạnh tài thì bầy đặt quần soóc trắng, áo thun trắng chạy xe máy lên xuống khoe cặp giò đen thui bùn đất.

Tôi cắt ngang:

- Anh mới lạ. Đang nói chuyện chim cu anh lại xọ sang chuyện khác?

- Thì thùng thẳng rồi tới chuyện chim cu. Lại có người bữa trước đi đong từng lon gạo, nay ăn uống thì chê thịt, chê cá, bắt phải luộc ớt rau lang non, bông giò, mắm ngò, muối ớt xiêm. Tổ cha chúng chứ cái giếng nhà chúng toàn phèn và bùn, uống từ nhỏ tới lớn, nay bầy đặt uống nước khoáng. Đi đâu cũng kè kè chai nước khoáng, sợ uống thứ khác sẽ bị thổ tả, vi trùng? – Anh uống ngụm trà như để lấy hơi, tiếp – Trở lại chuyện chim cu của chú thì này này. Chú có biết không? Một con họa mi cũng vài triệu bạc, hồng yển cũng tới bảy tám trăm đem về nhốt trong lồng để nghe, không bắt nó hót mà nghe thì hỏi chú có phải bọn đó là bậc trí giả thanh tao không? Lại nữa, chim hót hay hay nghe được giọng chim hót hay đâu phải ngồi trên ghé nệm, nền lót gạch bông có máy điều hòa nhiệt độ. Trật lất. Phải vào rừng kia. Vào tận rừng sâu, leo lên tận núi cao nằm gối đầu lên rễ cây mà lắng nghe tiếng chim hót. Giữa mênh mông đại ngàn của rừng, mênh mông lá xào xạc của gió núi, mênh mông âm thanh róc rách của suối sâu rừng thẳm thì tiếng chim hót mới phiêu phiêu ngọt ngào. Những âm thanh ấy cứ ngang dọc lan tỏa khắp đất trời, thấm sâu vào tận những vi ti huyết quản, lan lan xuống thấu đầu ngón tay, ngón chân, làm rung rinh những chân tóc, thấm đẫm khắp châu thân. Tiếng cao tiếng thấp, tiếng đục tiếng trong cùng hòa nhịp. Giữa những âm thanh đang lơ lửng trên tầng không, thỉnh thoảng lại có tiếng tác của con mang, tiếng gầm của beo cọp, cả tiếng sâu bọ rả rích như thể tiếng phách giữ nhịp cho bản hòa âm bất tận ...

- Có vẻ như anh đang sử dụng ngôn ngữ thơ ca để ví von với tiếng chim hót?

Anh Hậu chìm lún trong cơn mơ màng mộng tưởng hoang đường, không để ý gì đến điều tôi vừa nói, tiếp tục chìm đắm trong cơn mộng mị:

- Còn như chú nghe tiếng chim hót phát ra từ bên trong những chiếc nan tre, những chiếc lồng son giả tạo, xin lỗi, như nghe tiếng con ong bầu bị đè lên nắp thùng thiếc, đang gắng sức vùng vẫy kêu la, mong được sớm thoát ra ngoài. Nó cứ u uẩn, nghẹn tắc. Nó cứ te tái, sức sạo tử như vết trầy xước trên mặt đĩa nhạc. Trong khi con chim cố

gắng hết sức để làm hài lòng chủ nhân thì đầu này kèn bóp toe toe, đầu kia búa đập chan chát. Tiếng động cơ nổ âm âm. Khói bụi mù đường. Tiếng chim hót trở nên lạc lõng, bơ vơ tựa hồ tiếng rên xiết, kêu cứu. Mọi chuyện vì vậy đều lạc điệu trật khớp hết. Mà nè, có hỏi nào chú ngồi một mình trên chiếc sồng nan tre thả trôi trên sông đêm chưa? Chưa phải không? Chưa được may mắn ngồi sồng đêm trôi xuôi mà nghe tiếng sáo réo rất vắng vắng gần xa sau rặng tre già? Đó mới thực là tiếng sáo và nghe sáo. Đẹp tựa dải lụa phất phơ trên triền sông cát dưới bóng nắng quái chiều hôm. Cái khoảnh này xưa nay chỉ có một mình My Nương bên bờ sông Tiêu Tương mà thôi, dấu cho đây chỉ là một nhân vật mộng tưởng hoang đường của một Trương Chi hoang đường.

- Tôi e rằng anh cố tình đẩy cái đẹp tới chỗ cực đoan?

Anh lừ lừ ngó thẳng vào mắt tôi, rục rủa:

- Mọi cái đẹp đều tồn tại trước mắt ta một cách hết sức tự nhiên. Không ai có quyền và được quyền chiếm hữu làm của riêng. Cái đẹp là của chung của nhân loại. Và dấu nó không thể cứu được thế gian bừa bộn này như mong ước của cụ Dostoievki thì ít nhất cũng đôi khi làm ngập ngừng cái ác lại đôi chút.

- Vậy thì tại sao anh không thả lũ chim ra? Lũ chim đang bị anh nhốt trong lồng kia?

Anh Hậu ngửa mặt cười ngất. Cười đến rung cả mắt và mũi.

- Chú quan sát mọi sự vật một cách hời hợt, quan sát từ suy diễn chủ quan mà ra. Đó là cố tật của bệnh luận lý, mà ông tổ sự sai này là từ cụ Platon, Aristotes. Nhìn xem, tôi có nhốt chúng lại đâu nào? – Anh lại cười ngất.

Quả thật, khi nhìn lên dãy lồng to lồng nhỏ khác nhau, tất cả các cửa lồng đều mở toang. Có cái còn ngã ra làm cầu cho chúng chuyền. Lũ chim đang thân nhiên mổ thức ăn, đứng ngoài nan lồng rĩa lông. Có con còn nằm xoài cánh trên kèo nhà như thể nơi này là rừng sâu, là cây cao của chúng trước đây.

- Lạ thiệt anh Hậu. Tại sao lại có hiện tượng lạ lùng này?

- Chẳng có gì lạ lùng cả. Bây giờ chúng với tôi như người thân. Chúng không phải bay đi đâu cả. Thức ăn có sẵn, loại thức ăn cao cấp mà trong rừng sâu, ngoài thiên nhiên không dễ gì chúng kiếm được. Ăn chán chúng bay ra thau nước ngoài kia tắm giũ, rồi bay lên mái nhà hay giậu mồng tơi rĩa lông phơi nắng. Rồi lại trở vào lồng. Ăn. Rĩa lông. Ngủ. Cọp dử, con người còn thực hiện được ý đồ của mình, huống chi chim chóc? Nghĩ ra con người quả là ác độc.

- Tuyệt nhiên chúng không hót?

- Không, nếu như tôi không làm một hiệu lệnh nào đó.

- Tại sao như vậy?

- Theo thói quen dạy dỗ. Đầu tiên là chúng được ăn no, ăn ngon. Con nào cũng mập mỗ, lại không bay nên thanh quản chúng chỉ có một lớp mỡ dày bao quanh. Muốn rung lên không tài nào rung được thì hót thế nào bằng lúc xưa khi còn ngoài rừng núi? Đây chú xem – nói và anh Hậu giơ ngón tay lên búng trong tróc, tức thì con chìa vôi bay vụt vào đậu trên cầu lồng rướn cổ lên cổ phát ra những âm thanh gọi bầy. Nhưng hồi ơi, nó không còn là tiếng chim nữa, giống như đứa trẻ cầm dùi gõ lên mặt trống da ếch. Anh lại chun môi huýt sáo, con chóc mào đậu lên vai anh cất giọng khàn khàn. Đến cái bập bập môi, con chào mào thôi điệu bộ đến lượt chú cu cườm gật gù không ra tiếng. Quái lạ

hơn nữa khi anh vỗ tay bồm bộp, tất cả các chú chim của anh bắt đầu khào khào trong cổ họng nghe đến thảm thương. Tôi không còn bụng dạ nào ngồi nhìn anh thao tác, điều khiển lũ chim nữa, nói như hét:

- Anh thật dã man

Anh Hậu cười hề hề trông hết sức hiền lành:

- Đó chẳng qua là thiết lập lại trật tự tự nhiên, một trong những mệnh đề biện chứng của triết học thời Trung cổ.

- Anh quá lắm anh Hậu.

Từ buổi sáng hôm đó, có đến hơn hai năm tôi không có dịp lui tới thăm anh, cũng vì bận chuyện com áo gạo tiền, lo con lo cái nên không còn đâu óc đâu để ý đến cái đẹp, đến thẩm mỹ như đã từng tranh luận với anh. Định bụng, tết này tôi sẽ về. Và việc đầu tiên là tôi sẽ đến nhà thăm anh để nhìn bầy chim anh treo dưới hiên nhà nay đã hót lại chưa?

CHIẾC LY VỖ

“Tôi nức nở giữa trời mưa bão”

Trần Dần

Ngọn gió quất vào mặt Thạch như thể những đường gươm lia ngang, rạch sâu xuống mặt cát. Gió quay tít trên đỉnh cao. Gió xoáy tròn dưới chân dốc. Bụi cát trộn lẫn với lá cây khô, cuốn cao mù mịt làm Thạch chóng mặt. Anh có cảm giác như mình đang dò dẫm từng bước chân xiêu lả trong thung lũng tràn bão cát, xô đẩy, va đập, dãn xé. Trước mặt anh là những lùm cỏ cao quá đầu. Những sợi dây mây vắt chông chéo, chằng chịt che khuất cả những lối mòn. Thạch chênh vênh, nghiêng ngã. Mảnh áo bắt đầu sượt rách toi tả. Những sợi vải màu ô liu xoe xay trong gió cát, nom hắt hiu như ngọn cờ bại trận. Tóc rối nùi, khô cứng bụi đường.

Dưới chân đồi, cánh đồng đang bắt đầu khô cháy trong những đợt bão cát thổi dồn dập. Những đường bờ ruộng chằng chéo trước mặt không đủ cao để cản ngăn những cơn gió cuồng bạo. Những cuống rau, cây cỏ bị đè ép sát mặt đất. Thạch chênh vênh bên sườn dốc đá, đưa tay xoa xoa trên mu mắt, cố đẩy cơn buồn ngủ và sự mệt mỏi ra ngoài cơ thể. Đoạn đường vẫn xa tít mù. Rừng núi vẫn bít bùng, vẫn tiếp tục trói chặt những bước chân bắt đầu xiêu vẹo của anh. Những giọt nước cuối cùng trong chiếc bi đông đã dốc ngược từ lâu. Cổ họng khô khốc đắng. Bụng réo cồn cào bên những hốc đá, lùm bụi ngủ vùi trong những cơn đói lả bị dựng ngược dữ dội mỗi khi có cành cây, bụi cỏ chia ngang níu quẹt hai ống quần toi tả. Mỗi ngày qua, mỗi bước chân lê tiếp về phía trước là nỗi hoang mang tột cùng, sợ hãi tột cùng; là sự vắt kiệt sức lực. Thạch lê bằng cả đôi chân rồi tiếp sức bằng cả đôi bàn tay run rẩy để bò, để lết trên mông quần rách toạt mà không dám ngoái nhìn lại phía sau. Chỉ mới chạm khẽ những ý nghĩ đến sợi dây xích khóa chặt chân tay, nghĩ đến chiếc lô cốt ngoài vòng rào kẽm gai, cùng những tiếng rên rỉ đứt quãng và những tiếng súng từ phía ngoài rừng lia dội vào Thạch cảm thấy như nỗi oan nghiệt chưa chịu buông tha bọn anh. Vuốt được ra khỏi căn hầm chết chóc đó, anh chạy như bay như biển trong bóng tối, chạy trên bãi mìn, chạy trên những hố chông, chạy xé đường gai với một niềm hy vọng thật mong manh để níu lấy sự sống khốn cùng.

Sự khốn cùng đó đã đưa anh ra khỏi khu vực chết như một phép màu của bà tiên nhân ái, để giờ đây anh đi và bò và lết và chân tay tóe máu, buồn như cánh đồng hiu quạnh.

Đêm dày đặc. Đêm mịt mùng chạp bầy. Đêm leng keng tiếng kiếng đôi canh. Đêm hắt hiu và đêm truy lùng não nuột vọng theo.

Giờ phút này, sau bao nhiêu ngày đêm trốn chạy không còn nhớ, anh bắt đầu ao ước, bắt đầu hy vọng. Niềm hạnh phúc lớn nhất đối với anh là nghe được tiếng chó sủa vu vơ đâu đó, là tiếng gà te tát trên róng chuồng gia súc. Hai tai anh có vẻ như dài ra để đón nghe những âm thanh quen thuộc đã bị nhấn lút trong khói đạn bom. Nhưng không có gì hết. Duy nhất bóng tối vây phủ trùng trùng quanh anh. Những giây phút tự do Thạch vừa giành lại được có vẻ mong manh như khói, như sương, không thật. Tự dung nước mắt anh chảy xuống, mặn chát những tủi cực, cay đắng của cuộc đời. Anh đưa tay dụi mắt, song chỉ có những cảm giác tê tê như có lần anh bóp tan đầu thuốc cháy trước mặt viên sĩ quan huấn luyện. Người ta đã ném anh như ném một xác súc vật vào cô-nét.

Trọng cảm bảy ngày là bảy ngày ngu cư nơi thiên đường bình an, nhưng đổi lại là những nhục hình ngày bốn bận, là bò là lợn, cởi quần, mặc áo y hệt chiếc máy đang quay không biết mệt mỏi, giả bộ bình thản như thể ăn cơm, uống nước. Và cũng bình thản như cả một thể hệ của anh phải gánh chịu những tai ương giáng xuống trần gian.

Con bão cát bụi dần. Những vì sao cô xé màn đêm và tầng bụi mờ dọi xuống yếu ớt chút sinh lực tàn kiệt. Trước mặt vẫn là những lùm cây đen đậm đặc. Bốn phương tám hướng tối thẫm trong chiếc bình nhét chặt nút, kín bung. Đây là xóm làng? Đây là tiếng khóc, những khuôn mặt trẻ thơ, già nua bên tao vông? Má ơi! Con đang tìm đường về với má đây. Nỗi mong chờ nhớ thương ngút mắt. Nỗi lo sợ phập phồng. Những ảo giác về một sợi khói nấu cơm chiều bên chái bếp tranh nghèo, những âm khúc nhạt nhòa héo, nhạt nhòa tàn của chiếc ống tiêu trên lưng trâu như chuyện cảm ứng tới anh thêm sức mạnh. Thạch cố nhắc bàn chân rã rệu thả trên bờ ruộng hẹp và nghe thấy như chính những bước thả ấy rơi vào lỗ trống không. Trong khi con đường không có lối thì như sợi dây cao su kéo dài đến vô tận, vô cùng. Mắt Thạch mờ đi. Anh lả ngất trong cơn sốt chói rục vàng, rục đỏ và đen trợn lẩn.

NGƯỜI ĐÀN BÀ

Nó đi từ đó tới nay những bốn năm. Mừng 5 tết, nó ôm xách lên tàu làm tôi rớt nước mắt. Chiếc áo trắng năm cuối cùng ở đại học, đôi giày há mõm, chiếc quần ka ki sờn cũ, bạc phếch. Nó cố tạo vẻ mặt lạnh lùng, thật sắc để giấu mẹ nó. Nhưng làm sao nó có thể giấu được mẹ nó chị nhỉ? Tôi thai mang, sinh dưỡng ra nó. Tôi nuôi nấng nó từng giấc ngủ, từng củ lang củ sắn nên biết con mình hơn ai hết, biết từ khi mới hoài thai cho tới khi nó là thằng đàn ông. Hừ... đã bốn năm rồi. Nó đi từ ngày đầu mùa xuân, có hoa nở rộ, có tiếng reo vui của đám trẻ con xúng xính quần áo mới tung tăng ngoài đường lộ. Nhưng màu trời thì xám u xám buồn – Người đàn bà chỉ nói được chừng đó. Nước mắt ràn rụa, uất nghẹn.

Chị nên giữ gìn sức khỏe. Tôi chắc sớm muộn gì nó cũng về, nhất định nó sẽ trở về với chị – Bà bạn già an ủi.

Nó về thiệt à? Có phải bước chân nó đang khua động ngoài kia không, ngoài chỗ có hàng mận nở bông trắng xóa mùa tháng tư mà nó vẫn thường hay ngồi? Nó về? Không đâu. Người ta đã bắt nó, đã ấn cây súng vào tay nó, bắt nó làm một con người khác, gớm giếc, tội lỗi. Người ta đã biến nó thành kẻ giết người. Xác nó đang vất trôi ở bờ bụi nào ấy mà. Đi bốn năm biệt biệt. Không trở về, không một mẫu giấy con. Nó chết rồi. Chết thật rồi sao?

Chị đừng nghĩ bậy. Không đâu. Nó không bao giờ chết được. Nó sẽ về.

Người đàn bà chột òa khóc. Tiếng khóc nghẹn ngào bị giữ lại trong cổ họng như có bàn tay vô hình bóp chẹt, ấn xuống rồi thả ra, một động tác duy nhất liên tục. Nước mắt lăn xuống má, xuống cằm, rớt tròn xuống đôi vú lép kẹp. Người đàn bà chột bật dậy, bước loanh quanh như kẻ bị mộng du.

Tôi biết nó chứ. Nó là con tôi khi vừa mới hoài thai. Sinh ra, da nó vàng ệch như cha nó, ông nó. Cho đến khi lớn lên thì nó lại biến thành con của người khác, không còn là con tôi. Hoàn toàn xa lạ. Nó vượt ra khỏi căn nhà, khu vườn này rồi. Người ta đưa nó đi những đâu? Ở bờ bụi hóc hẻm nào? Sao lại ác độc biến nó thành kẻ sát nhân? Chị có

an ủi cũng bằng thừa. Có lẽ tôi phải cúng để nó có cái mà ăn. Tôi làm mẹ. Tôi không thể bỏ nó thành con ma đói dẫu tôi thừa biết người ta đã nhét vào miệng nó nào thịt nào cá, nào sữa nào rượu ê hề chỉ để làm một việc tàn ác duy nhất: giết người!... Mẹ thương con như tấm lòng của trời của biển mà. Những hôm trái gió trở trời, tôi tìm củ sả đập dập quệt lên trán nó. Những đêm trở lạnh, má thức dậy đi tìm tấm màn đắp thêm cho con. Nhưng chiếc giường thì trống trơn. Má cứ ngỡ là con đi chơi rông rãi đâu đó với đám bạn bè. Má ngồi đợi tới sáng, tới trưa. Chiều xuống con vẫn biệt tăm, chỉ có bóng tối thù lu trườn vào nhà, lạnh ngắt như hơi đồng, da rần. Rồi nắng lên. Nắng trải vàng trên sân cỏ. Nắng ngã trong kẽ lá, rụng xuống nền đất thô cứng như lòng má vỡ vụn, tan ra thành từng mảnh nhỏ... Bây giờ con tôi là ai?... Là ai?...

ĐÁM ĐÔNG

Tôi quả quyết với cậu nó sẽ là vị anh hùng của phần đất này. Sống gần với nó lâu năm, tôi biết. Với mẫu người đó, tôi đoán chắc không một ai trong chúng ta có thể so sánh được. Nó như một ông tướng oai hùng thời Chiến Quốc. Một lời nói vút ra như đường gương xé trong không.

Nào, chúng ta hãy nâng ly uống mừng kẻ vắng mặt!

Nào, xin mời! Chúng tao trân trọng nâng ly chúc mừng mày, thằng anh hùng!

Cả bọn ồn ào. Những chiếc cốc thủy tinh sóng sánh màu rượu hổ phách nâng cao ngang mày. Những cặp mắt nhắm tít. Những chiếc miệng há rộng như mồm con trâu nước, hở những hàm răng trắng hếu, những hàm răng vàng xin, chân răng đóng đầy cặn bọt. Quán thực ồn. Những tiếng ồn thô tục chối tai, nhưng không phải là tiếng ồn của đạn bom gào réo. Hoàn toàn yên tĩnh, an toàn.

Một đám khách ngồi trong góc khuất không lấy gì làm thích thú khi nhìn đám người trẻ tuổi đang hươu chân múa tay bên ngoài kia. Một người trong bọn móc bật lửa trong túi quần, xoay xoay mấy vòng trong lòng tay rồi bất ngờ ném mạnh lên bàn thành tiếng khô gọn đanh.

Mẹ kiếp, ăn với chả uống! Toa thấy thời đại này có chó đẻ không? Trâu ngựa nhảy lên làm người. Tụi trẻ con đeo râu làm người lớn. Chúng ra cái vẻ kẻ cả, anh chị bắt một điều phải thừa ông, hai điều phải bảm ông. Luân lý. Đạo đức. Trật tự xã hội. Quyền bình đẳng và quyền loạn luân. Quyền nói phét và quyền nhét đầy túi. Bợ đỡ và ca cẩm những điều không hề có trong văn hóa, lịch sử dân tộc. Một lũ ngu xuẩn, thương vay khóc mướn lập thuyết mặt vắn để nhấn chìm đất nước vào vũng bùn. Thật buồn nôn. Bọn thổ tả đáng nguyên rửa... Hừ, uống đi các toa, uống để quên đi cái khốn nạn tận cùng khốn nạn của thời mặt vắn!

Cũng vẫn những chiếc ly giờ lên. Cũng những chiếc miệng ngoác ra cùng với những chiếc lưỡi thè dài liếm cho tận hết những giọt rượu đắng nồng.

Hày... – Một người chồm hẳn lên bàn – Toa quên mẹ nó cái áp phe của bọn mình rồi?

Đồ đĩ, sao lại quên được cơ chứ. Còn dư thời giờ, toa vội gì. Uống cái đã. Uống hết chỗ này rồi vào Chợ Lớn tìm gái. Móa nghe thằng K. mách có mấy em ca ve từ Hồng Kông vừa sang?

Coi chừng mông đít ghẻ ruồi của các em Hồng Kông!

Chỉ có mông đít không thôi thì tốt rồi.

Mẹ ơi, toa say quá rồi!

Hê... hê...ê... đừng có giỡn mặt chớ các toa. Say thế chớ nào được mà say. Mình phải hành động để cho bọn trẻ biết mặt, phục lẫn đám đại ca sồn sồn này mới được, không thể để bọn chúng coi thường. Nào, uống đi các toa. Cạn ly!

Sáu người đàn ông ồn ào nâng ly và cụng côm cộp và cười sặc sụa.

Ở bàn ngoài, đám thanh niên liếc nhìn vào, ném những cái nhìn, những nụ cười khẩy tỏ vẻ khinh bỉ. Một cái giọng nhừa nhựa, cố làm ra vẻ tinh táo, bắt đầu phều phào.

Tiên sư bố chúng nó. Các cậu có nhận thấy tụi già bây giờ bắt đầu trở chứng, hư đốn không nào? Chúng hấn là tụi dĩ bợm, lừa phỉnh vậy mà mở miệng ra nào là đạo đức, là tôn ti trật tự. Cả thế hệ mình bơ vơ, cơ cực cũng tại do bọn người khốn nạn đó đó.

Nhưng cậu nhắc đến để làm gì mới được cơ chứ? Kết án và chỉ trích bằng mồm thét đâm ra nhảm. Không lẽ đi thanh toán hết cả cái đám già còm, sệu sạo ấy? Mà cậu có can đảm cầm dao giết ông già cậu không đã?

Nếu thấy câ...à ần... – Gã thanh niên có khuôn mặt phì nộn nói và gục mặt xuống bàn kêu đánh cộp.

Ê, cậu làm cái con khi gì vậy?

Kệ mẹ nó.

Còn cậu, cậu làm thực?

Thực cái gì?

Đồ khi. Thôi được, cậu chạy giùm mình cái giấy đó chưa?

Giấy nào?

Trời đất! Cậu nhớ mình đã ba lần đưa cậu đi nhà hàng rồi đó nhé

A, rồi. Xin lỗi, thằng cha khốn nạn đó đòi chặn một tề.

Mẹ kiếp, mắc thế. Đào đâu ra bây giờ?

Một triệu quảng ra để đổi lấy mạng sống. Dĩ nhiên cậu thích được gần vợ con hơn là phải ra mặt trận?

Chúng mày cứ cãi nhau ôm tòi. Vất. Nào chúng ta hãy nâng ly uống mừng kẻ vắng mặt.

Một triệu chưa thấm tháp vào đâu so với thời vận mặt này. Hay là cậu cũng thích ra mặt trận đội bom như những người hùng? Ôi chào, yên vị trong cái thành phố bình yên này vẫn là mơ ước của hàng ngàn người.

Chưa chắc ai hơn ai đâu nhé – Gã phì nộn vung nắm tay chưa lên khỏi mặt bàn và bắt đầu nôn ọe. Chiếc bàn rung lên từng cơn với gã, cùng nôn thốc tháo với gã. Rượu thịt trộn lẫn thành màu bầm huyết heo lầy nhầy tanh.

Cậu nói giúp với lão để thư thư. Lúc này mình kẹt. Cậu biết mà.

Thì cố lên. Mình nhớ loáng thoáng câu “Dieu est un homme heureux auprès de sa femme”. Của ai nhỉ?

Xừ, ai mà nhớ nổi.

Vậy mà cũng xưng là trí thức.

Cút. Uống đi tụi bay – Gã phì nộn cụng cựa cùng với đồng lầy nhầy trên bàn.

CĂN PHÒNG

Tâm vải trắng trên mặt nệm kéo thẳng. Người đàn bà mặc chiếc váy bằng voan trắng rất đĩ, rất gợi dục. Đôi mắt mụ khép hờ, làm như thể những sợi lông mi cong vuốt chống đỡ hai mí mắt vậy. Dáng nằm của con mụ đàn bà sắp sửa khỏa thân cùng căn phòng màu xanh nhạt, ngọn đèn ngủ lơ mờ khiến người đàn ông hơi chột dạ, hơi mất bình tĩnh. Hắn ta ngồi ké bên mép giường, tay mân mê những sợi tóc lòa xòa của con mụ đàn bà đã thõa. Trong thâm tâm, hắn tự thú nhận rằng hắn sẽ đến phát điên nếu con mụ này biến mất khỏi cuộc đời hắn. Hắn cũng thừa nhận trong đời chưa ai làm tình tuyệt vời như con mụ này. Đã đành mụ đẹp rực rỡ, đẹp kiều kỳ, đẹp đến náo lòng, nhưng khi đã ôm quần lầy, hắn như nghe thênh thang một ngón đàn của người xưa vọng về theo từng những cái ve vuốt của mụ.

Hơi thở của người đàn bà thoảng qua mũi hắn, ngây ngây mùi cỏ dại và mùi của những cánh hoa tím muốt mọc trên sườn đồi, nơi hắn từng dẫn toán quân qua lại nhiều lần. Không kềm được lòng, một sự rung động theo bản năng, hắn cúi xuống hôn người đàn bà, như say như đắm, nhưng kỳ thực hắn cảm thấy toàn thân mình lạnh buốt nổi cô đơn, lạnh buốt vật vờ và cay đắng.

Anh làm em ngộp thở – Người đàn bà xô hắn ra và nói với giọng điệu hỗn hển của kẻ a tòng.

Không đâu. Anh yêu em.

Anh về được bao lâu?

Không rõ. Có thể ngay ngày mai. Có thể vĩnh viễn không bao giờ. Sẽ không còn ai có thể nhìn thấy anh nữa, kể cả em.

Sao thế nhỉ? Anh định trốn chạy à? Như vậy là anh sẽ mất một dịp tốt để gặp lại Hội.

Hội nào?

Anh về mang con theo ra Nha Trang cách đây hai ngày. Có thể nay mai anh ta sẽ trở lại.

Ừ nhỉ. Có vẻ như ba đứa chúng ta nặng nợ với nhau?

Và em là kẻ khó xử nhất. Em như một con điếm.

A ha... – Người đàn ông cười ngật nghèo – Em là con điếm của anh và của ai nữa? Đúng rồi của Hội nào đó. Và những Hội nào khác nữa?

Anh đừng day nghiên em.

Em biết là anh yêu em, yêu con mà?

Em không biết nó là con anh hay con của Hội. Nhưng chắc chắn nó là con em. Đôi lúc em cảm thấy buồn hết sức. Đời em nó hảm hiu quá sức tưởng tượng. Càng gắng sống, em càng cảm thấy như mình đã chết, chết một cách nhục nhã. Em chỉ mong một ngày nào đó cả ba người chúng ta sẽ cùng gặp lại nhau trong căn nhà sát biển. Anh còn nhớ nó chứ?

Vâng, anh nhớ.

Bây giờ chúng ta phải làm gì?

Anh không còn đủ tỉnh táo để biết phải làm gì. Ngoài kia bom đạn vẫn trút xuống âm âm. Còn ở đây tuy yên ả, nhưng bom đạn vẫn cứ ùng ục xé nát lòng anh. Không bao giờ anh là kẻ giết người em hiểu chưa?

Không ai cầu mong điều đó xảy ra.

Anh hiểu.

Hoặc là chúng ta tiếp tục tạo ra ảo tưởng để tiếp tục sống một cách nhầy nhụa, hoặc phải có thái độ chọn lựa.

Em bảo chúng ta phải chọn lựa kiểu gì nữa đây, một khi chúng ta bị xô vào vũng bùn, bị đưa vào cuộc chơi đầy trí trá? một trò chơi vô bổ, vô liêm sỉ.

Nghịch cảnh thì ở đâu và chỗ nào mà chả có: anh Biên mất tích, có thể là ảnh mang theo lời hô hào của đám sinh viên vào bung, cũng có thể chiếc xe đồ chớ ảnh bị nổ tan xác đâu đó ở một đoạn đường vắng.

Tội nghiệp Biên. Em đừng nhắc đến nó nữa. Anh điên mất.

Anh bình tĩnh đã nào. Cây cầu mà anh có lần bước qua cùng làng quê em đã tan nát như người ta băm rơm. Mẹ em chết vất vẻo trên ngọn cây. Bộ anh nghĩ em bình thân với chiến tranh sao?

Anh không nghĩ thế. Điều xác tín duy nhất anh không phải là kẻ giết người.

Người đàn bà bật khóc nức nở. Đôi vai trần nồn nuột rung lên.

Người đàn ông đi đi lại lại trong căn phòng hẹp.

Họ không nói gì với nhau.

Có vẻ như họ không muốn nói gì với nhau nữa.

Cả hai chỉ kịp nghe một tiếng nổ đánh khô, chát chúa và đường máu chảy dài trên mặt nệm trắng tinh biến thành vệt đen thẫm mà sau này các tay pháp y đến ghi ghi chép chép đầy trong hồ sơ dày cộp.

(Gửi Má, những ngày đã qua)

(Trích tạp chí Chính Văn, số 1 tháng 2/1972)

“Ngày 12 tháng 5...

Anh,

Về tới nhà đã xâm xẩm tối. Tắm rửa xong, ngồi nói chuyện với cả nhà một lát thấy người mỗi mệt hung, bỏ vào phòng nằm. Tưởng có thể nhắm mắt ngủ ngay, nhưng dư âm của những ổ gà, bụi đường và chiếc xe đồ cộc cách rung lật bật trên đoạn đường dài đã chống hai mí mắt lên, không tài nào ngủ được. Thao thức và nghĩ ngợi đủ thứ chuyện, nghĩ lung tung như cách để gần anh, thấy như có anh còn ở bên cạnh, đến nỗi đưa em em ra ngã Năm mua tô cháo gà giờ đã nguội ngắt.

Ngoài phòng khách có tiếng cười lịch nhích của mấy đứa em, rồi là tiếng ào ào: “Cái bà này mới lạ, làm như ngoài này không có bánh mì kẹp thịt hay sao mà phải vác từ trong về?”. Chúng nó đâu có biết những điều chúng vừa khám phá là do anh bày ra. Anh lo em đói giữa đường, lo xe hỏng đâu đó trên quãng đường vắng. Sự chần chừ hình như đôi khi cũng hơi phiền phức, anh nhỉ? Duy chỉ có chai dầu Gió Xanh là hết vèo ở đoạn Rừng Lá. Còn hai chai nước thì khi xe đồ đồ Cả mới thanh toán một cách gọn ghẽ bằng cách thò đầu ra ngoài cửa rửa mặt cho tỉnh táo, cho sạch chút son phấn làm duyên. Không rõ nếu như có anh ngồi bên cạnh thì em có can đảm xoá đi cái duyên đáng tạm ấy không? Mà duyên gì được nữa kia chứ? Mấy trăm cây số va qua đập lại thiếu điều gãy cả xương sườn xương sống, mọi thứ trong bao tử cứ tung tung đòi nhảy ra ngoài đến phờ phạc thì đến Hằng Nga cũng biến thành Chung Vô Diệm anh ơi!

Đây, đường ra xứ em nó nhiều khê là vậy, thử hỏi anh có can đảm trèo tam tứ núi, lội thập lục sông như khi ngồi trong La Pagode anh thề thốt không? Các cụ thường bảo đám đàn ông con trai khi ngồi bên cạnh phụ nữ luôn đầu môi chót lưỡi. Em mong anh không lấy cái thuộc tính đàn ông bị đả kích kia mà đối xử với em. Dòm bộ dạng anh cũng cảm ra được là anh thuộc mẫu người thiết tha, chắc bụng, chứ không như đám... Ui, em xin lỗi; chỉ là lỡ tay viết ra chớ không có ý định ví von này nọ. Em có thói quen khi viết sai thì cứ để nguyên vậy chớ ít khi đập xoá, đây cũng là tính xấu không sửa chữa được, dễ gây hiểu lầm.

Bữa ra bến xe lấy vé, anh mua những hai chiếc. Em hỏi mua chi đến hai vé? Anh nói anh cùng đi để hộ tổng em khỏi bị bắt cóc và thứ đến là “cho biết xứ em có đẹp bằng em không?”. Mô Phật! Mệnh đề thứ nhất có vẻ như anh bị ám ảnh bởi những hoang tưởng của phim ảnh mấy ông đạo diễn dựng lên. Còn mệnh đề thứ hai thì thiếu cả hai điều kiện ắt và đủ. Ví như em để anh cùng đi thì sao nhỉ? Em sẽ ăn nói sao với ba mẹ và mấy đứa em em? Một thành viên lạ hoắc tự dưng xuất hiện bên cạnh con gái, chị mình? Họ sẽ nghĩ chắc em hư hỏng lắm khi khăn gói vào Sài Gòn ăn học? Thiết kinh khủng nếu chuyện ấy xảy ra. May mà em kịp giải thích để ngăn anh lại. Và may là anh cũng chịu khó ngồi nghe lời giải thích vòng vèo không lấy gì làm vui vẻ với anh. Mà nếu như anh thiết bụng, ngay thẳng thì sớm muộn gì anh không biết, chớ chi mà gấp gáp? Anh không nghe câu thành ngữ “dục tốc bất đạt” muôn thuở kia sao?

Mùa này, mỗi ngày đang bắt đầu nóng dần lên, nóng từ từ như một bếp lò mới nhen lửa lúc đầu cho tới khi than đỏ rực lên. Suốt dọc miền Trung chỗ nào cũng như vậy cả: nóng gắt và Nam cò Nam mái. Mấy nơi khác em chưa tới nên chưa biết, còn Tuy Hoà

tới mùa này gió Nam thiệt dữ dội, thấy cả gió cuộn lên trước mắt. Gió đùa giỡn với những chiếc lá rụng cuốn tròn chấp chới những cánh chim tập bay khắp các ngách phố lớn nhỏ, những mẩu giấy rác... ngoắt ngoài vờ vật tung lên, hạ xuống. Gió hốt cát xán rào rào vào những cánh cửa sắt khép hờ, bay lượn trên mâm cơm. Gió thổi thốc cuộn xoắn dọc hai triền cát sông Đà Rằng tung bụi mù mịt cả một đoạn sông dài. Mọi vật đều được thoa một lớp bụi phấn gầy nhợt nhạt như lấy bông cỏ may quét gang bàn chân, ngoáy vào lỗ mũi vậy. Mẹ em kể hồi năm gió Nam cò còn bốc cả mái ngói vảy ném xuống sân nói chi đến mái rạ mái tranh ! Còn ba em thì nói cũng nhờ ngọn gió đó thổi ba bay tuốt vào cầu Bồng để gặp má. Cái thứ gió lạ lùng vừa lãng mạn, thơ mộng vừa gây khó chịu cho lắm người. Mà anh đâu hình dung Nam cò Nam mái là gì phải không? Nam mái là hiu hiu như kiêu người con gái hờn dỗi. Còn Nam cò thì ác liệt hơn gấp trăm lần, như thể trận lôi đình của người cha có đứa con hư hỏng vậy. Nói vậy chớ nó chỉ thổi tung chùng vài tiếng thổi, lúc nửa đêm một chập rồi nửa buổi sáng về trưa một chập. Còn lại đều lãng lờ yên ả như chưa từng xảy ra chuyện gì cả. Mà tự dung sao lại đem cái gió tào lao kia nói với anh nhỉ? Đâu có gì nhẹ nhẹ như ngọn heo may đất Bắc hay ngọn gió chướng quê anh? Cái loại gió ác liệt này đôi khi làm tụi con gái bọn em đến là mắc cỡ mỗi khi tới lớp và tan trường: gió thổi lật tà áo dài phoi ra chút thịt trên thắt lưng, rồi thì cuộn thốc muôn lật tung chiếc quần mặc bên trong. Tay líu quíu chưa kịp khép vạt áo thì hàng trăm cặp mắt bọn con trai dán vào như muôn lột trần ra. Một cảm giác gai rợn cứ len nhẹ từ đầu xuống chân rồi lộn ngược trở lên cho tới khi giữ được vạt áo căng phồng một cách tạm bợ. Cái ngọn gió hung hăng, nóng nảy kiêu Trương Phi ấy cũng góp phần làm tàn phai nhan sắc nhiều phụ nữ: phấn son nhoè với bụi đường, quần áo như dày thêm vài ly mét một cách nhếch nhác, còn đầu tóc thì rối nùi như đụn rơm khô, như những vạt rơm gà bơi, vì vậy tụi em mỗi khi ra đường đều có cái lược để gỡ tóc. Đang đi cũng đưa lược lên chải, đứng cũng chải, ngồi cũng chải. Thiệt phiền phức. Vậy mà nhiều người mới tới Tuy Hoà, mới chạm tới ngọn gió lạ một chút thì có cảm giác như vừa khám phá ra điều mới lạ, thấy nó đẹp. Đẹp bởi cách nó thổi dọc ngang phóng túng như một gã hành giả trên đường đi tìm sự chứng ngộ cho riêng mình, như một tên lang bạt kỳ hồ trên con đường thiên lý, giày vệt gót, áo sờn vai; như có một ông nhà thơ kêu lên "*Oi cái gió Tuy Hoà... Cái gió chuyên cần và phóng túng*". Còn em, mỗi năm chỉ giáp mặt với nó một lần thôi mà đã thấy hãi. Em sợ kinh khủng. Mọi người cũng sợ nhưng không thể tránh mặt mà phải chung đụng với nó suốt cả tháng trời. May mà nó không kéo dài lâu để con gái Tuy Hoà vẫn tròn nụ cười, má hồng, mắt lúng liếng...

Không tài nào nhắm mắt được, nên ngồi viết lung tung. Viết để kéo con buồn ngủ xích lại gần và kéo anh xích gần hơn với khoảng cách cơ học đẳng đặc.

Đầu óc phờ phạc và tay mỏi ròi. Em đi nằm đây.

Ngày 14 tháng 5...

Anh,

Tạm nghỉ một ngày để dưỡng tâm. Chính xác là để phục hồi cơ thể vốn dĩ không lấy gì làm mạnh mẽ như cánh đàn ông các anh, để chịu đựng mọi thứ gian khổ trên đời, dù đó là thứ gian khổ cấp tính.

Hôm qua và sáng nay anh làm những gì, đi những đâu hay là ngồi gõ trước máy chữ? Riêng em, sau một ngày được nghỉ ngơi thấy người khoẻ hẳn ra. Lũ bạn học cũ hay tin em về, lập tức tới rủ đi ăn cháo hàu kêu là “tắm bổ cho con bé ốm yếu” rồi đi đi rảo phố. Anh biết không, mới vắng chừng một năm nhưng khi trở về thì thành phố đã khác trước nhiều, cứ như trái bầu trái bí lớn thêm mỗi sáng. Phố xá sầm uất, nhà cửa đủ mọi kiểu dáng : cao ngất, kình kiêu của phương Tây; ẩn núp trong vườn cây lá um tùm, trầm mặc phương Đông... Đi qua chừng vài đường phố, em kêu nhỏ bạn “ê, cứ chạy vòng vòng kiểu này thì biết bao giờ mới hết, thôi thì chịu khó leo dốc lên núi Nhạn có thể nhìn khắp lượt mà không phải hít bụi đường”. Nó đồng ý và quay xe chạy lên đầu phố. Chiếc xe máy cà tàng chở hai đứa, không đẩy tạ nhưng ì ạch, phì phèo như con ngựa già. Có lúc em phải nhảy xuống xe phụ đẩy một đoạn ngắn, muồn hụt hơi. Lên tới đỉnh mồ hôi đầm đề, ngồi bên phía bóng mát nền tháp há miệng mà thở, bề cảnh lá phe phẩy làm quạt. Biết vậy, hồi nãy cứ chạy lòng vòng coi bộ khoẻ hơn nhiều.

Nói thế chớ lên đứng trên độ cao 70 mét dòm xuống thành phố bên dưới thấy y như bức tranh đẹp, giống như hồi anh dẫn em vào Gallery ở đường Tự Do xem tranh Phố Phái hay Phái Phố gì đó. Thành phố của em đẹp đến mê hồn, rực rỡ trong nắng sáng trong vắt. Bên này là chân núi dựng đứng, bên kia thì xoắn ra gần đường quốc lộ như cái vớ tay níu giữ người thân nán lại vài phút trước khi rời căn nhà, góc phố để đi xa. Con sông Chùa ngắn và nước ửng xanh màu ngọc bích, vắt ngang qua nửa ngực thành phố in hết nét chì tô xanh quàng mắt, như tấm khăn của người thiếu nữ vắt qua vai thả rơi lưng lưng xuống ngực; xa hơn chút, về hướng Bắc, ngọn Chóp Chài vút lên như núp vú căng tròn tuổi dậy thì. Mùa này nó là chiếc vú phơi trần nhưng mùa mưa thì cứ như có chiếc khăn trắng thả trễ tràng phí dưới. Đàng Đông, biển trải dài mênh mông muợt màu cỏ non, còn phía Tây thì những góc rạ màu đất kéo thành vạt rộng, làm nền cho những rặng cây xanh thấp thoáng xa xa. Phố xá thì màu đỏ mái lợp ngạo nghễ nhô cao hơn những mái nhà màu xám rêu. May mà đường phố có những tàng cây xanh, níu giữ màu đỏ choàng vai màu xám mốc kia chứ tuyền một màu đơn điệu thì coi bộ chướng mắt. Em chẳng biết tí gì về màu sắc hội họa như anh, nhưng xem ra những nhận xét này không sai mấy. Còn nữa, trước mắt em là cây cầu dài thườn thượt nổi hai bờ con sông Đà Rằng. Giữa hai con sông là cồn phù sa tạo thành làng hoa Ngọc Lãng bốn mùa rực rỡ sắc màu. Cái tên Ngọc Lãng đẹp và coi bộ lãng mạn thiệt anh hể? Còn cây cầu bắt qua sông Đà Rằng đó dài tới hăm một nhịp lặn, mà có ai đó đã ứng tác ra “*cầu dài hăm một nhịp, anh theo không kịp, đợi anh với em ơi!*”. Xạo, làm gì mà “anh” không theo kịp “em”? Thiệt là nhức đầu vì ở đâu cây cầu cũng sinh chuyện, nào đếm cầu mấy nhịp lòng dạ sầu thương bấy nhiêu, nào là qua cầu gió giật bay mất áo. Cây cầu đâu có sinh sự như vậy? Chỉ tại con người thôi. Nhưng chuyện gió giật tung áo thì em đã viết cho anh ở đoạn trước. Giờ đứng trên đỉnh núi, gió chỉ hiu hiu, phía dưới là giòng sông lặng lẽ, coi bộ hiền lành kiểu như Sơn Tinh và Thủy Tinh trong thời gian hưu chiến vậy.

Nhưng mà, nói gì thì nói, dân Tuy Hoà em rất tự hào có cây cầu dài nhất miền Trung. Cầu đường bộ và đường sắt cặp song song nhau mà hôm trước em chỉ cho anh trên tờ lịch treo tường. Và anh buộc miệng “may, chỉ là hai cây cầu chớ chàng và nàng thì thiệt là tội nghiệp!”. Em cãi “trên thực tế đây ra đây chớ không có sao?”. Anh cười cười mà không nói gì. Anh biết không, chéch lên một đoạn ngắn lại một cây cầu dài mới bắc

qua sông Đà Rằng đâu hồi năm ngoái, đứng lẻ loi dòm xuống hai cây cầu phía dưới như than thở cho số phận cô đơn của mình. Mấy năm trước cầu Đà Rằng dưới này là nơi hóng mát của người dân trong thành phố, hẹn hò của các cặp tình nhân khi mặt trời chìm khuất sau dãy núi phía tây. Mùa hè, gió từ sông đưa lên mát rượi. Những đêm giữa tháng bọm em hay tới đứng trên vai cầu nhìn mặt trăng nhô lên từ phía biển Đông như thể đó là viên hồng ngọc của nàng tiên cá nâng lên khỏi làn nước xanh thẳm. Ban đầu, trăng to bằng chiếc bàn tròn hai đứa mình hay ngồi uống cà phê những sáng chủ nhật ở đường Nguyễn Du, soi một quãng sáng loá vàng hực màu trái cam chín. Quãng sáng ấy kéo dài từ từ loang rộng những vạt vàng sóng nhấp nhô còn mặt trăng thì nhỏ lại, tròn như cái cảo đựng kim chỉ của bà nội em, rồi nhỏ dần như trái banh như thể những mảnh vàng sáng chia sót cho mặt nước? Những hình ảnh ấy cứ dội vào tâm trí em như những cuộn sóng đập vào bờ đá khiến cái ý nghĩ ngô nghê này cứ ám ảnh em hoài, tới tận bây giờ vẫn không đẩy ra khỏi đầu em được, không hiểu vì sao?

Anh biết không, nhiều người hay nhái từ “nẫu” địa phương em. Nhưng đó là chuyện nhỏ. Cái lớn là một số khá đông bạn đồng lứa cũng thẳng thừng quay lưng lại với “nẫu”, xấu hổ mỗi khi có ai đụng chạm đến “nẫu”. Em chưa có dịp dùng từ này với anh, nhưng em luôn yêu nó vô cùng. Mỗi khi nhớ quê, em hay xuống Tân Bình ngồi nói chuyện với mấy người già gốc Phú Yên. Họ vì cuộc sống mà phải bỏ xứ vào đây, nhưng họ không bỏ giọng nói, bỏ những thói quen trong mọi sinh hoạt thường ngày. Tất cả như đã thấm đẫm vào trí óc họ từ những gốc rạ vùng lúa Tuy Hoà, từ những con thuyền đánh cá ở Lò Ba, Mỹ Á, Sông Cầu. Cứ như thể em đang hít thở không khí ở miền quê yên tĩnh, nơi em sinh ra và lớn lên. Có bữa ra chợ cầu ông Lãnh mua cá, gặp bà cụ đang trả giá. Khi nghe bà cụ kêu lên “me chay, mắc dữ be...e” làm em giật thót tim. Từ “be” thoát nghe như tiếng than nhưng không phải là lời than thở mắc rẻ, mà còn hàm chứa sự ngạc nhiên, dò hỏi, một chút giễu cợt trong sự phân vân thường thấy ở các bà nội trợ phải lo toan hàng trăm thứ cho gia đình, chồng con... Gặp người đồng hương, em mừng quýnh. Một già một trẻ hỏi han, nhắc nhở đủ thứ chuyện bên ly nước mía đầu đường. Khi chia tay bà ấy còn dặn “bữa nào huõn cháu ghé lại nhà bác chơi”. Chiếc xích lô chở bà cụ đi xa, nhưng quanh quẩn bên em vẫn cứ ong ong những từ “me chay, dầy na...” như thể đang hít mùi thơm khói đốt đồng căng đầy lồng ngực với sự khám phá thiệt mới lạ hương khói xa xôi ấy ...

Cứ để ý đi, khi nào anh ra bến xe bến tàu đón người thân, hề thấy ai kè kè bên nách gói giấy tròn căng phồng, khổ bằng chiếc sắn thì chắc chắn đó là dân Phú yên trăm phần trăm. Họ mang quà cho người thân đấy! Có nhiều thứ khác quý hơn, nhưng đi đâu họ cũng mang chồng bánh tráng, dường như đó là niềm tự hào của mọi người bất luận giàu nghèo, khi được sở hữu cánh đồng lúa menh mông và phì nhiêu của Tuy Hoà, đã nuôi dưỡng họ, nuôi dưỡng vùng cả một vùng rộng lớn chung quanh. Đó là biểu tượng của hạt gạo trên một xứ sở từng trải nhiều khổ đau, vất vả mà dân quê em đã từng nếm trải, khổ đau và hạnh phúc trong chiến tranh và hoà bình. Mà năm rồi em không mang vào cho anh chồng bánh tráng là gì? Khi nướng phồng lên thì là tình là nghĩa, khi nhúng nước cuốn là dẻo thơm niềm hạnh phúc tròn đầy đó anh ơi. Mẹ em nói vậy.

Ngày 15 tháng 5...

Anh thân yêu,

Thư hôm qua em quên một chi tiết về dòng sông chảy ngang qua thành phố. Cùng một dòng chảy nhưng có tới hai tên gọi khác nhau. Đoạn từ đập Đồng Cam ngược lên thượng nguồn, đầu tận Phú Bổn, Cheo Reo gọi sông Ba, còn xuôi về phía hạ lưu thì là Đà Rằng. Dầu sông Ba hay Đà Rằng gì đi nữa thì con sông này chỉ có một dòng chảy và như cái bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ và cha Lạc Long Quân trong huyền thuyết “đồng bào” của dân tộc. Mùa mưa, nước ối là nước! Nước mênh mông như biển cả. Nước cuộn cuộn đổ ra biển, đổ quạch phù sa. Nước gầm réo dưới chân cầu thiết là hung hãn, cuốn trôi tất cả những gì chúng đi qua, tưởng chừng như chiếc cầu dài ngăn ngắt này cũng bị đẩy phăng ra biển trong phút chốc. Cũng may, sự hung hãn này chỉ diễn ra có vài bữa thôi và xem ra cũng có ích: nó mang lớp phù sa dày đặc bồi thêm lớp màu mỡ cho cánh đồng “thăng cánh cò bay”.

Nhớ hồi năm 93, lúc đó em còn là đứa trẻ con. Mấy bữa trước mưa dầm dề như cầm chĩnh trút nước vậy. Đến đêm nước ở đâu bò vào khắp nơi, vào các đường phố, bò lên thêm, nhảy tọt vào nhà, dâng lên cao đuổi bọn em chạy lên gác. Đứng ở cầu thang nhìn xuống thấy nước tới đầu gối rồi bò lên tới thắt lưng, rướn lên tới gần ngực ba. Điện bị cắt, đèn đóm tối thui. Có tiếng người la ối ối, tiếng gõ xoong nồi gọi nhau như chạy giặc. Đồ đạc chuyển từ tầng dưới lên cái đước cái không, ướt ngoi ngoét. Sáng ra đứng trên balcon ngó ra đường, thôi thì nước là nước, chỉ có ghe sông xuôi ngược khắp các ngã phố, còn xe lớn xe nhỏ mọi ngày như chìm mất đầu đó trong làn nước đục ngầu. Tụi trẻ con được dịp tắm lụi: chúng ở trần lội nước, chặt những đoạn chuối ngắn xiên cây làm bè chống ngang dọc khắp các nơi như thể chúng đang vào mùa hội đua bè, khiến em nghĩ thành phố bữa trước giờ là giòng sông mênh mông nước, nhà cửa phố phường mọc lên từ mặt hồ rộng. Đứa em trai em cũng nhập bọn, la hét cười đùa thoải thích, coi mọi hư hại do trận lụt băng qua chỉ là chuyện bình thường. Tối chiều xâm nước mới rút từ từ, để lại những vạt bùn dẻo quánh trên vách, trên nền nhà, lòng đường ... Hôm sau một cái chợ mọc lên ở ngã Năm, ồn ào náo nhiệt như thể trận lụt vừa rồi chỉ là bữa tắm gội cho thành phố. Bọn em đi coi họp chợ rồi rủ nhau lên đầu phố đứng nhóng qua chiếc cầu dài coi chiếc cầu còn hay trôi mất ra biển. Nỗi lo sợ vu vơ không thành sự thật. Nó vẫn bình thản nói hai bờ nam bắc dù cho giòng nước cuộn cuộn kia chỉ cách mặt cầu đầu hơn hai gang tay! Vậy mà đến mùa khô, dòng nước lừ đừ như con trăn no mồi, lười biếng nép mình giữa hai bãi soi vàng rực bông mướp, bông bí, cỏ lông lan tận ra mép nước xa. Hồi mới bước chân vào trung học, tụi con trai lớp em thường hay rủ nhau ra soi hái trộm dưa. Chúng giả đò đi tắm. Bọn chúng tắm thiệt. Cả bọn vẫy vùng trong làn nước trong vắt, cạn tới ngang bụng nhưng kỳ thực là để quan sát những trái dưa hầu chôn lấp đầu đó dưới lớp cát sâu. Chỉ cần những cái liếc mắt như kiểu con chim bói cá là một đứa bò lên, kéo sợi dây, moi cát và bứt gọn trái dưa to bự chẳng, trong khi tụi kia vẫn cứ té nước, la hét ồm ồm. Tụi con gái bọn em chỉ dám thọc chân xuống mép sóng lăn tăn giỡn với làn nước mát lạnh. Những trái dưa ăn trộm ngon hơn là đi ăn đám giỗ, ruột đỏ mọng, ngọt lừ. Ưở mà sao tự dưng lại đi nhắc chuyện “xấu hổ” này với anh hề?

Để em kể chuyện này chắc chắn là anh chưa biết, chưa từng ném bao giờ: Hồi sáng này mẹ con em đi chợ. Mẹ kêu lâu cả nhà chưa ăn sứa. Vậy là mẹ thực hiện ngay. Anh ở đồng bằng thì làm gì biết con sứa? Nó là sinh vật sống ở biển. Toàn thân mềm và

trong suốt. Mẹ mua toàn sứa chân mang về chần nước sôi, trộn với rau thơm, chuối chát xanh, đậu phộng rang, da heo xắt nhỏ, thêm chanh ớt xúc vào chén ăn với bánh tráng nướng bóp nát. Nó ngon không thể chê vào đâu được. Thịt sứa mát lạnh, dòn dưới chân răng, thơm mùi rau húng đứng húng duỗi và đậu phộng. An tới no mà không thấy ón, vì không có mỡ như cá tra cá ba sa trong quê anh. Khi nào anh là thành viên chính thức trong gia đình, hẳn mẹ em sẽ đãi anh món này trước tiên. Anh ăn một lần sẽ nhớ đời. Mà biết đâu sau khi ăn anh sẽ bỏ xứ mà ra làm con dân trên mảnh đất hai mùa đầy những mưa cùng nắng này?

Nói đến chuyện ăn uống thì Tuy Hoà của em có nhiều món lạ lắm. Tỉ như món cá thài bai nấu cháo đậu cút thì cả nước này và cả trên thế giới không đâu có cá thài bai. Nó nhỏ bằng cọng tăm. Người ta bán không phải cân ký, đếm con mà lật ngược cái chén lên, đong bằng khu chén để tính tiền. Giá trị là ở chỗ đó. Chỉ cần ba khu chén cá thài bai nấu cháo đậu cút là ngọt lừ, thơm, mát, bổ... Mẹ em nói cháo cá thài bai nấu đậu cút tàu dành cho người ốm mới dậy ăn sẽ mau phục hồi sức khỏe. Loại cá này hiếm nên rất quý. Mỗi năm chỉ xuất hiện một lần khoảng nửa tháng trước và sau tết âm lịch. Đám cá mẹ xuống tận cửa biển để trứng. Nỡ ra, tự kiếm ăn được thì chúng bơi ngược dòng sông lên thượng nguồn, nên người ta dùng những tấm đặng nhỏ, tạo dòng chảy sát mép bờ cát để lũ thài bai nương theo đó mà vượt lên, phía trên có chiếc đó dày chặn lại bất kỳ hết. Con nhỏ Nghi giỏi môn sinh vật kêu thài bai là thài bai chớ không phải là cá bóng con như tụi em nghĩ. Cãi với nó mấy bận không thắng đành thôi, miễn sao loại cá này đừng mất để thỉnh thoảng còn được ăn: kho tiêu, làm chả ram những năm được mùa cá.

Toàn nói chuyện ăn chắc làm anh mệt? Giờ chuyển sang đề tài khác: nói về thành phố của em, anh nhé?

Thành phố bây giờ đã khác nhiều. Chẳng trách hỏi em mới lừng chừng tập đi, mẹ kể thành phố chỉ toàn gai bàn chải, xương rồng và còn cát. Trường Nguyễn Huệ hồi ba mẹ em học nằm lọt thỏm giữa rừng gai bàn chải lởm chởm. Nay anh có ra đi tìm gai bàn chải trong thành phố làm thuốc cũng không còn. Những cây gai lởm chởm nhọn hoắc kia giờ đã là những ngôi nhà cao tầng, biệt thự, xưởng máy và vô số những thứ khác mang dáng dấp hiện đại hơn, gần gũi với thời đại tên lửa, internet hơn. Nó cũng hồi hã, nhộn nhịp như một góc nhỏ Sài Gòn chẳng kém.

Em thì mong cho thành phố to hơn, giàu hơn, mọi người dân có đời sống sung túc hơn, nhưng đồng thời em muốn những hình ảnh, nếp cũ của Tuy Hoà xưa vẫn luôn được tồn tại trong góc khuất nào đó của đời sống tinh thần, như ba em hay kể chuyện hồi nhỏ ông và đám bạn hay rủ nhau lên núi Nhạn giành chuối giành chè với lũ khỉ núi và đánh nhau với chúng ngay trước am thờ thần gần cửa tháp, kể về những cuộc hẹn hò với mẹ em trên bãi soi sáng rực bông mướp vàng đầy ắp giọng hò khoan của những nông dân cật cò bò bên mép nước sông Đà Rằng. Hồi đó chắc khổ hơn bây giờ, nhưng lãng mạn. Con người lãng mạn để thành phố cũng trở nên lãng mạn, thơ mộng hơn. Còn thế hệ của bọn mình, sự lãng mạn ấy đã được cách tân hoá bằng cách chui đầu vào các quán cà phê tối om, các sàn nhảy nôm cứng người cùng tiếng nhạc phát ra ầm ầm như động đất!

Sẽ có người cho rằng em có những ý nghĩ cổ hủ, ích kỷ. Mượt kệ. Em yêu cái cổ hủ, ích kỷ ấy lắm lắm.

Ước chi bữa đó em đừng trả lại một chiếc vé để anh thấy tận mắt thành phố quê mùa này, em khỏi cà kê...”

Bức thư chấm dứt đột ngột, dài hơn 10 trang, viết trên giấy prelude gấp đôi, bằng màu mực xanh bút bi kẹp trong cuốn sách Phong Lưu Cũ Mới của cụ Vương Hồng Sển tôi mua lại trong tiệm sách cũ ở Bình Thạnh. Chỉ chùng ấy, không có chữ ký, không có tên người gửi, người nhận; chỉ xưng hô anh em, kể về thành phố Tuy Hoà bằng niềm thương nhớ, tự hào. Không rõ khi nhận thư, anh chàng đã lơ đãng bỏ quên trong quyển sách cũ, hay cô nàng chưa kịp gửi tới tay người yêu? Tôi không quan tâm chuyện tại sao bức thư kia được kẹp trong cuốn sách, tại sao cuốn sách có bức thư đó lại ra nằm ngoài tiệm bán sách cũ. Và vợ tôi thì cứ khăng khăng đó là trang nhật ký của cô bé đang tuổi mộng mơ. Còn tôi thì nhất định đó là lá thư chứ nếu là nhật ký thì chẳng ai ngòi viết trên những tờ giấy mỏng dính? Trong thư không thấy bày tỏ lời yêu thương, nhưng quặn thắt nỗi nhớ nhung cũ mới chồng lên nhau.

Tôi vẫn giữ lá thư một cách cẩn thận và cầu mong cho hai người luôn bên nhau và tràn đầy hạnh phúc như những lời bày tỏ chân tình trong lá thư kia. Tôi cũng mong được hoàn trả lại nếu như các chủ nhân của nó là “em” và “anh” nhận biết được tung tích bức thư được cất trong chiếc hộp, khoá chặt trong tủ kính.

(tháng 3.2005)

MƯA TRÊN SÔNG ĐAKBLA

Trên đoạn đường dài hơn ba trăm cây số, nẩy xóc, ngân ngắt ổ gà ổ vịt khiến không mấy ai còn hứng thú để chuyện trò như lúc đầu hăm hở ngồi trên băng ghế nệm. Cách đây vài tiếng, khi vừa mới bước lên xe, đám hành khách ồn ào chuyện nói, chuyện kể. Mấy người đi buôn nói về giá cả lên xuống bất thường và chắc chắn rằng mình sẽ bán được nhiều hàng với giá lời cao. Người phụ nữ đi xa nhà lâu ngày nói về sự nhớ nhung hai đứa con nhỏ, tự chị nói ra rằng chúng học rất giỏi, rất ngoan ngoãn. Sau những lời khen ấy, hẳn chị sẽ tưởng tượng rằng mình sẽ được chúng reo mừng đón ngay trước cổng. Vậy mà lúc này người đàn bà buôn đồ khô bỏ rớt những lời lẽ ba hoa về những con cá phơi trên bãi cát, những đêm trắng chờ chồng cỡi lưng sóng bão; ông cán bộ thương nghiệp mập ú, cổ ngắn mỡ bốc phét về công việc điều hành buôn bán trong cơ quan của ông ta, đang như chiếc bị vải lăn qua, lăn lại trên ghế theo nhịp xe nghiêng võng, thỉnh thoảng lại ngã hẳn lên vai người phụ nữ ngồi kế bên, khiến chị ta phải khó nhọc lắm mới đẩy được ông trở lại vị trí cũ. Ở hàng ghế bên kia, ngang với ông cán bộ là cậu thanh niên mang kiếng đen, giống như những tay thám tử. May mà cậu ta không dòm ngó, xoi mói ai, chỉ bông lơn khoe mẽ về bản thân với cô gái ngồi cạnh cười ngật nghèo mỗi khi anh ta pha trò. Còn lại là những người có tuổi và hai đứa bé. Họ yên lặng ngó trời nhìn đất, cây cối, nhà cửa... chạy vụt về phía sau, đang suy nghĩ những gì không ai biết. Những người ngồi trong xe, bên cạnh nhau có cố để giải bày chút tâm sự trên đoạn đường dài, có khi sẵn sàng thổ lộ tâm can với nhau.

Lúc xe lên đèo qua những đoạn vòng vèo, lắc lư, gập khúc nghe có tiếng giấy sột soạt, mùi dầu gió bay đạt, trôi lều bều trong lớp không khí oi nồng buổi xế chiều. Có giọng đàn bà la lên: “chạy từ từ, đừng có bẻ cua gắt quá, cơm cháo lộn lên tới cổ rồi nè”. Tiếng cười lục khục, lẻ loi chìm ngấm đầu đó cùng mùi dầu gió lúc càng nồng nặc hơn. Lên tới đỉnh đèo, tài xế cho xe đậu dưới tán hàng keo lá tràm trồng dọc theo đường, chỗ gần vòi phun nước tự nhiên dẫn từ đỉnh xuống. Mọi người lục tục xuống xe. Ông cụ ngồi cùng băng ghế, sau khi làm công việc vệ sinh cá nhân, bước đến chỗ tôi đứng, hỏi:

-Mấy tiếng nữa xe mới tới Kontum?

-Giờ mới trên đèo An Khê, chạy kiểu này chắc xấp tới mới tới nơi.

-Khổ dữ đa. Không biết có tới được Tân Cảnh không đây? – Ông cụ thở dài, xa xôi.

Tôi chưa kịp hỏi han điều gì, ông cụ tiếp lời:

-Tôi đi thăm mộ thằng con, chết hồi mùa hè đỏ lửa, năm 72. Tôi có mình nó. Bao nhiêu lần định bốc mộ đưa về Diên Khánh, nhưng vợ nó không chịu, nói “ảnh sống trên này với con, giờ chết đi ảnh cứ sống với con, ba đừng lo”. Con nhỏ đó gan ruột, mấy chục năm vẫn ở vậy nuôi con, mua được chục hecta cà phê, dựng vợ gả chồng cho hai đứa cháu. Mấy năm trước cà phê còn có giá đời tụi nó lên hương chút đỉnh, nay thì sống dở chết dở. Lần này tôi lên bàn với nó, bán nhà, vườn cà phê đưa lũ cháu về dưới này. Tôi đã lên cố rồi mà nào có ai bên cạnh. Đứa con gái và lũ cháu ngoại thỉnh thoảng tạt về thăm rồi biến mất. Chúng thoát hiện thoát biến như bầy chim ăn đêm. Còn đám cháu nội thì xa xuôi dặm trường, hiếm khi chúng về. Kiểu này mà kéo dài có khi máu mủ ruột thịt

lại lẫn lộn với nhau. Tôi lên lần này là để bàn với chúng nó gom về một mối. Tôi chỉ còn sống nay chết mai thôi. Biết làm sao, chú? Già rồi, đâu ngủ nghê gì được. Đêm thức trắng, chỉ có bức ảnh của thằng con trên bàn thờ. Nó và tôi ngó nhau trong bóng tối, gần vậy mà không nói được lời nào!

Giọng ông cụ buồn buồn khiến tôi cũng buồn lây.

Mà thật ra, tâm trạng của tôi lúc này cũng không khác ông cụ mấy. Cũng một thứ cảnh ngộ khá bi hài. Tình yêu. Cuồng dại. Sự Chia ly. Nỗi nhớ thương khắc khoải đến dần xé nổi lòng, ngoi ngót những trông đợi kéo lướt thướt bên ngoài khung cửa, bay qua bầu trời chao động cõi lòng tan nát. Ông cụ nhớ con thương cháu, lo sợ sự gìn giữ huyết thống mai sau không trọn vẹn, còn tôi thì thương nhớ một cõi mệnh mông rùng rú mộng mị. Cõi mộng mị ấy đã bị Siu B'Liêng mang tận lên rừng sâu núi cao, để giờ này tôi phải ngất ngư chạy theo một cái bóng vừa thật, vừa hư. Trong những cơn sốt màu vàng tả tơi trên giường, tôi nghe tiếng nàng hát trên giòng Sésan chỗ đoạn ngoặt tiếp giáp giữa sông Poko với sông Đakbla, tiếng hát mang mang theo giòng nước ngâu đỏ đất bazan, lúc âm âm cuốn tung nổi hân hoan của tiếng thác đổ, lúc rì rào lẫn lẫn, ve vuốt qua từng phiến đá hai bờ. Nàng như con nai, con hoẵng trên đồng cỏ ngút ngàn, như cánh cò trắng muốt, lặng lẽ bên các tum nước. Nàng ẩn hiện như thứ ráng chiều chói rục chao trong cơn nắng quá rồi trườn mất vào bóng đêm, đằng sau chỉ còn lại một vệt lờ mờ bay lên từ đất, từ muôn loại cỏ cây quần thành cột khói hư huyền, kết tụ rồi tan nhanh rồi quay lại vạt vơ trên những cành lá, như có như không.

Mười sáu năm rồi tiếp nối niềm hân hoan mệt lả, nỗi buồn nhớ mệt lả.

Và mỗi lần chợt nhớ những giây phút sum vầy, hạnh phúc bên nhau, con tôi lại hỏi:

“Tại sao mẹ không yêu con, yêu ba mà bỏ về với núi rừng?”.

Câu hỏi ấy tôi không giải thích nổi với nó, cũng như Siu B'Liêng, nàng không sao giải nghĩa rành rọt cho con hiểu! Chúng tôi đành phải chấp nhận cứ mỗi sáu bảy tháng một lần làm cuộc hành hương về chốn tình yêu, hoặc với tiếng sóng lửa thể động âm âm trườn dọc theo bãi cát; hoặc trên cánh đồng cỏ xanh, mượt đến tận cùng mượt của những ngọn lông tơ. Chúng tôi vui nỗi nhớ vào nhau như con thú hoang trong mùa trăng mật. Rừng núi thì níu kéo biển lên non và biển khơi mệnh mông thì níu kéo rừng xuống thật gần, quần cánh tay trần vào nhau không buông dứt. Nhưng sự cuồng say ấy rồi cũng tơi tả, tơi tả như cành lá bị cơn bão dữ quật nát búp non mơn, để mỗi người một bên cầu sông Đakbla nhìn nhau vẫy tay, rớt nước mắt.

Dòng sông Đakbla là một thứ định mệnh khắc nghiệt trói chặt cuộc đời chúng tôi lại với nhau, để sau đó, mỗi người một đầu mố cầu nhìn nhau lặng lẽ lúc chia tay.

Cái định mệnh tơi tả ấy là tôi đã vít cong cần rượu, cong đến tận cùng cơn say tuổi trẻ để sau đó theo chân đám con trai trong làng mang đàn gông đứng dưới chân cầu thang nhà nàng, ngheu ngao hát, như con thỏ con đang tập ăn cỏ non, con chìa vôi đang tập hót

thau ddoi doi

ih bblac jiong tônía

em oi anh quá biết

nước da em rạng ngời như gỗ cây knia

em mượt mà như cây cẩm hương

thân hình em đẹp quá

*thấp thoáng bấp chôn em
Như tia chớp tháng hai
Thấp thoáng cặp đôi em
như sét đánh tháng ba
để trần cặp vú em
cả làng ta bốc cháy
tỏ lùk phun tỏ sau
ja'bung sang...*

Cái giọng hát ngọt ngào la đà câu say câu tỉnh của tôi khiến những tiếng cười không thể nén lại, chọt bật ra đầu đó trên sàn nhà cao, ba hay bốn gì đó không thể phân biệt được trong đêm tối nhập nhòa bên đồng lửa sáng rực dưới hiên. Những tiếng cười trong veo của gió núi đại ngàn, của dòng suối sáng bạc dội đập vào cõi lòng hoang mang, ngỡ ngàng...

Tụi con trai tiếp tục đàn và nhảy múa. Còn tôi thì mồ hôi rớt thành hột dài bởi tiếng cười, kích động nổi háo hức ham muốn chưa định hình, chưa có tên gọi. Những mắt củi nõ lép lép, toé những hạt đỗ li ti trong trẻo, reo vui với đêm xuống sâu, với tiếng đàn thánh thót, ngân xa và cả tiếng cười rúc rích nửa xua đuôi, chế giễu, nửa mời gọi. Các cô gái vẫn núp đầu đó trên sàn. Đám con trai nhảy quanh ngọn lửa bập bùng, hát mãi không thôi, như cơn mưa đầu mùa làm bay động những con mối từ tổ bay ra và quần quít trên không trung.

Bất chợt từ trên sàn nhà cao, tiếng hát lướt nhẹ như tơ như gió, phả vào mặt đám trai làng, phả vào tôi đến ngắt ngảy còn hơn men rượu cần đang loanh quanh trong cơ thể bắt đầu nóng dần lên:

*oi anh bạn xinh xinh
anh rình theo vết chúng em
vết chân con gái bên bờ suối
vết chân anh bị xóa đi trên cát
và anh cũng mất cả
dấu chân chúng em*

...
*chân chúng ta cùng gập
theo một điệu
tay chúng ta cùng uốn
theo một nhịp
đôi má ta chạm vào nhau
và nhận ra nhau.*

Tiếng hát bay lượn quanh đồng lửa, trên đầu chúng tôi mang theo mùi hương của trăm ngàn loài hoa rừng trộn lẫn với mùi đất thơm lừng lụng. Tôi nhận ra nàng qua tiếng hát khói sương. Chính cô ta, người con gái của núi rừng đại ngàn sâu thẳm, chứ không thể là ai khác vừa cất tiếng hát như suối trong, thác reo đó. Thăng K'lung Đrăck khều tay tôi:

-Mày bắt nó về làm vợ đi. Nó đẹp nhất trong số con gái đẹp trên cao nguyên này. Nó học chữ nhiều. Nó nói được tiếng tây, ăn cơm bằng muỗng, bằng nĩa chứ không bóc như bọn tao. Nó giống tụi bay.

Tôi gật đầu nghe K'lung nói chứ không thấy mặt mũi “Nó” ra sao. K'lung tiếp:

-Mày ưng, nó sẽ cưới mày ngàn con bò, trăm ché túc và nhiều thứ nữa.

-Tao không biết. Tao chỉ đi hát với tụi bay thôi. Mà sao “nó” không bắt đũa nào trong đám bọn bay làm chồng?

-Con mắt nó không chịu ngó tới ai. Bụng nó không ưng tụi tao. Mày chưa thấy nó đâu. Nó đẹp đến nỗi những con báo cái đẹp nhất xứ này cũng lòng lên mà ghen với nó. Nó nói chuyện được với mấy ông Tây về thăm làng. Nó rất thương người già và lũ con nít. Cái bụng nó rộng rãi mà...

Đồng lúa tàn dần.

Đêm sâu hun hút những sao động vu vơ.

Tôi nhập vào đám trai làng quàng vai nhau, chân thấp chân cao trở về, kéo theo những cần rượu say, những câu hát say, lửa hồng và đêm rung rung trên mặt cỏ đầm sương. Tôi kéo “nó” theo trên những cọng cỏ đầm sương đêm, kéo theo những âm thanh như thật như hư, thênh thênh trong đêm khuya khoắt.

đôi má ta chạm vào nhau

và nhận ra nhau

Câu hát vời vơi mời gọi đó ám theo đầu óc tôi, rung rung bước chân tôi liêu xiêu như bay như lướt trên con đường đất đỏ say nê, trên đồi cỏ sũng sương đêm bên kia bờ Đakbla.

Và trên con đường đất đỏ ấy, trên bãi cỏ hoang ngậm sương ấy, tôi đã nhận ra nàng trong cõi thênh thang tiếng hát ngọt ngào, ngây ngất như vừa được uống thêm chén rượu bồ đào.

Mãi về sau này, khi đã là vợ tôi, nàng mới hé lộ cái đêm đầu tiên và thân tiên “chạm vào nhau”.

“Nghe cái giọng anh hát buồn cười thật, y như mấy ông nước ngoài tập hát tiếng Việt. Em để bụng thương anh cũng chỉ vì bài hát bọn trai làng bày cho anh, cái giọng hát ngọt ngào, đơ đờ nghe ngồ ngộ, như con chim non mới tập hót, con gà tập gáy vậy. Điều này giống như đám con nít hồi nhỏ tụi em cố chứng minh mình là người lớn”. Từ đó chỉ có nàng hát cho tôi nghe, rồi con gái tôi nghe bên tao võng. Nàng không bày tôi thêm bài nào nữa cả, nói “đủ rồi, để em giữ mãi giọng hát lần đầu anh tập hát”.

Biến động dữ dội, âm ỉ suốt ngày đêm. Đài trực canh báo có bão gần. Mây đen vần vũ và mưa tối đường. Mưa và gió quần nhau như trẻ con chạy cút kiếm, lúc hát bên này, lúc tạt bên kia, xoáy tròn tròn trên mái. Hạ Cơ thỉnh thoảng lại giật mình khóc thét sau tiếng sấm động. Siu B'Liêng bước tới ôm con vào lòng ru áp, mắt buồn vời vơi. Mưa bão và sấm chớp khiến nàng chạnh lòng nhớ những quả đồi thoải thoải, tiếng con mang tấc, con công tổ hộ, gà rừng te tát trên ngọn cây? Đầu óc tôi nghĩ vậy, nhưng thầm mong chuyện ấy không bao giờ là sự thật. Chúng tôi thật sự yêu nhau, người này không thể thiếu người kia. Hạnh phúc của chúng tôi tròn đầy. Nhưng thỉnh thoảng nàng lại xa xôi nhìn những đám mây trôi về hướng mặt trời lặn. Nhiều lần tôi gắng hỏi, nàng một mực

không có gì. Bữa nay, điệu bộ ấy được lặp lại trong một thoáng xa xăm cuối đáy mắt, khiến tôi chạnh lòng.

-Hay em về trên đó vài tuần, với mẹ, với làng?

-Em mới đi ba tháng trước đây. Thôi, để mùa trăng cúng cơm mới em và anh và Hạ Cơ cùng về thăm làng luôn.

Buông câu nói, tôi nhìn sâu vào đôi mắt nàng, thấy long lanh một niềm vui vàng vọt như cánh hoa bồ xít vàng ngoài tường rào.

Biển đập ầm ầm. Sấm chớp xòe sáng mọi góc ngách trong nhà.

Nửa đêm Siu B'Liêng ngồi bật dậy, kéo cả tôi theo như một thứ phản xạ tự nhiên.

-Anh nói đúng, sấm chớp thế này khiến em nhớ rừng quá đỗi là nhớ.

-Anh cũng vậy. Anh nhớ chân cầu thang dưới hiên nhà em, nhớ những đóm lửa nổ tí tách, nhớ dòng sông đỏ quạch màu son, chảy ngược lên dãy Trường Sơn trước khi đổ ra biển Đông.

-Những năm em học ở Couvent des Oiseaux, thầy J. Dupont vẫn thường nói với tụi em, nói trong giờ ra chơi, rằng có sống chung, sinh hoạt chung với đồng bào cao nguyên mới hiểu thế nào là tình yêu đất, yêu rừng và rồi ông phát hiện vô số những định kiến mà người kinh dưới xuôi, người châu Âu đã và đang tiếp tục đối xử với đồng bào cao nguyên bằng sự so sánh không công bằng, thiên lệch.

-Ai nói với em những điều này?

-Thầy J. Dupont. Thầy chỉ phát hiện nói ra, chứ còn dân tộc tụi em thì đã nhìn thấy các vấn đề từ sự bày biện có sẵn trước mặt, từ đời này qua đời nọ mà các anh gọi là tập quán. Chẳng hạn, tự đáy lòng sâu thẳm, mà nền văn minh chữ nghĩa các anh gọi là Tâm Thức thì núi rừng đối với tụi em là ngôi nhà chung. Rừng là hơi thở, là mạch máu, là đường gân, thớ thịt không thể thiếu, không bao giờ chia cắt được. Sống thiếu rừng, thiếu sông suối chẳng khác nào cây lúa, cây bắp nhỏ gốc phơi trần trên mặt đất khô khốc, như xua đuôi bầy thú ra khỏi cánh đồng cỏ, sông suối vậy.

-Điều này đã quá rõ ràng – tôi nói.

-Hẳn nhiên. Nhưng những điều không rõ ràng chính là cái nhìn lỗi phạm khi cho đồng bào thiếu số mê tín, văn hóa ăn và văn hóa ở bất cập. Họ sinh sống ở giữa lòng những cánh rừng đại ngàn thì họ phải cất nhà sàn, phải nấu ăn ngay trong nhà, lửa cháy suốt đêm ngày... để nòi giống còn tồn tại tới ngày nay. Những ông tây bà đầm và người miền xuôi dạng hai chân trên nền văn hóa của dân tộc này để ném một cái nhìn lệch chiều về một nền văn hóa của dân tộc khác là điều không thể chấp nhận. Văn minh và văn hóa là hai khái niệm, hai phạm trù khác biệt nhau. Văn hóa của người Mỹ là gì?

-Anh hiểu rồi. Anh hiểu đất, rừng và sông suối kể từ khi anh có em. Anh cũng đang bắt đầu thuộc về rừng như em. Thôi ngủ đi. Không biết bao giờ vào hay quay hương đi xa?

Siu B'Liêng chảy nước mắt trên ngực tôi.

-Tại vì quá yêu anh nên em đã phản bội rừng, phản bội con sông, con suối.

-Em đã biết rồi mà, anh chưa bao giờ có định kiến với cao nguyên. Nếu vậy anh đã không lấy em từ lâu rồi. Cả em cũng vậy, phải không?

-Em không biết. Nhưng chắc chắn xứ sở em là rừng núi, sông suối thác ghềnh, là bầy thú hoang, là những cánh đồng cỏ mênh mông, rờn xanh từ phía mặt trời mọc sang bên mặt trời lặn, từ đỉnh chân trời này giáp đỉnh cong trời đất kia.

-Thì em và anh không ở chỗ giáp đỉnh cong trời đất kia là gì?

-Không phải vậy. Ở đây chỉ có sự gào rú suốt ngày đêm. Biển gào rú. Phó xá gào rú. Tất cả đồng thanh cất lên một thứ âm thanh thật dễ sợ. Những lúc anh đi vắng, em cố lắng nghe tiếng thì thào như ru, như hát, những âm thanh mỏng như dòng nước vuốt ve hòn đá xanh rong rêu... nhưng chẳng bao giờ em nghe được. Anh còn nhớ không? Hãy nói lại cảm giác của mình khi lần đầu em đưa anh vào khu rừng P'lick Jar?

-Anh không chú ý gì cả giữa khu rừng trùng trùng cây to cây nhỏ, vì em đã choáng hết chỗ trong khu rừng đó. Trước mắt anh chỉ có em mà thôi. Duy nhất một mình em.

-Đó chỉ là tình yêu anh dành cho em. Còn P'Lick Jar là một thế giới mê hoặc níu giữ bước chân người, bởi nó là cánh rừng già đẹp nhất của em, đẹp từ tuổi ấu thơ cho mãi đến giờ. Chính nó chứ không ai khác đã che chở em và dân làng, nuôi dưỡng, phả hơi thở thơm ngọt mùi mật ong vào thớ thịt mọi người. Rồi những cây đại thụ hàng trăm năm tuổi xoay tròn tán lá trong gió và nắng trên một thảm cỏ mượt như nhung. Cả con người và chim thú đều gặp nhau trên mảnh đất ấy, rất bình yên; một nơi chốn mà có nằm mơ cả thế giới văn minh cũng không tìm được nơi thứ hai trên trái đất này.

-Ngay ngày mai, anh có thể đưa em về thăm núi rừng. Em biết là anh sẽ làm bất cứ điều gì để em vui, để anh không mất em, chúng ta vĩnh viễn bên nhau.

-Em cũng vậy. Em yêu anh như con nai yêu đồng cỏ của nó, như con chim yêu cành cây của chúng, như con cá lúi cá mương lượn lờ bên khe nước trong soi mặt. Em không thể thiếu anh, nhưng nếu phải xa cách rừng núi quá lâu ngày, thì nỗi nhớ nhung ấy sẽ dày vò đến làm em chết mất, chứ chưa nói chi đến sự trừng phạt của Yang.

-Khi yêu nhau, thánh thần không nữ bắt tội.

-Nhưng rừng núi bắt tội em. Mà tại sao anh không dám bỏ biển lên rừng với em, như em đã từng làm cho anh? Nền văn minh cơ khí luôn có cái nhìn khắt khe với người khác, ngắm nghía văn hóa của dân tộc khác theo cái nhìn một chiều của mình?

-Chẳng lẽ huyền sử Âu Cơ và Lạc Long Quân lại rơi đúng vào trường hợp của chúng mình? Tổ tiên ta có những trăm người con để chia nhau đồng đều. Còn em và anh chỉ có mỗi một mình Hạ Cơ, chúng ta phải làm sao đây cho rừng núi không bỏ em, cho đồng bằng, biển khơi không quay lưng lại với chúng ta, hỡi Siu B'Liêng?

Nàng im lặng không nói gì, vùi đầu vào ngực tôi khóc như mưa bão đổ sầm sập ngoài kia. Tôi vuốt ve khuôn mặt nhòe nhoẹt nước mắt nàng. Thân thể nàng rung bần bật từng cơn dài như những cây bằng lăng cong oằn dưới gió bão. Một sự chịu đựng phi thường đến quá mức đối với nàng, một đứa con của rừng, dần dần lạc mất lối về, rơi tòm vào xứ sở mông muội hồ đồ hồ lớn những khối bụi phi nhân văn. Hạ Cơ, đứa con duy nhất của chúng tôi vẫn ngủ say trong chiếc nôi ấm, không hề hay biết cõi lòng tan hoang của cha và mẹ. Bao nhiêu lần, tôi muốn nhòm dậy, bồng Hạ Cơ đặt giữa hai chúng tôi, để tấm thân nhỏ bé ấm áp ấy, tâm hồn trong trắng ấy sưởi chút hơi ấm tình nguyên cho sự chia lìa sắp vỡ toang. B'Liêng càng lúc càng khóc dữ dội hơn bằng sự kềm nén âm thanh trong lồng ngực, âm thanh không bật thành tiếng mà chuyển động khắp cơ thể, rung lên

từng hồi, chuyển hẳn qua ngực tôi những thổi đá lạnh băng, lạnh nảo nề như thể mọi giác quan bị thổi lạnh băng kia làm co quắp lại.

Tôi chỉ còn biết ôm chặt nàng, ve vuốt nàng thay những lời an ủi không thể thốt ra thành lời.

Lát sau, B'Liêng gỡ tay tôi, ngồi dựa lên thành giường.

-Anh tha lỗi cho em. Em không muốn làm vậy. Ngàn lần em không muốn vậy. Nhưng em không thể cưỡng chống lại tiếng thì thào của rừng núi, nơi chốn tụ hội hàng ngàn, hàng vạn thứ trên mặt đất này đã thấm đẫm trong thịt da em mà anh chỉ mới hiểu, mới len vào một cõi nhỏ trong em.

-Anh hiểu nỗi nhớ thương quay quắt của em. Giờ thì em hãy ngủ đi, hồi con sóc bé nhỏ của anh.

Ong cụ muốn đi ngay Tân Cảnh, mà bên thì vắng hoe. Ông loay hoay với chiếc túi vải trên tay, vẻ mặt căng thẳng và đầy lo lắng. Ông nhìn sững vào mặt người tài xế như muốn cầu cứu một sự hóa phép nào đó để ông có thể có mặt ngay tại Tân Cảnh lúc này. Người tài xế còn trẻ có vẻ bối rối. Tôi thì càng lúng túng hơn. Mấy lần định mở miệng mời ông về nhà B'Liêng nghỉ qua đêm, mai đi sớm. Nhưng chiếc túi vải cứ sang vai liên tục, ý hẳn ông muốn đi ngay đêm nay.

Người tài xế rút thuốc mời lửa, ngửa cổ rít một hơi thật dài, nói gì đó với ông già rồi cả hai lên xe, đóng sập cửa chạy hút về phía chợ. Tôi không nghĩ người tài xế có tâm lòng rộng mở đến thế để đưa ông già đi tiếp 70 cây số đường rừng, nhưng rất có thể anh ta tìm cách nào đó để gửi ông già đi nhanh nhất. Và vô tình, người tài xế lại nhiệt tình tham gia vào sự thương nhớ nao nao của ông cụ già cô độc. Tôi ngó sững chiếc xe khách mất hút ở cuối phố vắng hoe. Chiếc xe dường như cũng hăm hờ rung lên, chờ đợi giây phút trùng phùng giữa cha con, ông cháu. Nhưng liệu sau đó, những người thân yêu nhất có thực hiện đúng theo sự khao khát mãnh liệt của ông? Hay rừng núi đã níu chân họ lại, để ông già lầm lũi quay về đoạn đường dài gần bốn trăm cây số, không biết lấy ai chia sẻ nỗi buồn?

Ông già đã mất hút trong niềm hân hoan chen lẫn nỗi buồn.

Còn tôi? Và B'Liêng?

Đường phố Kontum heo hút những con đường nhỏ, dài, nhà cửa núp sâu dưới những tàn cây, vườn tược rộng thênh. Tôi giống như người lạ mặt, ngập ngừng trên phố, ngập ngừng bước về phía làng Đak Jar.

Tôi đã đến với em thật gần. Tôi như kẻ tội đồ bạc mệnh bước về phía giáo đường, nơi em đang đắm hồn trong chốn mênh mông của đất trời, cây cỏ, chim muông. Tôi đang đuổi theo bóng em chìm dần vào bóng hoàng hôn nhòa nhạt. Mặt trời của em giấu tia sáng đầu đó, nơi em gọi là đỉnh cong của trời đất kia.

Tôi đang bước về phía em, như con nai bước tới thăm cỏ, như đàn voi bước tới con suối. Tôi nhìn thấy đôi mắt lung liêng của em trên bậc cầu thang dõi theo tôi và Hạ Cơ. Tôi lao tới với tất cả nỗi nhớ nhung rực lửa, reo cùng tiếng đàn gông quấn quít bên hiên nhà và bay vút lên chóp cây. Còn tôi và em thì bay vút về phía mặt trời mọc.

Tôi đang đứng bên bờ Đakbla, dòng sông đã thít chặt đời tôi và em vào nhau, rồi bất ngờ xô ngã chúng ta dạt qua hai bờ.

Đakbla oi! đến người cũng bắt đầu bị lụy nhỏ những giọt nước mắt xuống đời ta, phủ một lớp bụi mỏng trùng trùng trước mặt? Người hay Mưa bắt đầu đổ. Ban đầu chỉ là những hạt li ti như bụi phân bay. Rồi càng lúc càng dày thành sợi. Làng Đak Jar nhòa trong nước mắt mưa và bóng hoàng hôn. Rừng đen thẫm ở phía xa và em như đội con mưa, hình như không phải bước về phía tôi, giang đôi tay thương nhớ ôm choàng lấy tôi mà bước qua bên kia, sâu vào cánh rừng, với một chút dịu dàng gió núi, một chút ngập ngừng của dòng nước chảy rã hai. Em bước về với rừng không ngoảnh lại.

Trong cơn mưa, đất thơm nồng, níu chặt bước chân tôi vội vã lao về phía em... Và tôi chợt hiểu rằng, em là cô gái rừng, người con gái của rừng, đẹp nhất trần gian.

(Kontum,6/2003)

BUỔI SÁNG CUỐI NĂM

Thị trấn kéo dài từ những dãy đồi thấp, thoải thoải đổ dần ra phía bờ sông. Phố xá, cửa tiệm tập trung trên hai trục đường cắt chéo hình chữ thập. Chợ và bến xe ở cuối một rạp hát bỏ trống, chỉ còn lại mấy mảng tường bị ngã đổ từng đoạn, trơ vơ quanh đám cỏ mọc xanh um. Các tiệm ăn, quán giải khát xếp thành dãy dài phía bên này đường, đối diện các công sở là những căn nhà ngói cũ kỹ, âm thấp. Trên đầu thị trấn ngó xuống, những nóc nhà lô nhô nép bên những hàng cây cao dọc đường lù mù trong lớp sương đục và bầu trời đen đậm. Thị trấn lúc này giống như một bức ký họa của người họa sĩ phác thảo lúc anh ta đang chéch choáng hơi men, ẩn hiện không rõ ràng.

Những ngày giáp tết, thị trấn bỗng ồn ào hơn. Tháp thoáng có chút màu sắc của bông hoa, màu sắc của áo quần trẻ con và hàng hóa chất đầy trong tiệm. Một vài căn nhà được làm mới bằng những mảng vôi quét màu sắc sỡ viền ở những đường hoa văn trước mặt tiền. Trời âm u liên miên, không thấy hé ra chút nắng khiến những phụ nữ, những người đàn ông có tuổi luôn thấy mập hơn, to và lụng thụng mỗi khi xuất hiện trên đường.

Căn nhà người thanh niên đang trú ngụ nằm ngay dưới chân vách núi đá, chỗ cao nhất trong thị trấn. Ở đây có thể nhìn bao quát khắp một vùng rộng lớn bao quanh. Mỗi sáng thức dậy, anh thường ra đứng trước khoảnh sân hẹp nhìn mặt trời từ dưới sông nhô lên rực rỡ. Anh nắng loá sáng con đường đất đỏ, ửng màu mây đỏ trên những mái ngói xuôi dọc hai bên đường; ở phía tây, tí đằng xa là nóc nhà thờ chỉ còn trông thấy tháp chuông nhấp nhô trong những đám ruộng mía xanh màu ngọc bích. Đó là con đường đất chính nối các buôn làng với thị trấn, với những chiếc gùi nhỏ xíu trên lưng những người miền núi, có thể trông thấy từ xa ... Giờ đang cuối mùa mưa, nhưng bầu trời chưa lúc nào lộ nắng để anh phải khốn khổ lơ mơ, tơ tưởng một chút nắng để thấy những con đường đất đỏ, những mái nhà âm rêu rực rỡ những ngày trước kia bớt vẻ lạnh lẽo trong những ngày cuối năm. Cái lơ mơ đột ngột bị đẩy bay ra ngoài, khi bên tai anh nghe vang lên giọng nói rành rọt:

-Chú có bận gì không?

Người đàn ông mặc áo len màu chàm nhô hẳn đầu qua khung cửa, hỏi bằng một giọng thân mật; theo sau ông là con chó rầy có bộ lông xám màu đá núi. Ông ta là người hàng xóm, thỉnh thoảng tạt qua nói vài câu vu vơ về chuyện con cái, thời tiết, mưa nắng rồi đột ngột đứng dậy ra về, không mục đích rõ ràng.

-Không. Hình như không bận gì!

Hình như anh đang nói dối với người đàn ông đang ngồi trước mặt mình. Kỳ thực anh chẳng phải rời đưng chân tay vào công việc nào trong lúc này, để gọi là bận. Nhưng con mắt và đầu óc anh thì bận thiệt. Vì khi người đàn ông bước chân qua cổng cũng là lúc trời hửng lên. Một chút nắng hiếm hoi kéo thành vệt dài, thỉnh linh rớt xuống khoảnh vườn trước sân nhà làm ửng lên màu vàng rực rỡ. Cả khoảnh vườn như sáng hẳn, nổi lên những đường viền màu xanh khép nép, và bên trên, nhô lên cao lô xô là những búp vàng mượt của mây luồng vạn thọ. Hiếm khi có màu sắc tuyệt vời như thế giữa tháng Chạp âm u mưa, âm u những đụn mây đen áp sát đọt cây...

-Thằng Doãn gửi lời thăm chú.

-Dạ vâng, Doãn.

Màu nắng và những búp vạn thọ như đang thì thầm, rủ rủ, giống hệt mấy đứa trẻ con nhà hàng xóm í ới hện hò xuống phố đứng dán mắt trước các cửa tiệm, nhìn chăm chăm những tấm áo mới đủ màu xanh đỏ.... Những đứa trẻ chạy lăng quăng có vẻ như có một liên hệ báo trước những ngày tết đang cận kề.

Bộ mặt ủ dột, lấm láp những ngày mưa sắp bắt đầu xoá nhoà dần sau những ngày dài làm tình làm tội những con đường đất lầy lội, những lùm cây úng vàng và cả mùi ẩm mốc bám đầy những bức tường vôi chung quanh nhà...

-Nó gửi về chai rượu quý, tôi...

-Vâng, chai rượu...

Chai rượu trong tay người đàn ông thỉnh thoảng làm bầu trời đứng sựng. Nắng biến mất đột ngột. Chút nắng vàng hiếm hoi ấy biến mất, bay vụt ra khỏi tầm mắt, cũng đột ngột như khi nó thỉnh thoảng rớt xuống trước sân nhà. Một tảng mây đen khổng lồ trôi qua chậm chạp, từ từ liếm sạch màu nắng vàng khiến anh có cảm giác như nó sắp sửa đè bẹp khoảng vườn rực sáng khi nãy, đè bẹp anh và người đàn ông và Doãn và chai rượu. Anh thất vọng ngó người đàn ông, từ đỉnh đầu tới ngang bụng, phần dưới cơ thể ông ta bị chiếc bàn che khuất, như thể ông là thủ phạm bụng chút nắng quý hiếm của anh trút vào trong chai rượu, hay giấu trong bụng áo ấm lấp bên nửa bàn bên kia. Anh ngó sững vào chai màu trắng giả đá để tìm kiếm sự ấp áp hình như ông ta đang giữ trong đó. Người đàn ông nhón lên, quơ chai rượu chực rót ra ly.

-Nó kêu Mao Đài Tửu. Nó đi Bắc Kinh về.

-Vâng Doãn đi Bắc Kinh...

Anh ngẩng mặt lên ngó chai rượu màu men sữa trắng đục. Nắng không thể bị nhốt vào trong ấy được. Vâng, có thể Doãn nào đó và cả Bắc Kinh của người đàn ông đang ngồi bên mép bàn bên kia đã mang đi chút nắng vừa mới nhìn thấy khi nãy. Anh nhìn vào chiếc chai giả đá và nghĩ không thể có giọt rượu nào để tìm kiếm chút nắng mong manh. Anh thần thờ đến đờ đẫn nỗi thất vọng, chán ngán. Những rạo rục ban đầu bị tắt ngấm bởi chai rượu đang nằm gọn lỏn trong tay người đàn ông, ở phần cổ, lùn tịt.

Khoảnh vườn âm u, xám màu mây đen. Những búp vạn thọ lẻ loi, run rẩy trên những cành lá xanh, hết còn rực rỡ khiến lòng anh nguội lạnh chen lẫn nỗi hoang mang tột cùng.

-Ta chào nhau buổi sáng, chú hi?

Và không đợi anh trả lời, người đàn ông vớ tới phía trước, kéo hai chiếc ly thủy tinh màu hồng nhạt đặt trong chiếc kệ ngang với mặt bàn, về phía mình. Ông ta từ tốn rót ra ly, từ tốn đẩy một chiếc ly về phía anh rồi thông thả nâng ly lên.

-Một ngày bình yên chú hi?

-Dạ, một ngày bình yên – anh đáp.

-Nhưng mà điều này kéo dài, mưa lập đập, nắng lập đập âm âm u u như kiểu trời chuẩn bị sắp thì tết chẳng có bánh mà ăn. Thằng Doãn kêu tráng cho nó năm trăm để mang về trồng, biếu xén, ăn tết. Thiệt mệt. Trời đất kiểu này biết sao được. Không có bánh tráng thì còn gì là tết? Bà vợ tôi nói không nắng thì xuống chợ mua. Nhưng mà chú ơi, bánh tráng hong lửa thì khác xa với bánh tráng phơi nắng...

-Dạ, nắng. Chỉ có nắng mới làm ấm lên mọi thứ. Tất cả mọi thứ đều trở nên đẹp – Anh nói vội vã, y như rằng trước mặt lúc này nắng ấm đang đổ xuống sân.

-Chú văn nghệ quá – người đàn ông kêu lên – Có nắng bánh tráng ngon hơn gấp bội phần!

-Dạ, đẹp và ngon cả hai đều như nhau. Hễ đẹp thì nhất định phải ngon, và ngon thì phải đẹp. Cái gì hiếm đều trở nên quý giá cả – Anh đột nhiên hứng khởi.

Chiếc ly thủy tinh màu hồng nhạt nằm ghé trên đôi môi thâm đen của người đàn ông, hình như cũng ngạc nhiên vì những ý nghĩ bất ngờ của người thanh niên cứ giữ nguyên vị trí như vậy một lúc lâu, trước khi ông ta dốc ngược miệng ly vào miệng. Có tiếng “khà” kêu lên lẻ loi giữa buổi sáng lạnh giống buổi hoàng hôn, giống hết tiếng thờ dài tràn ứ nổi thất vọng, vì không thể tìm thấy sự đồng cảm, đồng điệu mà ông mong đợi. Chiếc ly dành phần anh vẫn nằm nguyên trên mặt bàn, đầy rượu. Người đàn ông đẩy chiếc ly trống của mình tới, chạm nhẹ vào thành ly kêu đánh cốp một tiếng nhỏ khè khàng.

-Chú lại văn nghệ nữa rồi. Ai kêu mấy chiếc kiềng sắt, bình vôi giờ này không hiếm? Nhưng mà chú coi, có quý gì đâu?

-Dạ, có lẽ phải, đâu có gì kêu là quý.

Người đàn ông há hốc nhìn người thanh niên rồi bất ngờ ngửa cổ ra cười khà khà, một giọng cười biểu lộ chút ngạc nhiên rất buồn cười về cách nói của anh, trong khi bàn tay phải ông ta vẫn giữ chặt chiếc cổ chai lùn tịt. Đến khi ông ngưng cười thì trên khoé mắt có chút nước ứa ra ngập ngừng. Ông ta bỏ chiếc ly xuống bàn, dùng ngón tay trở quẹt chỗ nước mắt chảy ra đó, như cố giấu sự buồn cười có thể chảy ào ra lần nữa, mãnh liệt hơn.

-Chú thiệt “thác cười”. Mới hồi nãy biểu đẹp là ngon, ngon là đẹp là quý, giờ kêu... Chú thiệt văn nghệ.

Ông lại cười hích hích trong cổ họng, cố kèm giữ sự khám phá bất ngờ của mình đối với chàng trai trẻ đang ngồi trước mặt, rồi tự rót đầy ly nữa và ngửa cổ uống ực. Tới giờ, ông mới chịu buông tay ra khỏi cổ chai rượu, chiếc ly trống nằm trên mặt bàn, cạnh chiếc ly còn đầy rượu của anh, móc túi lôi ra gói thuốc lá và chiếc bật lửa. Ông rút một điếu cắm lên môi, nhưng không quẹt lửa môi mà tiếp tục nói. Điếu thuốc bị kẹp chặt giữa hai môi thâm đen rung lên nhẹ nhệ mỗi khi ông nói. Cả hai có vẻ khổ sở như nhau. Người đàn ông cầm chiếc bật lửa, nhưng vẫn không chịu quẹt cháy.

-Nói thiệt chú đừng giận, mấy chú văn nghệ như chú không làm sao mà hiểu nổi. May mà thằng Doãn nhà tôi chữ nghĩa ít, nhảy đi buôn bán chớ không thì...

Ông kịp nhận ra hình như mình sắp lỡ lời, có vẻ như mình sắp lỡ lời thiệt nên người đàn ông kịp dừng lại, chuyển sang chuyện rượu chè. Còn điếu thuốc vẫn nhảy tung tung trên đôi môi thâm đen.

-Không biết chú sao, chớ tôi thì chúa ghét mấy cha rượu chè be bét, uống chi mà tới say đờ lười, say quất cần câu mà cứ kêu lai rai giải sầu? Rượu chè cũng có năm ba đường hả chú? Tôi nghe nói tiên tử, tục tử, ngu tử chi chi. Thiệt mệt. Cứ như anh em ta, lâu lâu có rượu ngon, ngồi cà kê vài ly rồi mạnh chuyện ai nấy làm. Cù nhăng, cù nhùng mất cả thì giờ. Mà chú chưa vợ con chưa biết. Nhiều khi uống, lỡ say “nhông phao câu”, mò về tới nhà con vợ tôi kêu trời. Say nhưng cũng biết được mình quá là sai, nên

phệu phạo bào chữa “nam vô tửu như kỳ vô phong”, rồi câu gì bữa chú đọc cho tôi nghe đó. Á, à, nhớ ra rồi “mùa này thiếu rượu anh hùng nhất gan”, khiến bà nổi sùng bỏ tôi một bữa để muối và tôi cùng nằm say bên nhau.

Người đàn ông toan với chai rượu rót thêm một ly nữa để tự thưởng cho những lời nói ý nhị của mình, song nghĩ sao ông rút tay về, ngó chăm chăm vào mắt anh thanh niên xa xôi ngoài khung cửa, hỏi:

-Mà tôi cũng lấy làm lạ. Chừng ấy tuổi, sao chú không chịu lấy vợ? Cỡ tuổi này, nếu có con gái đầu lòng thì đã sui gia rồi đó nhá?

Anh bật cười mà không thể nhìn thấy đó là nụ cười tròn hay méo mó dị dạng, tìm cách nói cho người đàn ông yên lòng:

-Không phải là không muốn có một cô vợ bên cạnh. Chỉ tội một điều, họ nhìn thấy đời sống tôi nhếch nhác quá nên ai cũng ngại, quay lưng bước thẳng.

-Chú nói sao ấy chứ? Thời buổi gái thừa trai thiếu. Làm vợ chú như thể làm bà hoàng ấy chứ? Đã đành chú có đời sống văn nghệ, nhưng mà văn nghệ thì có sao đâu? Tôi thấy các cô chú ngày nay sống sao sao ấy, không như chúng tôi ngày trước! Rồi lại khi không chú bỏ cái thành phố đẹp để ấy để về khép kín ở chôn khi ho cò gáy này, thì chắc là chú phải có tâm trạng?

-Dạ không, không có tâm trạng gì đâu. Chẳng qua tôi muốn yên ổn, muốn sống trong không khí tĩnh lặng để làm việc.

-Tôi đâu thấy chú làm việc gì? – Người đàn ông ngạc nhiên.

-Dạ

-Thôi, bữa nào thằng Doãn về, tôi biểu nó mời chú làm cố vấn cho nó. Hai anh em tha hồ bay nhảy.

-Cảm ơn chú. Chuyện đó tôi càng mù tịt, chẳng biết gì đâu!

Người đàn ông phẩy tay.

-Ui, dễ ợt đó mà. Như thằng Doãn đó, có học hành con khi mốt gì đâu mà nó vẫn làm được.

-Dạ.

Người đàn ông chấp chới trong mớ hiểu biết lẫn lộn với niềm tự hào hỗn độn về sự thành đạt của con, bèn chỏ tay qua phía anh, cười lớn.

-Chú mà giấu nổi tôi! Chú đừng có hòng mà giấu nổi tôi nhé.

Nói và ông cười to vừa đứng dậy. Tiếng cười khặc khặc quẩn quít bên những bước chân chệnh choạng khi ông bước xuống từng bậc cấp với niềm vui như vừa khám phá được chuyện lớn, thật lớn.

Anh không tiễn ông như mọi khi, chỉ thấy ông rất hài lòng với những gì ông có được quanh mình, trong buổi sáng này như ông đã từng hài lòng về chuyện vợ con, những bữa rượu lẻ tẻ cùng những tiện nghi vừa đủ để mang ra khoe với mọi người chung quanh.

Con chó đi theo người đàn ông, nãy giờ lim dim nằm ngủ dưới gầm bàn chắc là đang mơ thấy ngậm khúc xương trong miệng, nên kéo dài niềm hạnh phúc bé bỏng của loài vật, quên mất những bước chân loạng choạng của ông chủ, vội nhồm dậm, ửng ửng chạy theo sau. Đuôi có chùm lông dài ngoắt qua ngoắt lại phía sau chân ông, y như rằng chủ tớ là những người vừa thắng trận, đang trên đường ca khúc khải hoàn.

Người đàn ông bước đi, nhưng không lồi theo bầu trời nặng trĩu cùng cơn mưa lâm thâm và ngọn gió bắc thổi se sắc trên đợt cau nhìn rất rõ. Ông cầm cúi bước, người đổ dài dưới con dốc như sắp ngã, con chó chạy lăng quăng bên chân, bỏ lại tất cả cho anh.



Trên bàn, một ly rượu còn đầy và một ly trống trơn không cân xứng. Anh bung cả hai ly đặt lại chỗ cũ trên kệ. Lúc đầu anh định hất ly rượu ra sân, nhưng nghĩ sao lại xé tờ giấy lịch, gấp làm tư và đập lại, nom chiếc ly như cây trụ đỡ những tảng đá khổng lồ thành Babylone, thu nhỏ lại.

Bên ngoài bầu trời trở nên sáng trắng. Những đụn mây đen giờ xé vụn ra lam nham khiến trông thấy bầu trời cao hơn chút đỉnh, bớt vẻ âm u. Có tiếng chân loạt xoạt ngoài hiên thêm. Người đàn bà mặc bà ba đen, tóc búi củ hành, miệng nhai trầu nhóc nhách chà chân lạch bạch, giũ đất ở bậc cấp rồi bước hẳn vào trong.

-Uở, chú có nhà đây mà. Mạnh giỏi chú?

-Dạ, mạnh. Chào chị!

-Buổi sáng mà chịu khó ngồi nhà, không ngồi quán cà phê sao?

-Bác sĩ cấm cà phê.

Người đàn bà ngó nghiêng lên tấm lịch treo tường, cao hơn tầm mắt chị ta vừa nói:

-Cái tụi nhỏ xóm này không hiểu sao sáng nào cũng tụ tập ngoài quán. Ba đưa uống chung một ly cà phê, hút chung điếu thuốc đến chủ quán cũng phải phát buồn mà không biết nói sao!

Người đàn bà ngừng nói, miệng nhóp nhép nhai trầu chờ phản ứng của anh. Mỗi khi cử động, góc môi trên vêu lên như có cái mụn nhọt nấp trong ấy. Thấy người thanh niên không nói gì, người đàn bà tiếp lời:

-Hồi hôm cũng ở quán cà phê đó, tụi nó gây gỗ, sém đánh lộn. Thanh niên bây giờ mệt quá.

Anh không mấy hào hứng khi nghe những chuyện không đâu phát ra từ miệng người đàn bà đang ngó anh vừa nhai trầu. Chị dường như cũng đoán ra ý nghĩ của người ngồi trước mặt, nên ngập ngừng chuyển sang đề tài khác, “thời sự” hơn.

-Chú tính ăn tết ở đây hay về dưới đó?

-Dạ chưa biết sao!

-Trên học xá này có gì mà vui chớ? Dưới đó thành phố lớn, người đông, nhộn nhịp. Mà cũng phải thôi, chú thấy không?

Người đàn bà nói và tiếp tục nhai trầu. Anh không hiểu bà ta đưa ra câu hỏi để hỏi anh hay chỉ là những nhận xét vu vơ, chờ người khác tán đồng? Chị không phải là người thường hay ghé nhà anh hỏi han chuyện này, chuyện nọ. Là hàng xóm, cùng ngụ trong con phố nhỏ của thị trấn miền núi trước sau đều quen mặt nhau, họ hay dòm qua hàng rào cây xanh thưa thớt để thăm chừng đời sống của nhau một cách thận trọng. Trong trí nhớ, người đàn bà đang ngồi phía bên kia bàn, chỗ lúc này người đàn ông vừa ra về, là người hay ca cẩm về mọi sự khó khăn trong đời sống. Bà ta hay vu vơ về những khoản thiếu hụt của tất cả mọi người dân ở thị trấn miền núi nhỏ hẹp này, mà đáng ra phải khác hơn, phải giàu cảnh ngộ người khác dưới thành phố.

-Bữa nay hăm hai rồi. Hễ đưa ông Táo về trời là coi như tết đến nơi. Mà này, chú một mình thế thì sống làm sao nhé? Ai lo ăn uống, giặt giũ cho chú, rồi còn tết nhứt nữa ?

-Dạ, cũng bình thường thôi mà – Anh trả lời ngập ngừng.

Người đàn bà nheo mắt, chun mũi nhìn anh về chế giễu:

-Bình thường là thế nào? Phải có bàn tay phụ nữ. Cái sự lấy vợ là rất cần thiết để bảo tồn nòi giống. Vói lại ở cái xứ heo hút trong những ngày lạnh lẽo này chú không cảm thấy lạnh lẽo sao chứ? Để hôm nào tôi giới thiệu chú một cô, xinh đẹp, hiền hậu. Tết chú còn ở lại đây tôi sẽ dẫn đến thăm chơi.

Anh không biết phải lựa lời ra sao để từ chối lòng nhiệt tình của người đàn bà kia cho phải lẽ, đành nói nước đôi.

-Dạ, cảm ơn chị.

-Trời không chút nắng, lạnh thiệt. Hôm qua tôi ra chợ thấy hàng tết về nhiều quá, đẹp, rẻ ngắt cái không đủ tiền để mua sắm cho đã đời. Mấy đứa nhỏ cứ eo óc đòi mua cho bằng được những tấm áo ấm màu. Chúng đâu biết cảnh “cám tháng giêng, tiền tháng chạp”. Thiệt bực!

Anh muốn bật cười khi nghe người đàn bà buông ra lời than “thiệt bực” y như người đàn ông lúc nãy kêu “thiệt mệt” khi trời không chịu bật nắng để vợ chồng ông tự tay tráng bánh, phơi dưới ánh nắng mặt trời gửi cho thằng con. “Thiệt mệt” và “thiệt bực” của hai người có con cái gia đình đề huề coi như những lời “gâm gù” êm ái của những người ngay thẳng phải làm bổn phận bảo bọc mọi người thân chung quanh mình, như một niềm vui chưa thật trọn vẹn.

Có lẽ do người đàn bà nói quá thật, nên anh cũng cao giọng.

-Đó, chị thấy chưa. Có gia đình, con cái nó “thiệt bực” như vậy đó?

Người đàn bà chỉ cười, không trả lời những vắn vẹo tình nghĩa của người thanh niên ngồi trước mặt, có vẻ mặt đang thực buồn. Chị đưa tay lấy cục thuốc nằm vêu trong môi trên chà qua chà lại giữa hai hàm răng ám đen, định nói gì đó nhưng cục thuốc và bã trầu trong miệng đã giữ chặt lại.

Anh ngồi nghiêng ngó ra khoảnh vườn hẹp trước sân.

Một lát sau, giọng người đàn bà ngập ngừng:

-Nói thiệt với chú, vợ chồng tui kêu bán con bò, nhưng tui lái biết mình cần tiền sắm tết nên trả giá rẻ mạt. Tui nhỏ thì léo nhéo đòi cả ngày. Chú cho tui vay một ít, bán được con bò tui trả chú liền. Minh hàng xóm, sớm tối có nhau.

Câu cuối cùng, giọng bà ta chùng xuống, buồn thật buồn y như bầu trời vẫn một màu mây đen chực sà thấp. Bộ mặt bà ta dần dần trở nên căng thẳng và thảm não. Cục thuốc chà răng được nhìn thấy bằng vệt vêu trong môi trên như chịu đựng sự u uẩn vì đám thương lái bắt chẹt bà ta trước những đòi hỏi hợp lẽ của lũ con. Một chút gì đó trên toàn bộ con người đàn bà lúc này, khiến anh hơi chạnh lòng.

-Nói thiệt với chị, tôi cũng còn một ít, chị có thể cầm tạm. Tôi chắc thể nào tuần này cũng có khoản nhỏ của mấy tờ báo gửi ra. Chị yên tâm – Nói và anh lôi chiếc bóp nhàu nát móc hết khoản tiền trong ngăn, không rõ được bao nhiêu, đưa cho người đàn bà. Bà ta thôi nhai trầu, cầm lấy tiền nhét vào túi áo và cũng không đếm là được bao nhiêu. Giọng ấm lên:

-Cảm ơn chú. Tui nó mừng lắm đây!

Người đàn bà nói vừa sững sờ nhìn chàng thanh niên với một chút ngỡ ngàng, một chút cảm thương với những bản khoả được khoá lắp khi kịp cất mớ tiền vào túi áo bà ba đen.

Cuối cùng người đàn bà cũng đứng dậy chào anh, ra về với cái bóng đen nhỏ thỏ đồ dài xuống con dốc, với dáng hấp tấp của những niềm vui mới mẻ bà vừa cầm chắc trong tay.



Bầu trời bên ngoài vẫn xám đục. Gió cuối năm run rẩy lạnh, kéo thành vệt trên hàng cây co ro hai bên đường, chạy từ phía đồi cao xoải ra bờ sông. Buổi sáng rung rinh nhè nhè trên luống vụn thỏ sắp bật khóc vì bầu trời đen cứ lê thê kéo dài. Người thanh niên xô ghế đứng lên, cấp phích vào ổ điện định bụng pha một ly trà thật nóng, thì bên ngoài tiếng còi xe toe toe vang lên. Người bưu tá gầy, cao dựng xe trước hàng rào chè tiêu, cầm xấp thư và mấy tờ báo bước vào nhà. Ông ta hỏi:

-Không định đi đâu sao?

-Trời lạnh thế này... – Anh trả lời.

-Ừ, trời cũ này mà có dưa hành củ kiệu và rượu ngon thì thật tuyệt.

Người thanh niên với tay qua kệ, nhắc ly rượu đưa cho người bưu tá.

-Rượu cha Doãn mang tới hồi nãy.

Ông bưu tá nhấp nhấp từng ngụm nhỏ, thông thả:

-Rượu này chắc là ai biếu chi đây. Không phải rượu thường, mùi lạ lắm, như mùi trái nhàu chín?

-Tôi cũng không rõ

-Câu chưa uống.

-Chưa.

-Một ly thôi sao?

-Dạ, một ly. Ông cụ qua kêu tôi uống, nhưng mới sáng bảnh mắt!

-Ồ, cũng phải, nhưng giá có thêm vài ly nữa thì ấm bụng.

Ông ta có vẻ ngần ngại như tiếc rẻ mùi rượu ngon quá ít, dòm vào chiếc ly không rồi đứng lên:

-Chùng nào cậu về?

-Chưa biết ngày.

-Thôi tôi đi.

Người bưu tá nổ máy, chạy đi xuống cuối con dốc rồi quành ra phía bờ sông. Cái dáng cao khều mắt hút cuối dãy nhà ngói cũ kỹ, mái lợp âm dương.

Người thanh niên thông thả lật coi địa chỉ gửi đi của từng lá thư, theo thói quen rồi để sang bên. Cái mà anh mong đợi hiện ra, dưới bức thư của một toà báo. Nét chữ mỏng manh, gầy như bộ ngực quen thuộc của người gửi bức thư cho anh, như những ngón tay thon dài nắm chặt tay anh cùng ánh mắt xa xăm trên sổ nhà quen thuộc bên góc trái. Anh nghe thật gần bước chân nàng, hơi thở nàng và đôi mắt ngấn nước của nàng khi anh lầm lũi bước ngược trên con đường trước mặt nhà. Những dấu nhật ấn trên bao thư như tự nó có một hơi thở dồn dập của hai người ở một khoảng cách xa. Ngày gửi và ngày nhận chỉ cách nhau ba ngày. Ba ngày để vượt hơn sáu trăm cây số sẽ mang đến cho anh niềm vui ấm áp trong buổi sáng cuối năm này. Phích nước sôi kêu thành tiếng như lời thúc giục,

khiến anh không thể để những cảm giác tha hồ bay nhảy tự do. Bao thư bóc ra. Sáu tờ giấy chỉ chít một kiểu chữ mỏng manh gầy ốm. Anh lôi chiếc ghế xích đu đặt ngang cửa ra vào hứng chút ánh sáng mờ đục bên ngoài, nằm ườn ra ghế và bắt đầu đọc:

Anh,

Sự chờ đợi quá lâu, xa như chỗ anh ở nói tới đây bằng sợi chỉ dài, rất dài. Nhiều bữa trời đang nắng, chợt đổ mưa âm âm, rồi đột ngột chấm dứt, làm như không hề có chuyện gì xảy ra làm em không thể không nghĩ đến anh, liên tưởng về những hành động kỳ quặc của anh. Nhiều khi em tự hỏi, cái thành phố này có điều gì khiến anh không vui? Hay anh không vui vì em? Hay anh muốn thử thách em như một chuyện đùa bỡn? Giờ, cứ mỗi ngày qua đi, em càng ít hiểu về anh hơn. Anh như người xa lạ vậy !

Hôm kia, trong bữa cơm tối, tía má em có hỏi sao lâu không thấy nó tới chơi? Nó tức là anh đó, là một thành viên đang được chấp nhận từ từ, chậm rãi một cách e dè, dò xét. Em chống đũa tìm câu nói đối hợp lý nhất, nhưng sao nó cứ như sợi dây thun bị kéo căng đến cuối cùng em nói bừa: hình như anh nhận thêm những công việc gì đó, bận bịu lắm. Tía má em tiếp tục dùng bữa, không hỏi gì thêm. Riêng em “những công việc gì đó” của anh giống như sự trông đợi một cách thờ ơ. Ai cũng trông nhau mà chẳng dám “liều mạng”(chữ anh nói hôm hai về đưa mình ở đầu móm sông, chỗ vườn mận đó, nhớ ra chưa?). Liều mạng làm sao mà trên sáu trăm cây số hun hút là dài? Thư trước anh biểu tét ra ăn tét với anh. Một ý tưởng thật vĩ đại. Còn nếu như em nói: tét anh về ăn tét với em thì anh nghĩ sao? Em đâu phải là những nhân vật của nhà văn Hector Malot, là con bé “vô gia đình” để anh ra tay cứu vớt rồi biến thành nhân vật của anh?

Thư này đến tay anh chắc là còn kịp để về đón ông Táo. Trong dân gian, ông Táo là một người không có mặt mũi rõ ràng, nhưng lại đầy ắp trong tâm thức của mọi người. Ai cũng hiểu rằng, ông Táo là người duy nhất giữ lửa, hơi ấm cho mọi gia đình sum họp. Vậy thì tại sao anh không mang chút lửa ấy về, lửa trong người anh để sưởi ấm cho em? Hoá ra, anh chỉ muốn giữ lửa cho riêng mình anh thôi sao? Còn em? Câu hỏi này cứ dằn vặt em mãi, nó loay hoay trong đầu như thể con đé hỏi nhỏ em bỏ trong chiếc hộp giấy. Nó bò tới bò lui, lảng quăng tìm lối ra mà nào có ra cho được? Rồi em lại chợt nhớ đêm giao thừa ở dưới quê, ngồi thức canh nồi bánh tét, lửa nhảy nhót đỏ đít nồi; còn bên trong thì nước cứ sôi ùng ục. Bà nội ngồi gần bên nói: ông Táo đang cỡi con ngựa mang về với chúng ta kịp đón giao thừa. Tiếng ùng ục đó là vó ngựa gõ trên lớp mây. Em không thấy, nhưng tin lời bà, nghĩ ông Táo đang cỡi ngựa trở về thật và em mong làm sao để được gặp mặt ông, coi dung nhan có giống với những bức tranh vẽ thằng em em sưu tầm đâu đó dán la liệt trên vách. Em sẽ nói những điều ao ước của mình để ông hoá phép. Chờ đợi đến mỗi mùng, để hai mí mắt sụp xuống lúc nào không hay, ông Táo trở về lúc nào không hay. Mãi mãi điều ao ước không thành sự thật. Như giờ này, em ước chi anh có bên em đã không thành sự thật vậy !?

Mà cũng thiệt lạ, anh thích thú, say mê nổi gì ở miền đất heo hút đó? Lúc anh mới ra, anh kêu nhà anh ở dưới chân vách núi đá. Từ đó có thể nhìn xuống thị trấn nhỏ như bàn tay xoè, phía dưới bị con sông chặn ngang, có những ngôi nhà cổ xưa cũ kỹ, có những con đường đất đỏ ngắn hơn một hơi thở dài cùng với những người dân hiền lành, nhẵn

nại... Và anh nói: mỗi sáng có thể nhìn mặt trời từ lòng sông nhô lên, đỏ ối như quả cầu lửa rực rỡ. Nếu vậy, chắc quả cầu lửa đó có bà tiên anh mơ tưởng, chứ không phải trên đầu mõm sông lúc hai đũa ngó những dề lục bình trôi dập dềnh những chòm bông tím? Những bà tiên bé bỏng xinh đẹp kia đã níu giữ chân anh rồi?

Thư này em viết trong buổi sáng thực yên tĩnh. Có một chút gió heo heo rất lạ, không ngừng thôi thúc sự nhớ nhung băng quơ, cái xao xuyến đón đợi, ngóng trông. Chỗ anh ở có loại gió này không? Em chắc là không. Vì nếu có thì anh đã lên tàu rồi. Em biết anh còn ngóng đợi bà tiên trong quả cầu lửa rực rỡ mỗi sáng, bước ra và nhẹ nhàng đến bên anh? Còn em thì đang ở rất xa anh để không thể chia sẻ niềm hoan lạc cùng anh. Tiếc thật.

Em muốn viết thêm nữa, thiệt dài; dài bằng với đoạn đường từ ô cửa nhỏ này tới ngôi nhà bên vách núi đá, từ chiếc bàn gỗ quen thuộc này đến quả cầu lửa của anh... Nhưng phỏng có ích chi? Anh đâu còn mùa xuân bên em. Anh chỉ còn những buổi sáng của riêng anh thôi.

Nói vậy, chớ em vẫn nhớ anh luôn, vẫn chờ anh.

Gửi anh nụ hôn gió xa xôi đến anh, biết anh có cảm được?

Em của anh, Nga.

Người thanh niên xếp lá thư, cho vào bì. Lúc này, anh không thấy khoảng sân phía bên ngoài, không thấy thị trấn mờ đục phía dưới kia cùng chòm tháp chuông nhà thờ nhấp nhô khuất trong những ruộng mía âm u... Anh nằm trên chiếc ghế quay vào gian thờ, chỉ thấy lờ mờ những chân đèn thau, lư bát cấm nhang và tấm nghi treo trên cao bị chuột cắn lung vài chỗ. Những sợi chỉ lòng thòng không đủ dài để nối căn nhà dưới vách núi đến tận ô cửa trong xa kia để anh níu theo bay về phương nam ngay lập tức.

Mưa trên sông Đăkbla



Mưa trên sông Đăkbla chỉ có 9 truyện ngắn nhưng quyển sách vẫn có gáy, vì các truyện ngắn dài hơn khuôn khổ vẫn thấy ở các tác phẩm cùng thể loại in trên mặt báo. Mưa trên sông Đăkbla thấp thoáng huyền thoại chuyện tình Âu Cơ – Lạc Long Quân. Một chàng trai miền xuôi đã kết nghĩa trăm năm với một nàng miền ngược, rồi “gái phải theo chồng”, rồi nàng nhớ đợi ngàn khôn người

Tác giả Đoàn Việt Hùng phân tích tâm lý nhân vật nữ rất kỹ để rút ra điều mà chúng ta thường ít khi tự hỏi “tại sao làm người phải có quê hương và luôn hoài nhớ?”. Với nhân vật nữ, nỗi nhớ được cụ thể hóa thành mái nhà, con suối cánh rừng... và chỉ bấy nhiêu thôi cũng làm ray rứt con người.

Truyện ngắn của Đoàn Việt Hùng phần nhiều là nhớ, lật trang sách đầu tiên gặp ngay truyện Nhớ với lời đề từ: “Phong sương mấy độ qua đường phố/ Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê” (thơ Sơn Nam). Nhân vật trong Nhớ là một ông già miền Trung phải theo con vào Nam sinh sống, mỗi ngày ông già còn sống là còn nhớ, nhớ đủ thứ chuyện từ thuở đại dột đến chuyện dâu bể. Ông già phải kết bạn với trẻ em đồng hương bán vé số mưu sinh để được nghe giọng quê dãi dầu. Đến lúc tàn hơi thở, ông già được “tẩm liệm” bằng không gian nhớ. Người già hoài cổ đã đành, người chưa già cũng hoài niệm về một thời nông nổi với bạn bè (Khói và mảnh trăng khuyết) hay nhớ gì như nhớ người yêu (Về Tuy Hòa).

Trong tập truyện này có in truyện ngắn Nơi không chỉ có khói núi mà Đoàn Việt Hùng đã đoạt giải nhất cuộc thi năm ngoái do NXB Giáo dục tổ chức. Tác giả Đoàn Việt Hùng từng là nhà giáo, ông nắm bắt nghiệp vụ sư phạm khá vững cũng như tâm tình nghề nghiệp. Thế nhưng trong truyện Bầy chim trước hiên nhà thì lại khác, những con chim được nuôi trong lồng quen với giam cầm đến nỗi khi mở cửa không dám bay đi. Vì thức ăn không phải săn tìm hay vì con người dạy dỗ khéo léo?

THANH KIỀU

<http://www.nld.com.vn/190526P0C1020/mua-tren-song-dakbla.htm>

Mưa trên sông Đăkbla” của cây văn xuôi Đoàn Việt Hùng

Nhà xuất bản Hội Nhà văn vừa cho ra mắt bạn đọc cả nước tập truyện ngắn “Mưa trên sông Đăkbla” của cây văn xuôi Đoàn Việt Hùng - hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt <ST1:COUNTRY-REGIoN w:st="on">Nam</ST1:COUNTRY-REGIoN>.

Sách dày gần 140 trang, khổ 13x19cm, do họa sĩ Lê Ký Thương vẽ bìa và trình bày.

Mưa trên sông Đăkbla tập hợp 9 truyện ngắn mà anh đã sáng tác trong vài năm gần đây, gồm: “Nhớ”, “Nơi không chỉ có khói núi”, “Người đàn bà chết trôi”, “Ngày chưa yên”, “Khói và mảnh trăng khuyết”, “Bầy chim trước hiên

nhà”, “Về Tuy Hòa”, “Buổi sáng cuối năm” và truyện ngắn lấy làm tên đầu sách, trong đó tác phẩm “Nơi không chỉ có khói núi” vừa đoạt giải nhất cuộc thi truyện ngắn do Bộ Giáo dục - Đào tạo phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam và Nhà xuất bản Giáo dục tổ chức.

Sau tập truyện “Sông chảy về núi” cùng 2 tập biên khảo “Trò chơi dân gian”, “Truyền thuyết và huyền thoại Phú Yên”, “Mưa trên sông Đăkbla” là tác phẩm riêng thứ 4 của Đoàn Việt Hùng.

QUỐC THÁI